

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN
TỰ ĐỘNG HÓA A&E



ISO 9001

HỒ SƠ NĂNG LỰC

Tp. Hồ Chí Minh - 2020



MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG
2. GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3. GIẤY CHỨNG NHẬN NHÀ PHÂN PHỐI
4. GIẤY CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015
5. THÔNG TIN TÀI CHÍNH
6. HỒ SƠ KINH NGHIỆM
7. HÌNH ẢNH MỘT SỐ DỰ ÁN



1. GIỚI THIỆU CHUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY - ABOUT US

Công ty TNHH Kỹ thuật điện, tự động hóa A&E được thành lập vào năm 2001, là nhà cung cấp hàng đầu các thiết bị điện, các giải pháp và dịch vụ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của khách hàng liên quan đến việc truyền tải, phân phối, điều khiển và tự động hóa hệ thống điện.

A&E Engineering Co., Ltd, founded in 2001, is a premier provider of Electric products, solutions and technical services that meet the needs of customers in the transmission, distribution, control and automation of electric systems.

Lĩnh vực hoạt động

Our business

Kinh doanh sản phẩm - Product trading:

Công ty A&E là nhà cung cấp thiết bị điện hàng đầu tại thị trường Việt Nam. Là nhà phân phối chính thức các thương hiệu hàng đầu thế giới về thiết bị điện: ABB, SCHNEIDER ELECTRIC. Chúng tôi cung cấp đầy đủ các sản phẩm trong hệ thống điện.

A&E is the leading electrical equipment supplier in the Vietnamese market, and is the official distributor for ABB and SCHNEIDER ELECTRIC, leading international brands of electrical equipment. We supply a full range of products in electrical systems.

Sản xuất - Manufacturing:

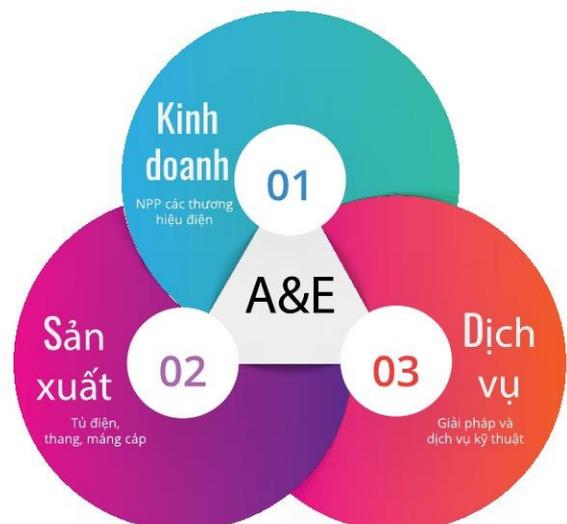
Công ty A&E là nhà sản xuất các loại tủ điện, thang máng cáp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của khách hàng.

A&E manufactures and supplies Distribution and Control Switchboard, Cable tray, Cable ladders to meet the technical standards and requirements of customers.

Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật Solution and technical services:

Công ty A&E cung cấp đến khách hàng một giải pháp tổng thể trong hệ thống phân phối điện, điều khiển và tự động hóa công nghiệp bao gồm: Tư vấn thiết kế, Thực hiện dự án và Dịch vụ kỹ thuật trong hệ thống điện.

A&E Engineering Co., Ltd provides customers a comprehensive solution in electricity distribution systems, control and industrial automation, including Design Consulting, Project implementation and Technical services in electric systems.





Nhiệm vụ - Mission

Nhiệm vụ của chúng tôi là trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thiết bị điện, các giải pháp và dịch vụ kỹ thuật bằng việc cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và đảm bảo độ tin cậy cùng với chi phí linh hoạt và giá cả cạnh tranh. Đáp ứng các dịch vụ và tiêu chuẩn cao nhất, đảm bảo sự hài lòng của khách hàng.

Our mission is to become a leading regional company of electric products, solutions and technical services by providing products with the highest quality and reliability, coupled with flexible and cost-competitive services to ensure total customer satisfaction.

Giá trị - Values

• Đổi mới - Innovation:

Chúng tôi đánh giá cao sự sáng tạo và không ngừng thách thức bản thân để đạt được kết quả đột phá. Chúng tôi tìm kiếm sự tiện nghi và đơn giản hóa các vấn đề phức tạp của khách hàng bằng những nỗ lực của chúng tôi. Các sáng kiến có giá trị phải làm cho khách hàng và người sử dụng cảm thấy sự tiện nghi và dễ dàng sử dụng.

We value creativity and constantly challenge ourselves to achieve breakthrough results. We seek to make the complex simple in our customers' lives by virtue of our efforts. All valued innovation is supposed to facilitate our customers' and end users' lives.

• Con người - People:

Chúng tôi cùng nhau xây dựng và duy trì một môi trường làm việc tốt nhất bằng cách khuyến khích sự học tập, phát triển, xây dựng niềm tin và làm việc đồng đội. Chúng tôi đối xử với nhau bằng sự công bằng và tôn trọng lẫn nhau. Cùng với nhau, tập thể chúng tôi là một nguồn lực tạo nên lợi thế cạnh tranh.

Together, we create and sustain an environment that brings out the best in all of us by stimulating learning, development, building trust and teamwork. We treat each other with fairness and respect. Together, we are a tremendous source of competitive advantage.

• Cam kết - Commitment:

Niềm tin, sự hài lòng của khách hàng là điều quan trọng nhất của chúng tôi và là điều chúng tôi luôn hướng tới. Phát triển sản phẩm, không ngừng cải tiến để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt nhất. Mỗi cơ hội hợp tác với khách hàng là một cơ hội để chúng tôi thực hiện cam kết này.

Trust and satisfaction of customers are the most important thing we lean towards: developing products, constantly improving to provide outstanding quality products and services. Cooperating with customers gives us an opportunity to demonstrate this commitment.

SẢN PHẨM KINH DOANH - TRADING

Công ty A&E là nhà cung cấp thiết bị điện hàng đầu tại thị trường Việt Nam. Là nhà phân phối chính thức các thương hiệu hàng đầu thế giới về thiết bị điện: ABB, SCHNEIDER ELECTRIC. Chúng tôi cung cấp đầy đủ các sản phẩm trong hệ thống điện.

A&E is the leading electrical equipment supplier in the Vietnamese market, and is the official distributor for ABB and SCHNEIDER ELECTRIC, leading international brands of electrical equipments. We supply a full range of products in electrical systems.

Nhà phân phối chính thức
Official Distributor

Online shopping : www.acecom.vn



PHÂN PHỐI ĐIỆN TRUNG THẾ - MV DISTRIBUTION



Tủ hợp bộ, đóng cắt trung thế
MV Switchgear Panel



Thiết bị đóng cắt, cầu dao trung thế
MV Circuit breaker, load break switch



Máy biến áp phân phối
Transformer

PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ - LOW VOLTAGE DISTRIBUTION



Máy cắt không khí ACB
Air Circuit Breaker



Cầu dao dạng khối MCCB
Molded Case Circuit Breaker



Cầu dao loại nhỏ MCB
Miniature Circuit Breaker



Cầu dao chống dòng rò RCCB
Residual Current Circuit breaker



Thiết bị điều khiển và chống sét
Control & Surge protection



Bộ chuyển đổi nguồn ATS
Automatic source changeover system



Cầu dao cắt tải
Load Break Switches



Bù công suất
Power factor correction



Thiết bị quản lý điện năng
Power management

ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ - MOTOR CONTROL



Bộ khởi động motor
Motor Starters



Khởi động từ
Contactors



Biến tần
Variable Speed Drives



Khởi động mềm
Softstarter



Relay điều khiển và cầu chì
Control Relay & Fuse



Relay nhiệt
Thermal Overload Relay

TỰ ĐỘNG HÓA - AUTOMATION



Bộ điều khiển lập trình PLC
Programmable Controller



Phần mềm SCADA
SCADA software



Màn hình điều khiển
Graphic Touch Screen



Relay điều khiển và phụ kiện
Control Relay & Accessories



Bộ nguồn
Power Supplies

SẢN PHẨM KINH DOANH - TRADING

THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN - CONTROL AND SIGNALING



Hộp điều khiển
Control Stations



Nút nhấn, công tắc xoay và đèn báo
Push Button, Selector switches & Pilot Light



Công tắc Cam
Cam switches



Đèn hiệu cảnh báo
Indicator

CẢM BIẾN - SENSOR



Công tắc hành trình
Limit Switches



Cảm biến từ
Magnetic sensors



Cảm biến quang
Photo-electric sensors



Cảm biến siêu âm
Ultrasonic sensors



Cảm biến áp suất
Pressure sensors



Công tắc áp suất
Pressure switches

THANH DẪN & CÁP ĐIỆN - BUSWAY & POWER CABLE



CÔNG TẮC & Ổ CẮM - SOCKET AND SWITCHES



ĐÈN CHIẾU SÁNG - LIGHTING



SẢN XUẤT - MANUFACTURING

Công ty TNHH Kỹ thuật điện, tự động hóa A&E là nhà sản xuất các loại tủ điện phân phối, điều khiển, thang máng cáp và các phụ kiện lắp đặt. Chúng tôi thiết kế, cung cấp và lắp đặt các hệ thống phân phối điện, điều khiển và tự động hóa công nghiệp.

Chúng tôi có đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp luôn sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn cho khách hàng để đảm bảo cho khách hàng có thể lựa chọn các giải pháp tốt nhất cho các yêu cầu của họ. Đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật và hiệu quả kinh tế nhất. Công ty TNHH Kỹ thuật điện, tự động hóa A&E đã có một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về đạo đức kinh doanh chuyên nghiệp đảm bảo tất cả các nhân viên có nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc duy trì chất lượng và dịch vụ khách hàng.

A&E Engineering Co., Ltd specializes in the manufacture of Distribution Boards, Control Panels, Cable ladder and installation accessories. We also design, supply and install industrial and commercial power distribution, Control and Industrial Automation Systems. Our Professional team is always ready to provide support and consultation to ensure customers can select the best solution for their requirements with the highest quality technical solutions and economic efficiency. A&E Engineering Co., Ltd has built a strict professional Code of Ethics which ensures all staff are aware of the importance of maintaining customer service and quality.



TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI - DISTRIBUTION SWITCHBOARD

Tủ điện phân phối bao gồm các loại tủ đơn và loại modul tích hợp cho hệ thống phân phối điện hạ thế bao gồm tủ phân phối chính và các tủ nhánh, đáp ứng tất cả các yêu cầu của hệ thống phân phối điện về bảo vệ, lắp đặt và các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ, điện.

- Tủ phân phối chính MSB
- Tủ phân phối DB
- Tủ bù công suất PFC
- Tủ chuyển đổi nguồn ATS

The range of distribution switchgear provides a complete and integrated solution of monobloc metalwork structures and kit systems for main and sub low voltage distribution switchgear, which satisfy all plant requirements depending on the type of installation, level of protection required, and electrical and mechanical standards.

- Main distribution switchgear MSB
- Sub distribution switchgear DB
- Power factor control panels PFC
- Automatic transfer switch ATS



TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN - CONTROL SWITCHBOARD

Tủ điện điều khiển phù hợp cho các giải pháp và ứng dụng trong các hệ thống điều khiển và tự động hóa công nghiệp. Tủ điện được sản xuất hoàn thiện với cấu hình cơ bản cho việc lắp đặt thiết bị và các tiện ích về đột lỗ, bố trí, định vị thiết bị hợp lý giúp tiết kiệm công sức và thời gian lắp đặt.

- Tủ điều khiển motor MCC
- Tủ điều khiển

Control switchboards are suitable for solutions and applications in control and industrial automation systems. Completed switchboards have basic configurations for the assembly of the apparatus, hole drillings, fixings and logical equipment positioning to save labor and installation time!

- Motor control center panels MCC
- Control panels



THANG MÁNG CÁP - CABLE SUPPORT SYSTEMS

Công ty TNHH Kỹ thuật điện, tự động hóa A&E là nhà sản xuất hệ thống giá đỡ cáp theo tiêu chuẩn của thị trường và theo yêu cầu chuyên biệt của mỗi khách hàng cho các hệ thống lắp đặt điện. Chúng tôi cung cấp đầy đủ các giải pháp và hệ thống giá đỡ cáp đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu của mỗi khách hàng

Thang cáp:

Đầy đủ các loại thang cáp và phụ kiện, đáp ứng tất cả các yêu cầu lắp đặt thang cáp

Khay cáp:

Hệ thống khay cáp tích hợp các đầu nối dễ dàng trong việc lắp đặt và tiết kiệm thời gian

Máng cáp:

Hệ thống máng cáp đảm bảo sự bảo vệ chắc chắn và an toàn cho cáp trong các môi trường sản xuất khác nhau.

A&E Engineering Co. Ltd manufactures and markets standard and tailor-made solutions in the field of cable support systems for electrical installations. We offer a complete range of cable support systems that meet the demand and requirements of customers.

Cable ladders:

An extensive range of ladder types and accessories provide a solution to any installation issue.

Cable trays:

The trays integrate easy-joining plates in time-saving installations.

Industrial floor trunking:

A chequer plate system ensures robust and safe protection for cables in various production environments.



Dịch vụ theo yêu cầu khách hàng là dịch vụ sản xuất các loại tủ điện, thang máng cáp theo yêu cầu chuyên biệt của mỗi khách hàng về màu sơn, đục lỗ, bố trí thiết bị và lắp đặt theo các yêu cầu cụ thể của mỗi dự án.

Custom- Made Service is A&E's service for Distribution Boards, Control Panels, Cable ladder and cable trays that comply with customers' particular requirements for the paint, drillings and equipment positioning and assembly for each project.

DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU KHÁCH HÀNG CUSTOM MADE SERVICE

Màu sơn - Painting

Màu sơn tiêu chuẩn của tủ điện là RAL 7035. Tuy nhiên chúng tôi có thể sơn các màu sơn khác nhau theo yêu cầu của mỗi khách hàng cho các ứng dụng chuyên biệt.

The standard colour is RAL 7035. However, we can provide any particular paint in accordance with customers' request for each application.



Đục lỗ theo yêu cầu - Customized drilling

Chúng tôi cung cấp dịch vụ gia công, đục lỗ tuân thủ theo bản vẽ cụ thể của mỗi khách hàng, bản vẽ AutoCAD hoặc bản vẽ định dạng dxf..

We offers a drilling service complying with your own specific drawing, made with CAD dwg or dxf format drawings.



Dịch vụ lắp đặt - Installation service

Nếu bạn muốn một sản phẩm hoàn thiện sẵn sàng cho việc sử dụng, bạn có thể sử dụng dịch vụ lắp đặt, chúng tôi sẽ thực hiện dịch vụ lắp đặt theo yêu cầu khách hàng. Chúng tôi cũng đồng thời cung cấp các phụ kiện và thiết bị lắp đặt theo yêu cầu khách hàng.

Should you prefer a perfect solution ready for use, you can choose the Custom-Made Service solution dedicated to your installation demand. We can also supply accessories and equipment at your order.



DỰ ÁN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

SOLUTION AND TECHNICAL SERVICE

Công ty A&E cung cấp đến khách hàng một giải pháp tổng thể trong hệ thống phân phối điện, điều khiển và tự động hóa công nghiệp bao gồm: Tư vấn thiết kế, Thực hiện dự án và dịch vụ kỹ thuật về bảo trì thiết bị trong hệ thống điện.

A&E Engineering Co., Ltd provider to customers a comprehensive solution in electric distribution, control and industrial automation systems, including Design Consulting, Project installation and Technical service in electric systems.



Tư vấn thiết kế

Design consulting

Với đội ngũ kỹ sư có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm, hiểu rõ lĩnh vực thực tế của khách hàng. Chúng tôi tư vấn các giải pháp phù hợp cho từng yêu cầu để đạt hiệu quả cao nhất ngay từ lúc triển khai, tránh sự chậm trễ không cần thiết và các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch.

Ngoài ra, đội ngũ chúng tôi cũng có thể làm việc cùng với tổ thiết kế của khách hàng hoặc nhà thầu do khách hàng chỉ định để bổ sung các kỹ năng và kiến thức chuyên môn

Our highly experienced engineering consultancy team understand the dynamics of your sector. We'll work with you to develop and deploy a suite of cutting-edge solutions to improve system reliability and risk management, as well as reducing the financial risk of downtime. We can impact positively on your bottom line through our specialist energy efficiency team.

We deliver individually tailored solutions, achieving the most efficient solution from the outset, avoiding unnecessary delays and unplanned costs. Additionally, our team can work alongside your own design teams or appointed contractors, filling skills gaps and offering our specialist knowledge.



Technical Services

Dịch vụ kỹ thuật



Công ty TNHH Kỹ thuật điện Tự động hóa A&E có các kỹ năng chuyên môn về hệ thống phân phối điện, điều khiển và tự động hóa công nghiệp. Chúng tôi có những thiết bị và phần mềm chuyên dùng cho các ứng dụng chuyên biệt của khách hàng. Chúng tôi cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và bảo trì hệ thống điện theo yêu cầu của khách hàng.

Trong xu thế hoạt động hiệu quả khi sử dụng nguồn lực được đào tạo bên ngoài, các giải pháp của chúng tôi là sự hỗ trợ của một tổ chức dịch vụ toàn diện. Nếu công nghệ hiện hữu của bạn đã lỗi thời, công tác tư vấn cải tiến hệ thống của chúng tôi sẽ giúp bạn có những quyết định đầu tư đúng đắn.

Dịch vụ bảo trì hệ thống điện

Dịch vụ sửa chữa, thay thế động cơ, biến tần và thiết bị đóng cắt.

Dịch vụ đo lường, kiểm toán tiết kiệm năng lượng

Cung cấp thiết bị và các giải pháp tiết kiệm năng lượng

A&E Engineering Co., Ltd has the technical skill in electric distribution, control and industrial automation systems. We have the equipment and specialized software applications for specific customers. We provide technical service and maintenance electric system required by customers.

With the trend towards cost-effective operation through outsourcing, our solutions are backed by a comprehensive service organisation. If your current solution is ageing, our system evolution consultancy will help you make the right investment decisions.

Maintenance services for electric system

Repair, replacement services for motors, inverters and switchgear

Measurement services, energy audit

Provide equipment and energy saving solutions

GIẢI PHÁP VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT SOLUTION AND TECHNICAL SERVICE

Thực hiện dự án



Projects

Công ty A&E thực hiện các Dự án & Dịch vụ bằng việc phối hợp tất cả các kỹ năng và năng lực của chúng tôi.

Với kiến thức và giàu kinh nghiệm trong các ngành công nghiệp chủ yếu. Với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và nhiều năm kinh nghiệm, chúng tôi đã thực hiện thành công nhiều dự án và dịch vụ:

- Hệ thống phân phối điện từ trung thế, hạ thế.
- Hệ thống điện nhà xưởng, chiếu sáng công cộng.
- Hệ thống điện tòa nhà, hệ thống điều khiển HVAC
- Hệ thống điều khiển quy trình sản xuất và tự động hóa (PLC, Scada)
- Hệ thống giám sát và quản lý điện năng.

A&E Projects & Services have brought together all its capabilities into one unique offer. With a strong knowledge base and experience in primary industries. With a staff of professionals and years of experience, we have successfully carried out many projects and services, including:

- Medium and low - voltage electricity distribution systems.
- Electrical system for workshops, public lighting.
- Electrical system for buildings, HVAC control systems.
- Automation and manufacturing process control systems (PLC, Scada).
- Power management and monitoring systems.

- **Cung cấp giải pháp theo yêu cầu:**

Chúng tôi làm việc phối hợp chặt chẽ với khách hàng để hiểu các nhu cầu và cung cấp giải pháp đúng theo từng yêu cầu, giúp khách hàng có thể tập trung giải quyết công việc chủ yếu của mình. Chúng tôi có khả năng cung cấp trọn gói thiết bị điện hoàn chỉnh theo phương án chìa khóa trao tay, bao gồm công tác thiết kế và cung cấp thiết bị, qua các khâu lắp đặt, vận hành chạy thử, đưa vào hoạt động và đào tạo nhân viên điều khiển vận hành.

- **Xây dựng quan hệ đối tác lâu dài:**

Chúng tôi đoán nhận rằng xây dựng quan hệ đối tác thân thiện sẽ là khoản đầu tư giúp gia tăng tối đa lợi nhuận của khách hàng. Chúng tôi tin tưởng vào việc xây dựng quan hệ đối tác lâu dài, trong đó các bên cùng chia sẻ mọi lợi ích và rủi ro.

- **Delivering tailored solutions:**

Our aim is to work with you to understand your needs and offer individually tailored solutions, allowing you to focus on your core business. We are able to provide a complete electrical turnkey package, encompassing the design and supply of equipment, through installation and commissioning, to operation and training.

- **Building long-term partnerships:**

We recognise that a productive partnership approach helps maximise your overall investments. We believe in building long-term relationships that encompass shared risks and rewards.





2. GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0302277600

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 04 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 15 tháng 04 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN - TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A&E ENGINEERING CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 38 224 028

Fax: 08 38 211 640

Email: [.info@aecom.vn](mailto:info@aecom.vn)

Website: [ww.aecom.vn](http://www.aecom.vn)

3. Vốn điều lệ 39.600.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN NHỰT QUANG	A1 Bis Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Việt Nam	14.800.000.000	37,370	023730821	
2	NGUYỄN VĂN LIÊN	26 đường 297, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	12.500.000.000	31,570	024634595	
3	NGUYỄN TU KHẢ TỬ	14/4 Tú Xương, tổ 14, khu phố 1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	6.680.000.000	16,870	024507463	

4	PHẠM THỊ THÙY LINH	6/17B Phan Xích Long, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.620.000.000	14,190	024745443	
---	-----------------------	---	---------------	--------	-----------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LIÊN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/06/1966*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *024634595*

Ngày cấp: *05/05/2009*

Nơi cấp: *CA TPHCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *26 đường 297, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *26 đường 297, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



TRƯỜNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng

Cù Thành Đức



3. CHỨNG NHẬN NHÀ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC



Certification – Diffuse Distributor

This is to certify that

A&E ENGINEERING CO., LTD

100 Ky Con, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

is the Diffuse Distributor of Schneider Electric Vietnam

(Effective from 1st January 2020 to 31st December 2020)



Ha Ton Que Tien - Vice President



Certification – Industrial Automation Distributor

This is to certify that

A&E ENGINEERING CO., LTD

100 Ky Con Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

is the Industrial Automation Distributor of Schneider Electric Vietnam

(Effective from 1st January 2020 to 31st December 2020)



Yoon Young Kim - Country President

Schneider Electric is proud to certify that

A&E ENGINEERING CO., LTD

100 Ky Con Str., Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City

is Certified Power Services **EcoXpert™** of Schneider Electric Vietnam
(Effective from 1st of April 2020 to 31st of December 2020)



Accredited by



Marc Proetz

Field Services Cluster Business Vice President
Schneider Electric Vietnam & Thailand

Schneider Electric
www.se.com/ecoxpert

Schneider
Electric



CERTIFICATE

ABB Cooperation Authorized Distributor

A&E Engineering Company Limited

100 Ky Con Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1;
700000, Ho Chi Minh City, Viet Nam

is authorized by ABB VIETNAM for the following:

Product

Low voltage AC drives

This certificate no. 006579 is valid until: 03/31/2021



Yeoh Teong Wah
Business Director, Motion



CERTIFICATE

ABB Cooperation Distributor

A&E ENGINEERING COMPANY LIMITED

100 Ky Con Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho
Chi Minh City, Viet Nam

is authorized by ABB for the following:

Product

Smart Power

Smart Building

This certificate no. 006584 is valid until: 31/12/2020

Noel Claude Hupont
President

Hien Doan Van
Vice-President, Electrification



4. CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015

ABS Quality Evaluations

Certificate Of Conformance

This is to certify that the Quality Management System of:

A & E Engineering Company Ltd.

**100 Ky Con Street,
Nguyen Thai Binh Ward, District 1,
Ho Chi Minh City
Vietnam**

has been assessed by ABS Quality Evaluations, Inc. and found to be in conformance with the requirements set forth by:

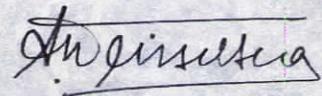
ISO 9001:2015

The Quality Management System is applicable to:

**TRADING AND INSTALLATION OF ELECTRICAL EQUIPMENT INCLUDING ELECTRICAL DISTRIBUTION,
INDUSTRIAL CONTROL AND AUTOMATION EQUIPMENT**

This certificate may be found on the ABS QE Website (www.abs-qe.com). For certificates issued in the People's Republic of China information may also be verified on the CNCA website (www.cnca.gov.cn).

Certificate No:	49297
Certification Date:	11 December 2013
Effective Date:	05 November 2016
Expiration Date:	10 December 2019
Issue Date:	07 November 2016



Alex Weisselberg, President



Validity of this certificate is based on the successful completion of the periodic surveillance audits of the management system defined by the above scope and is contingent upon prompt, written notification to ABS Quality Evaluations, Inc. of significant changes to the management system or components thereof.

ABS Quality Evaluations, Inc. 16855 Northchase Drive, Houston, TX 77060, U.S.A.

Validity of this certificate may be confirmed at www.abs-qe.com/cert_validation.

Copyright 2011 ABS Quality Evaluations, Inc. All rights reserved.



5. THÔNG TIN TÀI CHÍNH



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN - TỰ ĐỘNG HÓA A&E

100 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 38224028 - 38211657 Fax: (08) 38211640
Email: info@aecom.vn http://www.aecom.vn

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Địa chỉ: 100 Ký Con, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 03 năm tài chính gần nhất:

Đơn vị tính: __tỷ__ (VND)

TT		Năm [2017]	Năm [2018]	Năm [2019]
1	Tổng tài sản	101.239.053.473	105.126.815.879	90.698926.919
2	Tổng nợ phải trả	54.683.004.185	57.203.418.784	41.610.082.690
3	Tài sản ngắn hạn	99.892.714.893	103.739.443.287	89.724.907.142
4	Nợ ngắn hạn	54.683.004.185	57.203.418.784	41.610.082.690
5	Doanh thu	226.866.661.079	241.405.793.119	264.904.439.984
6	Lợi nhuận trước thuế	1.613.558.070	1.430.671.074	1.583.045.876
7	Lợi nhuận sau thuế	1.290.846.456	1.144.536.859	1.266.436.701

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai gồm (nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp được công chứng, chứng thực của một trong các tài liệu này):

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong 03 năm tài chính nêu trên.
2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong 03 năm tài chính nêu trên.
3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong 03 năm tài chính nêu trên.

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2020

Đại diện nhà thầu



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Địa Chỉ: 100 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

MST: 0302277600

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2019

KẾ TOÁN



HÀ THỊ YÊN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHƯỚC HUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 151/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính
)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

- [01] Kỳ tính thuế: Năm 2019
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []
 Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
 Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc
 Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết
[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:
[05] Tỷ lệ (%): 0,00%

- [06] **Tên người nộp thuế:** Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tự Động Hóa A&E
[07] **Mã số thuế:** 0302277600
[08] Địa chỉ: 100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình
[09] Quận/Huyện: Quận 1 [10] Tỉnh/Thành phố: TP HCM
[11] Điện thoại: [12] Fax: [13] E-mail:

- [14] **Tên đại lý thuế (nếu có):**
[15] **Mã số thuế:**
[16] Địa chỉ:
[17] Quận/Huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:
[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:
[22] **Hợp đồng đại lý thuế: Số** Ngày:

Đơn vị tiền: *Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.583.045.876
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	1.583.045.876
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	1.583.045.876
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	1.583.045.876
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	1.583.045.876
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	1.583.045.876
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	1.583.045.876
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10=(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	316.609.175
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	316.609.175
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	316.609.175
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	316.609.175
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	300.000.000
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	300.000.000
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	16.609.175
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	16.609.175
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	63.321.835
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	(46.712.660)

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn []

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn: 0

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn: 0

M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp: 0 ngày, từ ngày 01/02/2020 đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp: 0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 18 tháng 03 năm 2020

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



Nguyễn Phước Huy

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tự Động Hóa A&E

[03] Mã số thuế: 0302277600

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính.		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	[01]	264.904.439.984
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	1.411.055.017
a	Chiết khấu thương mại	[04]	314.067.156
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	1.096.987.861
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	65.498.107
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	261.114.511.084
a	Giá vốn hàng hóa	[10]	241.559.920.107
b	Chi phí bán hàng	[11]	9.946.538.389
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	9.608.052.588
5	Chi phí tài chính	[13]	861.326.114
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	1.583.045.876
7	Thu nhập khác	[16]	0
8	Chi phí khác	[17]	0
9	Lợi nhuận khác ([18] = [16] - [17])	[18]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19] = [15] + [18])	[19]	1.583.045.876

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 18 tháng 03 năm 2020

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)


Nguyễn Phước Huy

Ghi chú: - Số liệu tại chi tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chi tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



THÔNG BÁO
V/v: Tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - Tự ĐỘNG HÓA A&E
Mã số thuế: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) gửi tới Cơ quan thuế lúc 14 giờ 23 phút 36 giây ngày 24 tháng 03 năm 2020, Cơ quan thuế thông báo tiếp nhận HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tờ khai quyết toán thuế TNDN - 03/TNDN	Chính thức	2019	1	

2) Mã giao dịch điện tử: 11320200027950242

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế **tiếp nhận** vào lúc 14 giờ 23 phút 36 giây ngày 24 tháng 03 năm 2020, HSKT điện tử sẽ được Cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo về việc chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm Cơ quan thuế tiếp nhận HSKT điện tử.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

[01] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tự Động Hóa A&E

[02] Mã số thuế: 0302277600

[03] Địa chỉ: 100 Kỳ Con, Phường Nguyễn Thái Bình [04] Quận/Huyện: Quận 1 [05] Tỉnh/Thành phố: TP HCM

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		89.724.907.142	103.739.443.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		2.093.079.657	3.489.150.962
1. Tiền	111		2.093.079.657	3.489.150.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		923.000.000	1.188.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		923.000.000	1.188.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		27.826.958.059	22.045.614.565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.330.303.154	21.454.343.595
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.496.654.905	586.750.148
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	4.520.822
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		58.432.477.440	76.133.670.308
1. Hàng tồn kho	141		58.432.477.440	76.133.670.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		449.391.986	883.007.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		449.151.986	344.011.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		240.000	538.996.096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		973.919.777	1.387.372.592
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		576.588.018	990.040.833
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		384.527.783	622.649.174
- Nguyên giá	222		3.159.627.797	3.159.627.797
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.775.100.014)	(2.536.978.623)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		192.060.235	367.391.659
- Nguyên giá	228		931.536.320	931.536.320
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(739.476.085)	(564.144.661)
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	250		397.331.759	397.331.759
1. Đầu tư vào công ty con	251		397.331.759	397.331.759
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		90.698.826.919	105.126.815.879
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		41.610.082.690	57.203.418.784
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		41.610.082.690	57.203.418.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		15.073.763.226	11.735.232.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.072.097.905	4.440.705.960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.558.171.226	144.128.627
4. Phải trả người lao động	314		844.089.448	789.629.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		13.300.000.000	32.600.000.000

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		258.882.400	1.390.457.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.078.485	3.265.085
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		7.500.000.000	6.100.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		49.088.744.229	47.923.397.095
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		49.088.744.229	47.923.397.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		39.600.000.000	39.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.600.000.000	39.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		9.488.744.229	8.323.397.095
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.222.307.528	7.178.860.236
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.266.436.701	1.144.536.859
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	90.698.826.919	105.126.815.879

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Phước Huy

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Hà Chí Yên

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
- **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tự Động Hóa A&E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		264.904.439.984	241.405.793.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.411.055.017	844.954.457
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		263.493.384.967	240.560.838.662
4. Giá vốn hàng bán	11		241.559.920.107	218.311.575.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.933.464.860	22.249.262.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		65.498.107	221.799.389
7. Chi phí tài chính	22		861.326.114	942.003.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	888.571.333
8. Chi phí bán hàng	25		9.946.538.389	10.448.665.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.608.052.588	9.649.722.087
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.583.045.876	1.430.671.074
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.583.045.876	1.430.671.074
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		316.609.175	286.134.215
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.266.436.701	1.144.536.859
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Phước Huy

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Hà Chi Yên

(* Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Tự Động Hóa A&E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		282.401.671.358	269.489.736.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(249.531.899.238)	(159.152.775.379)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.679.714.470)	(11.230.664.389)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(817.411.455)	(888.571.333)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(296.993.785)	(170.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		669.061.091	12.235.649.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.785.352.171)	(7.406.812.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.040.638.670)	102.876.562.978
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	(262.609.445)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(1.603.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		265.000.000	1.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.125.888	63.810.615
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		328.125.888	(501.798.830)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		131.163.503.011	6.766.610.836
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.763.503.011)	(107.662.684.528)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(83.558.523)	(117.385.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.316.441.477	(101.013.458.921)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.396.071.305)	1.361.305.227
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.489.150.962	2.127.845.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.093.079.657	3.489.150.962



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Hà Thị Yến



Nguyễn Phước Huy

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0324141949105/2020/TB-TĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

THÔNG BÁO
V/v: Tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - Tự ĐỘNG HÓA A&E
Mã số thuế: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) gửi tới Cơ quan thuế lúc 14 giờ 24 phút 40 giây ngày 24 tháng 03 năm 2020, Cơ quan thuế thông báo tiếp nhận HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bộ báo cáo tài chính - TT200	Chính thức	2019	1	

2) Mã giao dịch điện tử: 11320200027950922

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế **tiếp nhận** vào lúc 14 giờ 24 phút 40 giây ngày 24 tháng 03 năm 2020, HSKT điện tử sẽ được Cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo về việc chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm Cơ quan thuế tiếp nhận HSKT điện tử.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế.*

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2019

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ ĐK	Có ĐK	PS Nợ	PS Có	Nợ CK	Có CK
111	Tiền mặt	27 415 907		62 058 594 337	62 049 837 505	36 172 739	
112	Tiền gửi ngân hàng	3 461 735 055		468 207 635 728	469 612 463 865	2 056 906 918	
128	Đầu tư ngắn hạn khác	1 188 000 000			265 000 000	923 000 000	
131	Phải thu của khách hàng	21 454 343 595	4 440 705 960	341 219 910 232	334 975 342 618	26 330 303 154	3 072 097 905
133	Thuế GTGT được khấu trừ	538 996 096		23 014 001 098	23 552 757 194	240 000	
138	Phải thu khác	1 522 818			1 522 818		
141	Tạm ứng			1 150 888 882	1 150 888 882		
152	Nguyên liệu, vật liệu	74 598 840 802		223 673 539 453	241 223 567 545	57 048 812 710	
153	Công cụ, dụng cụ			357 028 542	357 028 542		
154	Chi phí SXKD dở dang	1 534 829 506		34 805 315 058	34 956 479 834	1 383 664 730	
211	Tài sản cố định	3 159 627 797				3 159 627 797	
213	TSCĐ vô hình	931 536 320				931 536 320	
214	Hao mòn tài sản cố định		3 101 123 284		413 452 815		3 514 576 099
221	Đầu tư vào công ty con	397 331 759				397 331 759	
242	Chi phí trả trước dài hạn	344 011 356		425 473 197	320 332 567	449 151 986	
244	Cầm cố, thế chấp, kí quỹ, kí cược	2 998 004			2 998 004		
331	Phải trả cho người bán	586 750 148		269 020 334 693	271 448 960 470	1 496 654 905	15 073 763 226
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		11 735 232 692	25 441 783 220	26 855 825 819		1 558 171 226
334	Phải trả công nhân viên		144 128 627	12 545 896 967	12 600 357 395		844 089 448
336	Phải trả nội bộ		789 629 020	19 800 000 000	500 000 000		13 300 000 000
338	Phải trả, phải nộp khác		1 393 722 485	8 921 273 730	7 789 512 130	186 600	262 147 485
341	Vay và nợ thuê tài chính		6 100 000 000	162 860 029 171	164 260 029 171		7 500 000 000
411	Nguồn vốn kinh doanh		39 600 000 000				39 600 000 000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		8 323 397 095	2 765 164 657	3 930 511 791		9 488 744 229
511	Doanh thu bán hàng			264 904 439 984	264 904 439 984		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			65 498 107	65 498 107		
521	Chiết khấu thương mại			314 067 156	314 067 156		
531	Hàng bán bị trả lại			1 096 987 861	1 096 987 861		
621	Chi phí NVL trực tiếp			33 799 084 644	33 799 084 644		



622	Chi phí nhân công trực tiếp				842 583 158	842 583 158
627	Chi phí sản xuất chung				163 647 256	163 647 256
632	Giá vốn hàng bán				242 473 832 071	242 473 832 071
635	Chi phí tài chính				861 326 114	861 326 114
641	Chi phí bán hàng				9 946 538 389	9 946 538 389
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp				9 608 052 588	9 608 052 588
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				316 609 175	316 609 175
911	Xác định kết quả kinh doanh				265 078 421 305	265 078 421 305
	TỔNG PHÁT SINH	108 227 939 163	108 227 939 163	108 227 939 163	2 485 737 956 773	2 485 737 956 773
					94 213 589 618	94 213 589 618

TP HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Kế Toán Trưởng

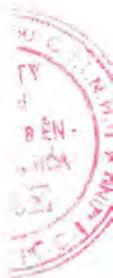


Hà Thị Yến

Giám Đốc



Nguyễn Phước Huy



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E
Địa Chỉ: 100 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
MST: 0302277600

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2018

KẾ TOÁN



HÀ THỊ YÊN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHƯỚC HUY

Tên cơ sở KD: CTY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA A & E

Mã số thuế: 0302277600

Địa điểm KD: 100 Ký con, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. HCM

Ngành nghề: Mua bán, lắp đặt thiết bị điện công nghiệp

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

<u>STT</u>	<u>TÊN HỒ SƠ</u>	<u>SỐ TỜ</u>
	<u>BÁO CÁO THUẾ</u>	
1	Quyết toán thuế TNDN	5
2	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - Quyết toán thuế TNDN	1
3	Quyết toán thuế TNCN	16
4	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - Quyết toán thuế TNCN	1
	<u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u>	
1	Bảng cân đối kế toán	4
2	Kết quả hoạt động kinh doanh	2
3	Lưu chuyển tiền tệ	2
4	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - TT200- Bộ báo cáo tài chính	1
5	Bảng cân đối phát sinh	4
6	Thuyết minh báo cáo tài chính	18

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 151/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính
)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

- [01] Kỳ tính thuế: Năm 2018
 [02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []
 Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
 Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc
 Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết
 [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:
 [05] Tỷ lệ (%): 0,00%

- [06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E
 [07] Mã số thuế: 0302277600
 [08] Địa chỉ: 100 KÝ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH
 [09] Quận/Huyện: 1 [10] Tỉnh/Thành phố: HCM
 [11] Điện thoại: [12] Fax: [13] E-mail:

- [14] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [15] Mã số thuế:
 [16] Địa chỉ:
 [17] Quận/Huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:
 [19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:
 [22] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.430.671.074
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	1.430.671.074
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	1.430.671.074
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	1.430.671.074
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	1.430.671.074
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	1.430.671.074
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	1.430.671.074
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10=(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	286.134.215
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	286.134.215
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	286.134.215
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	286.134.215
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	279.140.430
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	279.140.430
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	6.993.785
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	6.993.785
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	57.226.843
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	(50.233.058)

00-
 17Y
 1H
 TĐĐ
 GHC
 01/11
 HỒ

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn []

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn: 0

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn: 0

M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp: 0 ngày, từ ngày 01/02/2019 đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp: 0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
-----	--------------

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



NGUYỄN PHƯỚC HUY

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: 03-
 1A/TNDN
 (Ban hành
 kèm theo
 Thông tư số
 156/2013/TT-
 BTC ngày
 6/11/2013
 của Bộ Tài
 chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính.		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	[01]	241.405.793.119
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	844.954.457
a	Chiết khấu thương mại	[04]	210.239.120
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	634.715.337
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	221.799.389
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	238.409.963.490
a	Giá vốn hàng hóa	[10]	218.311.575.917
b	Chi phí bán hàng	[11]	10.448.665.486
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	9.649.722.087
5	Chi phí tài chính	[13]	942.003.487
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	888.571.333
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	1.430.671.074
7	Thu nhập khác	[16]	0
8	Chi phí khác	[17]	0
9	Lợi nhuận khác ([18] = [16] - [17])	[18]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19] = [15] + [18])	[19]	1.430.671.074



Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



Ghi chú: - Số liệu tại chi tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chi tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.





Trần Thị Minh Ngọc <tranminh.ngoc@aecom.vn>

Thông báo thuế

Dịch vụ nộp hồ sơ thuế qua mạng <ihtkk@gdt.gov.vn>
 Tới: tranminh.ngoc@aecom.vn

18:12 28 tháng 3, 2019

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
 ((Ban hành kèm theo Thông tư số
 110/2015/TT-BTC - dành riêng cho
 dịch vụ khai thuế điện tử))

**BỘ TÀI CHÍNH
 TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 10120190116638795/TB-TĐT

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - TỰ ĐỘNG HÓA A&E
 Mã số thuế của NNT: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo tiếp nhận vào lúc 14 giờ 26 phút 32 giây, ngày 28 tháng 03 năm 2019. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận HSKT điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

+ Tên hồ sơ khai thuế điện tử :

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN	Chính thức	2018	2	

+ Mã giao dịch điện tử: 10620190265748939

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc :14 giờ 26 phút 32 giây ngày 28 tháng 03 năm 2019

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của người nộp thuế là ngày 28/03/2019 14:26:32

[Ấn văn bản trích dẫn]

 **Thông báo thuế.xml**
6K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **05/QTT-TNCN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN MẪU 05/QTT-TNCN (TT92)

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[05] Mã số thuế: 0302277600

[06] Địa chỉ: 100 KỶ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH

[07] Quận/Huyện: 1

[08] Tỉnh/Thành phố: HCM

[09] Điện thoại:

[10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/Huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Có phải là doanh nghiệp chuyển đổi loại hình hoặc là hợp nhất hay không?

Lý do:

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	89
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	89
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	36
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	36
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	0
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[26]	Người	0
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[27]	Người	0
5	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30]	[28]	VND	11.227.935.246
5.1	Cá nhân cư trú	[29]	VND	11.227.935.246
5.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VND	0
6	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]	[31]	VND	6.665.113.577
6.1	Cá nhân cư trú	[32]	VND	6.665.113.577
6.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VND	0
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]	[34]	VND	170.769.684
7.1	Cá nhân cư trú	[35]	VND	170.769.684
7.2	Cá nhân không cư trú	[36]	VND	0
8	Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]	[37]	VND	
8.1	Cá nhân cư trú	[38]	VND	
8.2	Cá nhân không cư trú	[39]	VND	
9	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[40]	VND	
10	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[41]	VND	0



II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[42]	Người	75
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[43]	VND	168.820.506
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[44]	VND	168.820.506
4	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	[45]	VND	0
5	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	[46]	VND	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC ĐIỆN TÍNH THEO BIỂU LŨY TIỀN TỪNG PHẦN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm số 05/QTT-TNCN)

[011] Kỳ tính thuế: Năm 2018

Mẫu số: 05-
1/BK-QTT-
TNCN
(Ban hành
kèm theo
Thông tư số
92/2015/TT-
BTC ngày
15/6/2015
của Bộ Tài
chính))

- [02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TƯ ĐỘNG HÓA A & E
[03] Mã số thuế: 0302277600
[04] Tên đại lý thuế (nếu có):
[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	Thu nhập chịu thuế				Các khoản giảm trừ							Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			
					Tổng số	Trong đó: TNCN được giảm thuế	Làm việc trong KKT	Theo Hội định	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cánh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp trước				Số thuế còn phải nộp			
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]				
1	Nguyễn Thị Ngân	8337784211	221300299	[x]	94.491.590	0	0	0	72.000.000	0	5.850.600	0	16.640.990	832.050	0	832.050	0	0				
2	Long Phú Quý	8339499957	24511905	[x]	102.571.770	0	0	0	108.000.000	0	7.020.720	0	0	0	0	0	0	0				
3	Lê Trọng Khang	8083910124	25144346	[x]	132.281.639	0	0	0	108.000.000	0	9.026.640	0	15.254.999	762.750	0	762.750	0	0				
4	Trần Minh Hưng	8421364134	261271548	[]	15.589.612	0	0	0	18.000.000	0	626.850	0	0	0	0	0	0	0				
5	Lê Ngọc Dzu	8406218266	215160891	[x]	125.737.426	0	0	0	108.000.000	0	8.525.160	0	9.212.266	460.613	0	460.613	0	0				
6	Nguyễn Thiên Duyên	8406218185	280978604	[x]	116.339.970	0	0	0	108.000.000	0	8.023.680	0	316.290	15.815	0	15.815	0	0				
7	Nguyễn Văn Bình	8406218234	285227551	[]	43.559.590	0	0	0	63.000.000	0	3.552.150	0	0	0	0	0	0	0				
8	Nguyễn Tấn Tài	3501863651	22479861	[]	43.772.218	0	0	0	118.800.000	0	4.011.840	0	0	0	0	0	0	0				

9	Đoàn Võ Thị Ân	8406218298	280970826	[x]	118.982.202	0	0	0	108.000.000	0	8.023.680	0	2.958.522	147.926	0	147.926	0	0
10	Phạm Hồng Hải	8325797569	215160901	[x]	94.747.907	0	0	0	108.000.000	0	6.870.276	0	0	0	0	0	0	0
11	Đỗ Đình Khiên	8043709606	151279855	[x]	164.361.356	0	0	0	108.000.000	0	11.032.560	0	45.328.796	2.266.440	0	2.266.440	0	0
12	Trần Nguyễn Hải Đăng	8065593899	250617608	[x]	133.407.510	0	0	0	108.000.000	0	9.026.640	0	16.380.870	819.044	0	819.044	0	0
13	Nguyễn Hoàng Vũ	8104361372	271651100	[x]	206.226.814	0	0	0	151.200.000	0	11.662.560	0	43.364.254	2.168.213	0	2.168.213	0	0
14	Nguyễn Chí Vinh	3501743354	285192974	[x]	141.155.536	0	0	0	151.200.000	0	9.528.120	0	0	0	0	0	0	0
15	Phạm Minh Quang	8103493898	351665579	[x]	164.813.101	0	0	0	151.200.000	0	11.032.560	0	2.580.541	129.027	0	129.027	0	0
16	Nguyễn Văn Chính	8056823497	172051469	[x]	163.891.450	0	0	0	151.200.000	0	11.032.560	0	1.658.890	82.945	0	82.945	0	0
17	Nguyễn Trương Giang	8533491873	92095002074	[x]	76.426.357	0	0	0	90.000.000	0	4.346.160	0	0	0	0	0	0	0
18	Nguyễn Hoàng Hải	8377523960	273557263	□	51.803.432	0	0	0	72.000.000	0	3.259.620	0	0	0	0	0	0	0
19	TRẦN THỊ PHU/ÔNG LAN	8021155217	186014158	[x]	151.232.108	0	0	0	113.400.000	0	8.746.920	0	29.085.188	1.454.259	0	1.454.259	0	0
20	Nguyễn Hữu Toàn	8533145620	215319695	[x]	65.464.077	0	0	0	81.000.000	0	3.802.890	0	0	0	0	0	0	0
21	Lê Thị Huyền Trang	8367494319	301336560	[x]	125.478.583	0	0	0	108.000.000	0	8.525.160	0	8.953.423	447.671	0	447.671	0	0
22	Phạm Thị Anh Minh	8080840574	24776677	[x]	152.143.969	0	0	0	194.400.000	0	10.029.600	0	0	0	0	0	0	0
23	Hồng Thị Mỹ Châu	8080840599	25972619	[x]	164.006.951	0	0	0	151.200.000	0	11.032.560	0	1.774.391	88.720	0	88.720	0	0
24	Phạm Thị Du Luy	8335503698	241253793	□	61.229.138	0	0	0	81.000.000	0	5.491.206	0	0	0	0	0	0	0
25	Phạm Hoàng Yến Linh	8535492066	24204645	□	5.768.654	0	0	0	9.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0

26	Võ Thị Mai Trinh	8100114189	351671454	[x]	128.277.422	0	0	0	108.000.000	0	9.305.604	0	10.971.818	548.591	0	548.591	0	0
27	Nguyễn Thị Vân Anh	8367494453	352206111	[x]	91.722.129	0	0	0	108.000.000	0	7.321.608	0	0	0	0	0	0	0
28	Đặng Ngọc Minh Châu	8338989236	371150216	[x]	127.399.706	0	0	0	108.000.000	0	8.525.160	0	10.874.546	543.727	0	543.727	0	0
29	Đỗ Thị Nguyệt	8361493100	163154674	[]	24.763.595	0	0	0	45.000.000	0	1.069.740	0	0	0	0	0	0	0
30	NGUYỄN THỊ AN	8077191802	273668240	[x]	192.986.934	0	0	0	151.200.000	0	11.060.784	0	30.726.150	1.536.308	0	1.536.308	0	0
31	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	8169969747	264390815	[x]	107.918.740	0	0	0	108.000.000	0	7.522.200	0	0	0	0	0	0	0
32	Nguyễn Thị Kim Diệu	8326249741	215239497	[x]	59.097.058	0	0	0	54.000.000	0	3.761.100	0	1.335.958	66.798	0	66.798	0	0
33	Nguyễn Thị Hà Vi	8373987344	285346307	[x]	97.726.712	0	0	0	108.000.000	0	7.020.720	0	0	0	0	0	0	0
34	Vũ Lê Duy	8066614069	23599626	[x]	361.640.000	0	0	0	194.400.000	0	14.499.072	0	152.740.928	13.911.139	0	13.911.139	0	0
35	Phạm Mai Huy Vuong	8367494340	221168166	[x]	133.923.910	0	0	0	108.000.000	0	9.026.640	0	16.897.270	844.864	0	844.864	0	0
36	Ngô Xuân Trúc	8290785471	241113495	[x]	142.649.457	0	0	0	108.000.000	0	9.528.120	0	25.121.337	1.256.067	0	1.256.067	0	0
37	Nguyễn Việt Thuyên	8305805814	24307391	[x]	144.882.109	0	0	0	151.200.000	0	9.528.120	0	0	0	0	0	0	0
38	Nguyễn Đăng Khoa	8367494245	225417528	[x]	174.650.248	0	0	0	108.000.000	0	10.459.008	0	56.191.240	2.809.562	0	2.809.562	0	0
39	Nguyễn Minh Quân	8058737490	22286163	[]	33.026.585	0	0	0	63.000.000	0	3.050.670	0	0	0	0	0	0	0
40	Bùi Quang Hòa	8123004231	212635546	[x]	91.688.329	0	0	0	72.000.000	0	6.412.560	0	13.275.769	663.788	0	663.788	0	0
41	Nguyễn Khoa Nam	8338081483	351948692	[x]	99.120.829	0	0	0	108.000.000	0	7.573.608	0	0	0	0	0	0	0
42	Trương Thái Châu	8132885120	24312540	[x]	115.743.954	0	0	0	108.000.000	0	7.573.608	0	170.346	8.517	0	8.517	0	0
43	Phan Bá Đạt	8080840648	186253207	[x]	119.126.562	0	0	0	151.200.000	0	7.573.608	0	0	0	0	0	0	0

44	Ngô Nhật Linh	8043710217	23973820	[x]	157.363.246	0	0	0	0	194.400.000	0	8.653.680	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Tô Công Chinh	8043710270	371004387	[x]	109.087.078	0	0	0	0	108.000.000	0	7.573.608	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Nguyễn Nguyễn Vu	8300777289	24706601	[x]	114.803.404	0	0	0	0	108.000.000	0	7.321.608	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Lê Đức Anh Hiền	8416962957	291034142	[x]	97.197.658	0	0	0	0	108.000.000	0	6.870.276	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Ngô Đức Luong	8307219325	215290985	[x]	98.058.661	0	0	0	0	108.000.000	0	6.870.276	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Vô Đức Minh	8363452910	212656679	[]	12.548.257	0	0	0	0	18.000.000	0	1.145.046	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Đinh Văn Hào	8344100247	250848684	[x]	106.319.580	0	0	0	0	108.000.000	0	6.870.276	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Nguyễn Khắc Thông	8116894061	186912869	[x]	104.183.816	0	0	0	0	108.000.000	0	6.870.276	0	0	0	0	0	0	0	0
52	LÊ THỊ CẨM PHƯƠNG	0308510998	221095437	[]	23.661.686	0	0	0	0	25.200.000	0	2.144.352	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Phạm Hoài Nham	8535491915	142738811	[x]	64.084.016	0	0	0	0	90.000.000	0	3.677.520	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Nguyễn Hữu Trọng Nghĩa	8535491954	272447259	[x]	64.853.414	0	0	0	0	90.000.000	0	3.677.520	0	0	0	0	0	0	0	0
55	Vô Minh Quốc Thái	8535492002	24342673	[x]	60.945.203	0	0	0	0	81.000.000	0	3.481.107	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Phạm Duy	8317674972	250774568	[x]	53.831.291	0	0	0	0	63.000.000	0	3.209.472	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Phạm Thị Ngọc Anh	8368468752	221213449	[x]	103.468.310	0	0	0	0	108.000.000	0	7.020.720	0	0	0	0	0	0	0	0
58	TRẦN THỊ KIM NGÂN	8367494372	321135228	[x]	163.966.560	0	0	0	0	194.400.000	0	10.531.080	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Nguyễn Thị Thủy	8021155111	26024292	[x]	167.714.803	0	0	0	0	151.200.000	0	11.161.080	0	5.353.723	267.686	0	267.686	0	0	0
60	Nguyễn Thị Minh Thu	8116419531	271874436	[x]	86.519.617	0	0	0	0	108.000.000	0	6.418.944	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Nguyễn Công Thái	8096683574	23911552	[x]	121.944.276	0	0	0	0	108.000.000	0	8.476.272	0	5.468.004	273.400	0	273.400	0	0	0

62	HA THI YEN	8001670717	24953081	[X]	358.001.846	0	0	0	280.800.000	0	15.301.440	0	61.900.406	3.190.041	0	3.190.041	0	0
63	TRAN THI MINH NGOC	8012859383	25844899	[X]	242.245.249	0	0	0	194.400.000	0	13.467.888	0	34.377.361	1.718.868	0	1.718.868	0	0
64	TRAN THI THU Y LAN	8021154929	221014115	[X]	138.161.344	0	0	0	151.200.000	0	9.528.120	0	0	0	0	0	0	0
65	NGUYEN THI DIEU HIEN	8080840694	225399641	[]	15.352.043	0	0	0	18.000.000	0	1.370.712	0	0	0	0	0	0	0
66	TRAN THI NGOC YEN	8132885145	241243418	[X]	129.665.375	0	0	0	108.000.000	0	9.126.936	0	12.538.439	626.922	0	626.922	0	0
67	DINH NGUYEN TUYET TRINH	8131830351	205650393	[X]	132.120.122	0	0	0	108.000.000	0	9.378.936	0	14.741.186	737.059	0	737.059	0	0
68	Dang Ngoc Yen Phi	8440006800	312154809	[X]	113.602.986	0	0	0	118.800.000	0	8.224.272	0	0	0	0	0	0	0
69	Nguyen Ngoc Bao Tam	8535491986	25534302	[X]	57.315.093	0	0	0	72.000.000	0	3.744.384	0	0	0	0	0	0	0
70	NGUYEN THI MY HANH	8021155390	321075710	[X]	234.053.251	0	0	0	194.400.000	0	12.866.112	0	26.787.139	1.339.357	0	1.339.357	0	0
71	PHAM THI THUY LINH	8021154968	24745443	[X]	397.328.462	0	0	0	237.600.000	0	18.510.912	0	141.217.550	12.182.633	0	12.182.633	0	0
72	LE THI TUYET NHUNG	8257594977	271984070	[X]	160.305.265	0	0	0	151.200.000	0	10.531.080	0	0	0	0	0	0	0
73	Nguyen Thi Minh Duc	8326249773	291059457	[X]	100.522.633	0	0	0	108.000.000	0	8.023.680	0	0	0	0	0	0	0
74	Ngô Quốc Anh	8013672821	2248430	[X]	83.604.550	0	0	0	108.000.000	0	6.470.352	0	0	0	0	0	0	0
75	Huyñh Thanh Phuong	8121272852	311831657	[X]	86.850.265	0	0	0	108.000.000	0	6.470.352	0	0	0	0	0	0	0

76	Minh Hiệp	8021155231	321422001	[x]	80.761.212	0	0	0	0	0	108.000.000	0	6.871.536	0	0	0	0	0	0	0
77	Nguyễn Công Thuận	8498438798	24303229	[x]	80.871.982	0	0	0	0	0	108.000.000	0	6.069.168	0	0	0	0	0	0	0
78	Ngô Ngọc Ân	8498438822	311968179	[x]	77.970.076	0	0	0	0	0	108.000.000	0	6.069.168	0	0	0	0	0	0	0
79	Nguyễn Văn Lợi	8419689632	281241548	[x]	106.345.001	0	0	0	0	0	108.000.000	0	7.573.608	0	0	0	0	0	0	0
80	NGUYỄN TỰ KHÁ TỰ	8021154911	24507463	<input type="checkbox"/>	73.412.462	0	0	0	0	0	59.400.000	0	5.028.912	0	8.983.550	449.178	0	0	0	0
81	Trần Thanh Sơn	8080840655	22453919	[x]	107.074.178	0	0	0	0	0	108.000.000	0	7.573.608	0	0	0	0	0	0	0
82	Huyền Thanh Duy	8367494421	301507111	[x]	101.306.599	0	0	0	0	0	108.000.000	0	7.122.276	0	0	0	0	0	0	0
83	Nguyễn Ngọc Hiệp	8456950073	24099205	[x]	91.326.991	0	0	0	0	0	108.000.000	0	6.871.536	0	0	0	0	0	0	0
84	Ngô Văn Khang	8021155270	311574997	[x]	204.303.090	0	0	0	0	0	151.200.000	0	11.060.784	0	42.042.306	2.102.115	0	2.102.115	0	0
85	Trần Châu Pha	8080840609	321320665	[x]	108.429.761	0	0	0	0	0	108.000.000	0	8.476.272	0	0	0	0	0	0	0
86	Hồ Thị Ngân	8357345163	187336318	<input type="checkbox"/>	54.129.603	0	0	0	0	0	90.000.000	0	3.217.830	0	0	0	0	0	0	0
87	Nguyễn Phước Huy	8043702350	25084820	[x]	599.156.000	0	0	0	0	0	194.400.000	0	20.573.280	0	384.182.720	57.045.680	0	57.045.680	0	0
88	Trương Tiến Lộc	8021155136	23335585	[x]	600.860.923	0	0	0	0	0	194.400.000	0	20.573.280	0	385.887.643	57.471.911	0	57.471.911	0	0
89	Phạm Thị Dung	8080601008	371159407	<input type="checkbox"/>	5.480.769	0	0	0	0	0	9.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng					11.212.935.246	0	0	0	0	0	10.002.600.000	0	682.962.189	0	1.635.294.809	169.269.684	0	168.820.506	0	0

(KKT: Khu kinh tế; TNCN: thu nhập cá nhân; NP: người phụ thuộc)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phước Hưng



Ký điện từ bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.

NGUYỄN PHƯỚC HUY



PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC ĐIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số:
05-2/BK-QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính))

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)			Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ		Số thuế TNCN được giảm do làm việc tại KKT	
					Tổng số	Trong đó: TNCT được giảm thuế		Tổng số	Số thuế TNCN đã khấu trừ		
						Làm việc tại KKT	Theo Hiệp định				
							[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1	Lê Thị Mến	8098125783	212555883	<input type="checkbox"/>	Tổng số	Tổng số	0	0	0	0	0
					Tổng	Tổng	0	0	1.500.000	0	0

(KKT: Khu kinh tế; BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày: 28 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phước Huy





Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỬ ĐÔNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC

BẢNG KÊ THÔNG TIN NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số: 05-
3/BK-QTT-
TNCN
(Ban hành
kèm theo
Thông tư số
92/2015/TT-
BTC ngày
15/6/2015
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

STT	Họ và tên người nộp thuế	MST của người nộp thuế	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Quốc tịch người phụ thuộc	CMND/Hộ chiếu của người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thông tin trên giấy khai sinh của người phụ thuộc (Nếu người phụ thuộc không có MST, CMND và Hộ chiếu)					Thời gian tính giảm trừ		
									Số	Quyền số	Quốc gia	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện	Phường/Xã	Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	8021155390	Nguyễn Thị Be Em	01/01/1963	8430857873	Việt Nam	320407236	Cha/mẹ							01/2016	
2	Phan Bá Đạt	8080840648	PHAN THỊ HOÀI ANH	17/12/2015	8458066663	Việt Nam		Con	152/2015	01/2015	Việt Nam	Nghệ An	Huyện Quỳnh Lưu	Xã Quỳnh Minh	01/2016	
3	Ngô Nhật Linh	8043710217	NGÔ DƯƠNG THÙY LÂM	09/09/2014	8458066670	Việt Nam		Con	339	2/2014	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Xã Bình Mỹ	01/2016	
4	Ngô Nhật Linh	8043710217	NGÔ DƯƠNG PHƯƠNG NHI	07/03/2011	8458066688	Việt Nam		Con	70	1/2011	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Xã Bình Mỹ	01/2016	
5	Ngô Văn Khang	8021155270	NGÔ HOÀNG THANH	29/05/2011	8397509001	Việt Nam		Con	132.0000	01/2011	Việt Nam	An Giang	Huyện Thoại Sơn	Xã Vĩnh Chánh	01/2015	



6	Hồng Thị Mỹ Châu	8080840599	TRUC NGUYỄN HỒNG HỮU TRÍ	12/07/2014	8397508992	Việt Nam			Con	394.0000	02/2014	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận 9	Phường Phước Long B	01/2015
7	Nguyễn Thị Thúy	8021155111	TRẦN NHẬT PHI	06/11/2012	8397509019	Việt Nam			Con	316/2012	01/2012	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận 7	Phường Tân Kiên	01/2015
8	Nguyễn Văn Chính	8056823497	NGUYỄN NGUYỄN TUÔNG LAM	13/07/2013	8397509026	Việt Nam			Con	113/2013	01/2013	Việt Nam	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	01/2015
9	Nguyễn Thị An	8077191802	Phan Thị Sứ	16/10/1965	8401110815	Việt Nam	181099184		Cha/Mẹ							01/2015
10	Vũ Lê Duy	8066614069	Vũ Nguyễn Phương Anh	13/05/2015	8405802013	Việt Nam			Con	108	01/2015	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận 8	Phường 9	06/2015
11	Nguyễn Tư Khả Tú	8021154911	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/12/1952	8360714438	Việt Nam	025535005		Cha/Mẹ							01/2014
12	Trương Tiên Lộc	8021155136	Trương Tường Minh	01/10/2011	8371012536	Việt Nam			Con	219	02/2011	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	Phường Hiệp Tân	01/2014
13	Trương Tiên Lộc	8021155136	Trương Tường Lam	05/04/2013	8371012543	Việt Nam			Con	91	01/2013	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	Phường Hiệp Tân	01/2015
14	Nguyễn Tư Khả Tú	8021154911	Lê Thành Nghĩa	08/07/2009	8371012550	Việt Nam			Con	308	01/2009	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận 9	Phường Phước Long B	01/2014
15	Nguyễn Tư Khả Tú	8021154911	Lê Thành Nhân	02/12/2002	8371012448	Việt Nam			Con	428	01/2002	Việt Nam	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	Phường Long Bình Tân	01/2014
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	8021155390	Đặng Nguyễn Linh Đan	25/09/2013	8371012462	Việt Nam			Con	592	03/2013	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	Xã Thới Tam Thôn	01/2015
17	Trần Thị Phương Lan	8021155217	Nguyễn Trần Minh Châu	25/01/2012	8371012487	Việt Nam			Con	27	01/2012	Việt Nam	Nghệ An	Thị xã Thái Hoà	Phường Hoà Hiếu	01/2014

30	Hoàng Vũ	8104361372	Hứa Thị Hồng Hà	17/05/1958	8499421966	Việt Nam	270559458	Cha/Mẹ					01/2017
31	Trần Thị Kim Ngân	8367494372	Trần Châu Báu	01/01/1947	8284966536	Việt Nam	320083016	Cha/Mẹ					01/2017
32	Trần Thị Kim Ngân	8367494372	Nguyễn Thị Hạnh	09/11/1958	8499421980	Việt Nam	320083015	Cha/Mẹ					01/2017
33	Vũ Lê Duy	8066614069	Vũ Nguyễn Phương Anh	13/05/2015	8405802013	Việt Nam	01/2015	Con	TP Hồ Chí Minh	Quận 8	Phường 9		01/2017
34	Nguyễn Việt Thuyên	8305805814	Nguyễn Đăng Kim Anh	12/08/2016	8499568831	Việt Nam	2016	Con	TP Hồ Chí Minh	Quận 7	Phường Tân Thuận Đông		01/2017
35	Hà Thị Yến	8001670717	Đỗ Hà Yến Nhi	01/03/2006	8385687088	Việt Nam	01-2006	Con	Hà Nội	Huyện Từ Liêm	Xã Tây Mỗ		01/2017
36	Hà Thị Yến	8001670717	Đỗ Hà Gia Khang	28/07/2009	8499568849	Việt Nam	02/2009	Con	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Phường 3		01/2017
37	Nguyễn Minh Quân	8058737490	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	20/04/2005	8522154052	Việt Nam	01/2005	Con	TP Hồ Chí Minh	Quận 4	Phường 16		02/2017
38	Đặng Ngọc Yên Phi	8440006800	Trần Thị Bé	06/07/1957	8242994700	Việt Nam	310028181	Cha/Mẹ					01/2018
39	Phạm Minh Quang	8103493898	Phạm Văn Bé Hồng	20/07/1951	8435772052	Việt Nam	350137068	Cha/Mẹ					01/2018
40	Nguyễn Tân Tài	3501863651	Nguyễn Thị Tuyết Mai	13/07/1996	8520075447	Việt Nam	025446827	Khác					01/2018
41	Nguyễn Tân Tài	3501863651	Nguyễn Tấn Tiên	02/03/2004	8563677816	Việt Nam	196	Con	TP Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	Xã An Thới Đông		01/2018
42	Nguyễn Tân Tài	3501863651	Nguyễn Tấn Phát	05/07/2009	8563677823	Việt Nam	154	Con	TP Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	Xã An Thới Đông		01/2018

43	Nguyễn Văn Bình	8406218234	Nguyễn Huỳnh Thủy Dương	19/07/2017	8563677830	Việt Nam	Con	746	Việt Nam	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Xã Nghĩa Trung	01/2018
44	Nguyễn Chí Vĩnh	3501743354	Nguyễn Nhật Dũng	09/01/2018	8563677848	Việt Nam	Con	2	Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Phường 14	01/2018
45	Lê Thị Tuyết Nhung	8257594977	Lê Minh Trí	10/11/1958	8257655450	Việt Nam	Cha/Mẹ	272212118	Việt Nam				01/2018
46	Hà Thị Yến	8001670717	Hà Trọng Sâm	13/06/1958	8191465618	Việt Nam	Cha/Mẹ	112354061	Việt Nam				01/2018
47	Hà Thị Yến	8001670717	Chu Thị Ấn	10/10/1962	8551666577	Việt Nam	Cha/Mẹ	110223343	Việt Nam				01/2018

(MST: Mã số thuế: CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỬ ĐỘNG HÓA A&E.





Trần Thị Minh Ngọc <tranminh.ngoc@aecom.vn>

Thông báo thuế

Dịch vụ nộp hồ sơ thuế qua mạng <ihtkk@gdt.gov.vn>
 Từ: tranminh.ngoc@aecom.vn

18:07 28 tháng 3, 2019

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
 ((Ban hành kèm theo Thông tư số
 110/2015/TT-BTC - dành riêng cho
 dịch vụ khai thuế điện tử))

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 10120190116659797/TB-TĐT

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN - TỰ ĐỘNG HÓA A&E
 Mã số thuế của NNT: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo tiếp nhận vào lúc 14 giờ 26 phút 5 giây, ngày 28 tháng 03 năm 2019. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận HSKT điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

+ Tên hồ sơ khai thuế điện tử :

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	05/QTT-TNCN - Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TT92/2015)	Chính thức	2018	1	

+ Mã giao dịch điện tử: 10620190265741765

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc :14 giờ 26 phút 5 giây ngày 28 tháng 03 năm 2019

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của người nộp thuế là ngày 28/03/2019 14:26:05

[Ấn văn bản trích dẫn]

Thông báo thuế.xml
6K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E
[02] Mã số thuế: 0302277600
[03] Địa chỉ: 100 KỶ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH [04] Quận/Huyện: I [05] Tỉnh/Thành phố: HCM
[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán:
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		103.739.443.287	100.232.911.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		3.489.150.962	2.127.845.735
1. Tiền	111		3.489.150.962	2.127.845.735
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		1.188.000.000	885.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.188.000.000	885.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		22.045.614.565	22.726.024.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21.454.343.595	21.393.785.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		586.750.148	1.329.241.259
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.520.822	2.998.004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		76.133.670.308	71.950.818.799
1. Hàng tồn kho	141		76.133.670.308	71.950.818.799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		883.007.452	2.543.221.688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		344.011.356	489.322.463
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		538.996.096	2.014.758.795
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	39.140.430
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.387.372.592	1.346.338.580
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		990.040.833	949.006.821
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		622.649.174	706.384.489
- Nguyên giá	222		3.159.627.797	2.998.518.352
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.536.978.623)	(2.292.133.863)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		367.391.659	242.622.332
- Nguyên giá	228		931.536.320	597.817.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(564.144.661)	(355.194.668)
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		397.331.759	397.331.759
1. Đầu tư vào công ty con	251		397.331.759	397.331.759
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105.126.815.879	101.579.249.650
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		57.203.418.784	54.683.004.185
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		57.203.418.784	54.683.004.185
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11.735.232.692	4.371.460.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.440.705.960	2.139.442.257
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		144.128.627	44.009.779
4. Phải trả người lao động	314		789.629.020	735.837.463
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		32.600.000.000	25.500.000.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0

11
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500

8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.393.722.485	12.980.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		6.100.000.000	21.879.273.266
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		47.923.397.095	46.896.245.465
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410		47.923.397.095	46.896.245.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		39.600.000.000	39.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.600.000.000	39.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		8.323.397.095	7.296.245.465
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.178.860.236	5.852.807.186
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.144.536.859	1.443.438.279
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Hà Thị Yến

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chi tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chi tiêu.
- (2) Số liệu trong các chi tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		241.405.793.119	226.866.661.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		844.954.457	1.512.109.525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		240.560.838.662	225.354.551.554
4. Giá vốn hàng bán	11		218.311.575.917	201.324.907.557
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.249.262.745	24.029.643.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		221.799.389	186.217.431
7. Chi phí tài chính	22		942.003.487	81.860.627
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		888.571.333	73.323.409
8. Chi phí bán hàng	25		10.448.665.486	12.808.802.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.649.722.087	9.520.900.337
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.430.671.074	1.804.297.849
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.430.671.074	1.804.297.849
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		286.134.215	360.859.570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.144.536.859	1.443.438.279
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

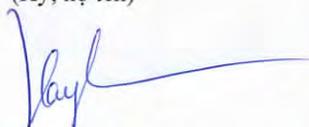
Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:


Hà Chi Yên



(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		269.489.736.699	246.156.596.778
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(159.152.775.379)	(252.279.890.666)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.230.664.389)	(9.651.569.802)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(888.571.333)	(73.323.409)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(170.000.000)	(499.938.184)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.235.649.400	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.406.812.020)	(1.948.761.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.876.562.978	(18.296.886.378)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(262.609.445)	(232.875.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.603.000.000)	(1.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.300.000.000	3.956.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	2.602.668.241
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.810.615	168.351.325
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(501.798.830)	5.094.644.566
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	7.020.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.766.610.836	44.928.591.520
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.662.684.528)	(39.377.909.774)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(117.385.229)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(101.013.458.921)	12.570.681.746
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.361.305.227	(631.560.066)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.127.845.735	2.759.405.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.489.150.962	2.127.845.735

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:


Hà Thị Yến



Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.





Trần Thị Minh Ngọc <tranminh.ngoc@aecom.vn>

Thông báo thuế

Dịch vụ nộp hồ sơ thuế qua mạng <ihtkk@gdt.gov.vn>
 Từ: tranminh.ngoc@aecom.vn

16:46 28 tháng 3, 2019

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
 ((Ban hành kèm theo Thông tư số
 110/2015/TT-BTC - dành riêng cho
 dịch vụ khai thuế điện tử))

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 10120190116623576/TB-TĐT

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v: *Chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử*

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - Tự ĐỘNG HÓA A&E
 Mã số thuế của NNT: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo tiếp nhận vào lúc 14 giờ 23 phút 57 giây, ngày 28 tháng 03 năm 2019. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận HSKT điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

+ Tên hồ sơ khai thuế điện tử :

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TT200 - Bộ báo cáo tài chính	Chính thức	2018	2	

+ Mã giao dịch điện tử: 10620190265749554

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc :14 giờ 23 phút 57 giây ngày 28 tháng 03 năm 2019

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của người nộp thuế là ngày 28/03/2019 14:23:57

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

 **Thông báo thuế.xml**
6K

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2018

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ ĐK	Có ĐK	PS Nợ	PS Có	Nợ CK	Có CK
	TỔNG PHÁT SINH	104 226 578 181	104 226 578 181	2 197 843 900 274	2 197 843 900 274	108 227 939 163	108 227 939 163
111	Tiền mặt	16 204 833		62 781 025 049	62 769 813 975	27 415 907	
112	Tiền gửi ngân hàng	2 111 640 902		338 737 337 784	337 387 243 631	3 461 735 055	
128	Đầu tư ngắn hạn khác	885 000 000		1 603 000 000	1 300 000 000	1 188 000 000	
131	Phải thu của khách hàng	21 393 785 585	2 139 442 257	324 653 421 176	326 894 126 869	21 454 343 595	4 440 705 960
133	Thuế GTGT được khấu trừ	2 014 758 795		22 560 106 513	24 035 869 212	538 996 096	
138	Phải thu khác			1 522 818		1 522 818	
141	Tạm ứng			1 098 955 620	1 098 955 620		
152	Nguyên liệu, vật liệu	69 111 228 547		224 861 908 682	219 374 296 427	74 598 840 802	
153	Công cụ, dụng cụ			275 470 046	275 470 046		
154	Chi phí SXKD dở dang	2 839 590 252		25 484 333 463	26 789 094 209	1 534 829 506	
211	Tài sản cố định	2 998 518 352		161 109 445		3 159 627 797	
213	TSCĐ vô hình	597 817 000		333 719 320		931 536 320	
214	Hao mòn tài sản cố định		2 647 328 531		453 794 753		3 101 123 284
221	Đầu tư vào công ty con	397 331 759				397 331 759	
242	Chi phí trả trước dài hạn	489 322 463		275 470 046	420 781 153	344 011 356	
244	Cầm cố, thế chấp, kí quỹ, kí cược	2 998 004				2 998 004	
331	Phải trả cho người bán	1 329 241 259	4 371 460 455	281 014 577 427	289 120 840 775	586 750 148	11 735 232 692
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	39 140 430	44 009 779	24 426 658 440	24 565 917 718		144 128 627
334	Phải trả công nhân viên		735 837 463	12 085 153 558	12 138 945 115		789 629 020
336	Phải trả nội bộ		25 500 000 000	5 000 000 000	12 100 000 000		32 600 000 000
338	Phải trả, phải nộp khác		12 980 965	4 036 841 866	5 417 583 386		1 393 722 485
341	Vay và nợ thuê tài chính		21 879 273 266	107 662 684 528	91 883 411 262		6 100 000 000
411	Nguồn vốn kinh doanh		39 600 000 000				39 600 000 000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		7 296 245 465	6 147 869 468	7 175 021 098		8 323 397 095
511	Doanh thu bán hàng			241 405 793 119	241 405 793 119		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			65 398 562	65 398 562		
521	Chiết khấu thương mại			210 239 120	210 239 120		



BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2018

531	Hàng bán bị trả lại	634 715 337	634 715 337
621	Chi phí NVL trực tiếp	23 787 107 830	23 787 107 830
622	Chi phí nhân công trực tiếp	882 909 316	882 909 316
627	Chi phí sản xuất chung	814 316 317	814 316 317
632	Giá vốn hàng bán	220 146 046 138	220 146 046 138
635	Chi phí tài chính	942 003 487	942 003 487
641	Chi phí bán hàng	10 448 665 486	10 448 665 486
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9 649 722 087	9 649 722 087
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	286 134 215	286 134 215
911	Xác định kết quả kinh doanh	245 369 684 011	245 369 684 011

Kế Toán Trưởng



Hà Thị Yến

Giám Đốc

 Nguyễn Phước Huy



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: Công Ty TNHH
2. Lĩnh vực kinh doanh: Buôn bán máy móc thiết bị điện .
3. Ngành nghề kinh doanh: Thương mại ,dịch vụ .
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : Chu kỳ sản xuất dưới 12 tháng.
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Kinh doanh mua bán thiết bị điện
6. Cấu trúc doanh nghiệp
 - Danh sách các công ty con
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : Tỷ giá áp dụng khi nhận và đánh giá lại tài sản
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền : Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dùng mở các chứng thư bảo lãnh, Tiền gửi không kỳ hạn chiếm đa số .
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính
 - a) Chứng khoán kinh doanh;
 - b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các khoản cho vay;
 - d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
 - e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.
6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu : được phân loại theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.
7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân cuối kỳ
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo giá thị trường
8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: Giá trị ghi sổ và tính khấu hao TSCĐ theo nguyên giá nhập

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.
10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.
11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước :được phân bổ dần vào chi phí SX kinh doanh trong kỳ (Công cụ dụng cụ , Các Chi phí có giá trị lớn...được phân bổ dần theo chu kỳ sản xuất ,kinh doanh .
12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Theo dõi nợ phải trả theo chi tiết đối tượng cụ thể .
13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.: Theo dõi theo từng đối tượng.
14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.
15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:
17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện : Các khoản tạm ứng theo điều khoản hợp đồng kinh tế phát sinh.
18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.
19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
 - Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ,
 - Lợi nhuận được chia phân bổ theo tỷ lệ vốn góp chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:
20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Áp dụng theo chuẩn mực kế toán
 - Doanh thu bán hàng:
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:
 - Doanh thu hoạt động tài chính:
 - Doanh thu hợp đồng xây dựng:
 - Thu nhập khác
21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu :
 - Áp dụng theo chuẩn mực kế toán .
22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán :
 - Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu .
 - Giảm giá vốn hàng bán : áp dụng cho trường hợp hàng bán trả lại ...
23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:
 - Ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh.
24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Ghi nhận các chi phí phát sinh trong kỳ.
25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :
 - Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Có tài phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?
2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá trị hiện hành...)
3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:
 - Các khoản dự phòng;
 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán – nếu có).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	27,415,907	16,204,833
- Tiền gửi ngân hàng	3,461,735,055	2,111,640,902
- Tiền đang chuyển		
Cộng	3,489,150,962	2,127,845,735

02. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu (chỉ tiết từng loại cổ phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị cổ phiếu trở lên)						
- Tổng giá trị trái phiếu (chỉ tiết từng loại trái phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị trái phiếu trở lên)						
- Các khoản đầu tư khác						

- Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu
- Về số lượng:
- Về giá trị:

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	397,331,759		397,331,759			397,331,759
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;						
- Đầu tư vào đơn vị khác;						

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;
- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ
- Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì giải trình lý do.

03. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21,454,343,595	21,393,785,586

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21,454,343,595	21,393,785,586
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		

04. Phải thu khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2,998,004		2,998,004	
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ	2,998,004		2,998,004	
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
b) Dài hạn				
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ				
- Cho mượn;				
- Các khoản chi hộ;				
- Phải thu khác.				
Cộng	2,998,004		2,998,004	

05. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;				
b) Hàng tồn kho;				
c) TSCĐ;				
d) Tài sản khác.				

06. Nợ xấu

Chỉ tiêu	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (trong đó chi tiết thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng nếu khoản nợ phải thu theo từng đối tượng đó chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn)						

- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu;						
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.						
Cộng						

07. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	74,598,840,802		69,111,228,547	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí SX, KD dở dang	1,534,829,506		2,839,590,252	
- Thành phẩm				
- Hàng hóa				
- Hàng gửi đi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
- Hàng hóa bất động sản				
Cộng	76,133,670,308		71,950,818,799	

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

08. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Chi tiết cho từng loại, nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường)				
.....				
Cộng				
Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDCB)				
- Mua sắm;				
- XDCB;				
- Sửa chữa.				
Cộng				

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm		835,089,370	2,163,428,982				2,998,518,352
- Mua trong năm		161,109,445					161,109,445
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm		996,198,815	2,163,428,982				3,159,627,797
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm		786,141,011	1,505,992,852				2,292,133,863
- Khấu hao trong năm		57,420,540	187,424,220				244,844,760
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm		843,561,551	1,693,417,072				2,536,978,623
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình							
- Tại ngày đầu năm		210,057,804	657,436,130				867,493,934
- Tại ngày cuối năm		152,637,264	470,011,910				622,649,174

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cho vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình;

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình								
Số dư đầu năm					597,817,000			597,817,000
- Mua trong năm					333,719,320			333,719,320
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp								
- Tăng do hợp nhất kinh doanh								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm					931,536,320			931,536,320
Giá trị hao mòn lũy kế								

Số dư đầu năm					355,194,668			355,194,668
- Khấu hao trong năm					208,949,993			208,949,993
- Tăng khác								
- Thanh lý nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm					564,144,661			564,144,661
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình								
- Tại ngày đầu năm					576,341,652			576,341,652
- Tại ngày cuối năm					367,391,659			367,391,659

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính							
Số dư đầu năm							
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

- * Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:
- * Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:
- * Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				

- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

13. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	341,761,356	481,672,463
- Chi phí đi vay;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	2,250,000	7,650,000
b) Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).		
Cộng	344,011,356	489,322,463

14. Tài sản khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		

Cộng		
-------------	--	--

15. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6,100,000,000		91,883,411,262	107,662,684,528	21,879,273,266	
b) Vay dài hạn						
Cộng	6,100,000,000		91,883,411,262	107,662,684,528	21,879,273,266	

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản Thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản Thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống						
- Trên 1 năm đến 5 năm						
- Trên 5 năm						

d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay:				
- Nợ thuê tài chính:				
- Lý do chưa thanh toán				
Cộng				

d) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

16. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11,735,232,692		4,371,460,455	
CTY TNHH SCHNEIDER ELECTRIC VN	5,533,708,504			
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn (chi tiết tương tự ngắn hạn)				
Cộng	11,735,232,692		4,371,460,455	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Chi tiết từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn;				
- Các đối tượng khác				
Cộng				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				

- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(39,140,430)	286,134,215	170,000,000	76,993,785
- Thuế thu nhập cá nhân	44,009,779	170,769,681	147,644,618	67,134,842
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	4,869,349	456,903,896	317,644,618	144,128,627
b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng	2,014,758,795	22,560,106,513	24,035,869,212	538,996,096
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	2,014,758,795	22,560,106,513	24,035,869,212	538,996,096

18. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán		
- Các khoản trích trước khác		
b) Dài hạn		
- Lãi vay		
- Các khoản khác (chi tiết từng khoản)		
.....		
Cộng		

19. Phải trả khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	3,265,085	11,928,085
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	32,600,000,000	25,501,052,880
Cộng	32,603,265,085	25,512,980,965
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		

- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)

20. Doanh thu chưa thực hiện

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;	1,390,457,400	
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng	1,390,457,400	
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng (chi tiết từng khoản mục, lý do không có khả năng thực hiện).		

21. Trái phiếu phát hành

21.1. Trái phiếu thường

Chỉ tiêu	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
a) Trái phiếu phát hành						
- Loại phát hành theo mệnh giá;						
- Loại phát hành có chiết khấu;						
- Loại phát hành có phụ trội.						
Cộng						
b) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)						
Cộng						

21.2. Trái phiếu chuyển đổi

a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:

- Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ; Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu;
 - Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu.
- d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:
- Số lượng từng loại trái phiếu đã đáo hạn không chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
 - Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả cho nhà đầu tư
- e. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:
- Kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
 - Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.
- g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)

22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả

- Mệnh giá;
- Đối tượng được phát hành (ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, đối tượng khác);
- Điều khoản mua lại (Thời gian, giá mua lại, các điều khoản cơ bản khác trong hợp đồng phát hành);
- Giá trị đã mua lại trong kỳ;
- Các thuyết minh khác.

23. Dự phòng phải trả

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;		
- Dự phòng tái cơ cấu;		
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường...)		
Cộng		
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;		
- Dự phòng tái cơ cấu;		
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường...)		
Cộng		

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		

- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

25. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	45,452,807,186								45,452,807,186
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước	1,443,438,279								1,443,438,279
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm trước									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
Số dư đầu năm nay	46,896,245,465								46,896,245,465
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay	1,144,536,859								1,144,536,859
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm nay	117,385,229								117,385,229
- Lỗ trong năm nay									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm nay	47,923,397,095								47,923,397,095

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)		
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng		

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	39,600,000,000	32,580,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		7,020,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	39,600,000,000	39,600,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		

- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

đ- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển:
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Lí do thay đổi giữa số đầu năm và cuối năm (đánh giá lại trong trường hợp nào, tài sản nào được đánh giá lại, theo quyết định nào?...).		

27. Chênh lệch tỷ giá

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND		
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác (nói rõ nguyên nhân)		

28. Nguồn kinh phí

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Từ 1 năm trở xuống;		
- Trên 1 năm đến 5 năm;		
- Trên 5 năm;		

b) Tài sản nhận giữ hộ: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ:

Mã hàng	Tên hàng	Chủng loại, quy cách, phẩm chất	ĐVT	Số lượng

	Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:		
	- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp:		

c) Ngoại tệ các loại: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ. Riêng vàng tiền tệ phải trình bày khối lượng theo đơn vị tính quốc tế Ounce và giá trị tính theo USD.

d) Kim khí quý, đá quý: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá gốc, số lượng (theo đơn vị tính quốc tế) và chủng loại các loại kim khí quý, đá quý.

đ) Nợ khó đòi đã xử lý: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá trị (theo nguyên tệ) các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý theo từng đối tượng, nguyên nhân đã xoá sổ kế toán nợ khó đòi.

e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
a. Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	216,149,533,766	197,479,758,338
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	63,800,000	526,315,091
- Doanh thu dự án	25,192,459,353	28,860,587,650
Cộng	241,405,793,119	226,866,661,079
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).		
c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước.		

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại	210,239,120	14,293,952
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	634,715,337	1,497,815,573
Cộng	844,954,457	1,512,109,525

3. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	193,356,951,929	171,739,469,821
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	26,789,094,209	29,585,437,736
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa bất động sản gồm:		
+ Hạn mục chi phí trích trước		
+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạn mục		
+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh.		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		

Cộng	220,146,046,138	201,324,907,557
-------------	-----------------	-----------------

4. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65,398,562	168,351,325
- Lãi bán các khoản đầu tư		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	65,398,562	168,351,325

5. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	888,571,333	73,323,409
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng	888,571,333	73,323,409

6. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;		
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

7. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;		
- Các khoản bị phạt;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9,649,722,087	9,372,721,736
Chi Phí Tiền Lương	5,572,308,201	3,974,967,222
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1,368,695,795	1,147,613,405
Các khoản chi phí QLDN khác.	2,708,718,091	4,250,141,109
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	10,448,665,486	12,870,268,462
Chi Phí Tiền Lương	7,085,944,988	5,626,461,572
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1,854,586,815	2,156,195,429
Các khoản chi phí bán hàng khác.	1,508,133,683	5,087,611,461
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;		

- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;		
- Các khoản ghi giảm khác.		

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23,787,107,830	26,953,062,704
- Chi phí nhân công	882,909,316	781,749,227
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		288,385,226
- Chi phí khác bằng tiền	814,316,317	588,914,146
Cộng	25,484,333,463	28,612,111,303

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	286,134,215	360,859,570
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	286,134,215	360,859,570

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		
- Các giao dịch phi tiền tệ khác		

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: 91,883,411,262

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường ;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: 107,662,684,528 VND

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;

- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

IX- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 - Thông tin về các bên liên quan:

4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6 - Thông tin về hoạt động liên tục:

7 - Những thông tin khác:

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hà Chi Yên

Ngày 28 tháng 03 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phước Huy

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Địa Chi: 100 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

MST: 0302277600

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

KÊ TOÁN



HÀ THỊ YÊN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LIÊN

Tên cơ sở KD: CTY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ ĐỘNG HÓA A & E

Mã số thuế: 0302277600

Địa điểm KD: 100 Kỳ con, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. HCM

Ngành nghề: Mua bán, lắp đặt thiết bị điện công nghiệp

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

<u>STT</u>	<u>TÊN HỒ SƠ</u>	<u>SỐ TỜ</u>
	<u>BÁO CÁO THUẾ</u>	
1	Quyết toán thuế TNDN	5
2	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - Quyết toán thuế TNDN	1
3	Quyết toán thuế TNCN	9
4	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - Quyết toán thuế TNCN	1
	<u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u>	
1	Bảng cân đối kế toán	4
2	Kết quả hoạt động kinh doanh	2
3	Lưu chuyển tiền tệ	2
4	Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử - TT200- Bộ báo cáo tài chính	1
5	Bảng cân đối phát sinh	4
6	Thuyết minh báo cáo tài chính	18

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Giám Đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Liên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 151/2014 TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính
)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: []

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): 0,00%

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[07] Mã số thuế: 0302277600

[08] Địa chỉ: 100 KỶ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH

[09] Quận/Huyện: 1

[10] Tỉnh/Thành phố: HCM

[11] Điện thoại:

[12] Fax: [13] E-mail:

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):

[15] Mã số thuế:

[16] Địa chỉ:

[17] Quận/Huyện:

[18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại:

[20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.613.558.070
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	1.613.558.070
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	1.613.558.070
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	1.613.558.070
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0



3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	1.613.558.070
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	1.613.558.070
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	1.613.558.070
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10=(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	322.711.614
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	322.711.614
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	322.711.614
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	322.711.614
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	400.000.000
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	400.000.000
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	(77.288.386)
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	(77.288.386)
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	64.542.323
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	(141.830.709)

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn []

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn: 0

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn: 0

M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp: 0 ngày, từ ngày 01/02/2018 đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp: 0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
-----	--------------

500-C
3TY
HH
JAT DIE
ONG H
A&F
FPH

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

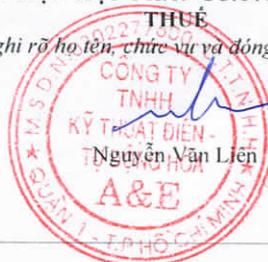
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: 03-
 1A/TNDN
 (Ban hành
 kèm theo
 Thông tư số
 156/2013/TT-
 BTC ngày
 6/11/2013
 của Bộ Tài
 chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E
 [03] Mã số thuế: 0302277600
 [04] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính.		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	[01]	226.866.661.079
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	1.017.274.427
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	1.512.109.525
a	Chiết khấu thương mại	[04]	14.293.952
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	1.497.815.573
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	186.217.431
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	223.845.350.288
a	Giá vốn hàng hóa	[10]	201.324.907.557
b	Chi phí bán hàng	[11]	12.870.268.462
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	9.650.174.269
5	Chi phí tài chính	[13]	81.860.627
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	73.323.409
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	1.613.558.070
7	Thu nhập khác	[16]	0
8	Chi phí khác	[17]	0
9	Lợi nhuận khác ([18] = [16] - [17])	[18]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19] = [15] + [18])	[19]	1.613.558.070



Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



Nguyễn Văn Ljen

Ghi chú: - Số liệu tại chi tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chi tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[05] Mã số thuế:

0 3 0 2 2 7 7 6 0 0

[06] Địa chỉ:

100 KỶ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH

[07] Quận/ Huyện:

1

[08] Tỉnh/Thành phố: HCM

[09] Điện thoại:

[10] Fax

[11] Email:

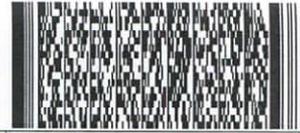
I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VND)

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	81
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	81
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	28
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	28
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[26]	Người	
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[27]	Người	38
5	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30]	[28]	VND	10.165.439.346
5.1	Cá nhân cư trú	[29]	VND	10.165.439.346
5.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VND	
6	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]	[31]	VND	5.430.735.653
6.1	Cá nhân cư trú	[32]	VND	5.430.735.653
6.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VND	
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]	[34]	VND	177.754.751
7.1	Cá nhân cư trú	[35]	VND	177.754.751
7.2	Cá nhân không cư trú	[36]	VND	
8	Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]	[37]	VND	
8.1	Cá nhân cư trú	[38]	VND	
8.2	Cá nhân không cư trú	[39]	VND	
9	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[40]	VND	
10	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[41]	VND	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[42]	Người	62
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[43]	VND	174.246.993



3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[44]	VND	162.001.870
4	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	[45]	VND	
5	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	[46]	VND	12.245.123

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 25 tháng 08 năm 2017

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:





Trần Thị Minh Ngọc <tranminh.ngoc@aecom.vn>

Thông báo thuế

Dịch vụ nộp hồ sơ thuế qua mạng <ihtkk@gdt.gov.vn>
 Từ: tranminh.ngoc@aecom.vn

22:49 31 tháng 3, 2018

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
 ((Ban hành kèm theo Thông tư số
 110/2015/TT-BTC - dành riêng cho
 dịch vụ khai thuế điện tử))

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 10120180088277397/TB-TĐT

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

THÔNG BÁO

V/v: *Chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử*

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - Tự ĐỘNG HÓA A&E
 Mã số thuế của NNT: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo tiếp nhận vào lúc 16 giờ 8 phút 10 giây, ngày 31 tháng 03 năm 2018. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận HSKT điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

+ Tên hồ sơ khai thuế điện tử :

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	05/QTT-TNCN - Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TT92/2015)	Chính thức	2017	1	

+ Mã giao dịch điện tử: 10620180228067905

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc :16 giờ 8 phút 10 giây ngày 31 tháng 03 năm 2018

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của người nộp thuế là ngày 31/03/2018 16:08:10

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

Thông báo thuế.xml
6K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[02] Mã số thuế: 0302277600

[03] Địa chỉ: 100 KÝ CON, P. NGUYỄN THÁI BÌNH' [04] Quận/Huyện: 1 [05] Tỉnh/Thành phố: HCM

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: []

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		99.892.714.893	77.618.472.126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		2.127.845.735	2.759.405.801
1. Tiền	111		2.127.845.735	2.759.405.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		885.000.000	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		885.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		22.726.024.848	27.035.378.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21.393.785.585	22.329.540.437
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.329.241.259	1.264.163.395
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.998.004	3.441.675.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		71.950.818.799	47.712.563.028
1. Hàng tồn kho	141		71.950.818.799	47.712.563.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		2.203.025.511	111.124.465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.978.330	110.830.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.014.758.795	293.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		77.288.386	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.346.338.580	4.132.454.789
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0



3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		949.006.821	1.132.454.789
I. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		706.384.489	962.718.790
- Nguyên giá	222		2.998.518.352	2.998.518.352
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.292.133.863)	(2.035.799.562)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		242.622.332	169.735.999
- Nguyên giá	228		597.817.000	364.942.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(355.194.668)	(195.206.001)
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		397.331.759	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		397.331.759	3.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		101.239.053.473	81.750.926.915
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		54.683.004.185	43.505.724.083
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		54.683.004.185	43.505.724.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.371.460.455	15.234.081.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.139.442.257	3.115.868.052
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		44.009.779	161.264.776
4. Phải trả người lao động	314		735.837.463	1.151.408.802
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		25.500.000.000	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0

8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	1.367.574.900
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	12.980.965	75.525.607
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.879.273.266	22.400.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330	0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	46.556.049.288	38.245.202.832
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	46.556.049.288	38.245.202.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	39.600.000.000	32.580.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	39.600.000.000	32.580.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	6.956.049.288	5.665.202.832
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.665.202.832	4.544.566.283
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.290.846.456	1.120.636.549
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432	0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2018



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Hà Thị Yến

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		226.866.661.079	204.549.964.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.512.109.525	847.444.724
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		225.354.551.554	203.702.519.375
4. Giá vốn hàng bán	11		201.324.907.557	183.987.802.899
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.029.643.997	19.714.716.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		186.217.431	264.761.000
7. Chi phí tài chính	22		81.860.627	1.455.937.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.323.409	1.455.937.500
8. Chi phí bán hàng	25		12.870.268.462	8.757.532.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.650.174.269	8.365.212.144
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.613.558.070	1.400.795.686
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.613.558.070	1.400.795.686
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		322.711.614	280.159.137
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.290.846.456	1.120.636.549
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2018



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Hà Chi Yên

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: B 03
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A & E

[03] Mã số thuế: 0302277600

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		246.156.596.778	215.050.541.847
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(252.279.890.666)	(222.077.186.739)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.651.569.802)	(7.794.413.745)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(73.323.409)	(1.455.937.500)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(499.938.184)	(264.068.024)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	12.526.100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.948.761.095)	(1.622.026.708)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.296.886.378)	(18.150.564.769)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(232.875.000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.400.000.000)	(4.431.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.956.500.000	5.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.602.668.241	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		168.351.325	263.531.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.094.644.566	932.031.271
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.020.000.000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		44.928.591.520	20.750.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(39.377.909.774)	(3.050.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.570.681.746	17.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(631.560.066)	481.466.502
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.759.405.801	2.277.939.299
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2.127.845.735	2.759.405.801



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:


Hà Chi Yến



Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN-TỰ ĐỘNG HÓA A&E.





Trần Thị Minh Ngọc <tranminh.ngoc@aecom.vn>

Thông báo thuế

Dịch vụ nộp hồ sơ thuế qua mạng <ihtkk@gdt.gov.vn>
 Từ: tranminh.ngoc@aecom.vn

22:40 31 tháng 3, 2018

Mẫu số: 01-2/TB-TĐT
 ((Ban hành kèm theo Thông tư số
 110/2015/TT-BTC - dành riêng cho
 dịch vụ khai thuế điện tử))

**BỘ TÀI CHÍNH
 TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 10120180088272584/TB-TĐT

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Kỹ THUẬT ĐIỆN - Tự ĐỘNG HÓA A&E
 Mã số thuế của NNT: 0302277600

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo tiếp nhận vào lúc 16 giờ 8 phút 41 giây, ngày 31 tháng 03 năm 2018. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận HSKT điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

+ Tên hồ sơ khai thuế điện tử :

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TT200 - Bộ báo cáo tài chính	Chính thức	2017	1	

+ Mã giao dịch điện tử: 10620180228066918

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc :16 giờ 8 phút 41 giây ngày 31 tháng 03 năm 2018

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của người nộp thuế là ngày 31/03/2018 16:08:41

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

Thông báo thuế.xml
6K



6. HỒ SƠ KINH NGHIỆM



A&E ENGINEERING CO., LTD

100 Ky Con, Nguyen Thai Binh ward, Dist., 1, HCMC, Vietnam
 Tel : (08) 38224028 - 38211657 Fax: (08) 38211640
 Email: info@aecom.vn http://www.aecom.vn

HỒ SƠ KINH NGHIỆM

(Các Hợp đồng kinh tế chính đã và đang thực hiện)

STT	TÊN DỰ ÁN	KHÁCH HÀNG	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (VND)	THỜI GIAN
1	Dự án cung cấp tủ điện cho hệ thống solar	Công ty cổ phần năng lượng TTC	Cung cấp tủ điện cho hệ thống solar	3,886,674,550	T09.2020
2	Dự án NumberOne Hậu Giang	Công Ty TNHH Number One Hậu Giang	Cung cấp trọn gói: Vật tư, thiết bị, vận chuyển và thi công, lắp đặt hoàn chỉnh trạm biến áp 2x3000kVA, 3P - 22kV/04kV	7,756,162,918	T05.2020
3	Cung Cấp Thiết Bị, Cài Tạo Tủ Điện Nhà Máy Kinh Đô	Công Ty Cổ Phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	CUNG CẤP THIẾT BỊ, CÀI TẠO TỦ ĐIỆN NHÀ MÁY KINH ĐÔ	1,690,817,700	T03.2019
4	Dự án Minh Thành	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Điện Công Nghiệp Minh Thành	Cung cấp tủ điện	1,226,698,000	T04.2018
5	Cung cấp tủ điện cho nhà máy gạo Vinh Phát - Wilmar	Công Ty TNHH Gạo Vinh Phát Wilmar	Cung cấp tủ điện 5000A	1,595,000,000	T12.2017
6	Cung cấp tủ điện Dohaco	Công Ty TNHH ABB	Cung cấp tủ điện DCS Bình Dương	1,400,616,636	T12.2017
7	Dự án nhà máy thủy tinh thể nhân tạo - Khu Công nghệ cao quận 9	Công ty TNHH TTCL Việt Nam	Cung cấp tủ SD-MD và SD-HVAC	1,368,934,600	T11.2017
8	Dự án nhà máy Kinh Đô	Công ty Cổ phần Công Mondelez Kinh Đô Việt Nam	Cung cấp tủ điện và nhân công lắp đặt	1,064,313,800	T10.2017
9	Dự án Intel	Văn phòng điều hành tại công trình Tp.HCM (ATEA)	Cung cấp tủ biến tần	2,889,994,800	T12.2016
10	Cung cấp tủ điện dự án Bãi rác Đa Phước	Công ty TNHH Hydrosience Asia	Cung cấp tủ điện	2,567,491,300	T8.2016
11	Cung cấp tủ điện dự án Đèo Cả	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Tùng	Cung cấp tủ điện	2,387,068,200	T5.2016
12	Dự án Tòa nhà Viettel - 285 Cách Mạng Tháng 8- Quận 10 - Tp.HCM	Công ty CP Thương mại và Đầu tư Mai Anh	Cung cấp tủ HVAC	8,685,450,290	T5.2016
13	Dự án Intel	Văn phòng điều hành tại công trình Tp.HCM (ATEA)	Cung cấp tủ biến tần	2,622,272,400	T9.2015
14	Dự án NumberOne Hậu Giang	Công ty TNHH Number One Hậu Giang	Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện Trung thế và Trạm Biến áp	8,004,467,020	T8.2015
15	Dự án Việt Thắng	Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng	Cung cấp tủ biến tần hợp bộ	2,925,412,001	T1.2015
16	Dự án Toyo	Công ty TNHH Toyo Việt Nam	Cung cấp tủ MCC 400V type tested - IP41 form 3B	4,203,161,600	T1.2015
17	Dự án NumberOne Chu Lai	Công ty TNHH Number One Chu Lai	Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện Trung thế và Trạm Biến áp	9,339,000,000	T11.2014
18	Dự án Intel	Văn phòng điều hành tại công trình Tp.HCM (ATEA)	Dự án cung cấp tủ MCC và MSB nhà máy Intel	7,997,000,000	T9.2014
19	Dự án Sân Bay Gia Lâm Hà Nội	Công ty TNHH MTV Công nghệ Newtaco	Cung cấp tủ điện	4,590,590,400	T12.2013
20	Dự án nhà máy Nhôm Toàn Cầu	Công ty TNHH Nhóm Toàn Cầu Việt Nam	Cung cấp máy biến thế, tủ trung thế cho nhà máy Nhôm Toàn Cầu	18,007,000,000	T7.2013
21	Dự án nhà máy sản xuất sợi màu Brotect	Công ty cổ phần xây dựng Cotec (Cotecons)	Cung cấp tủ điện	11,440,000,000	T6.2013
22	Dự án cung cấp tủ hạ thế 400-500A nhà máy Nhôm Toàn Cầu	Công ty TNHH Nhóm Toàn Cầu Việt Nam	Cung cấp tủ điện	10,670,000,000	T5.2013
23	Dự án NumberOne Hà Nam	Công ty TNHH Tân Hiệp Phát	Thi công và lắp đặt trạm biến áp 12000kVA	7,800,000,000	T4.2013



24	Dự án Chung cư cao cấp CT2 Trung Văn	Công ty TNHH Phát Triển Nhà Viettel Hancic	Cung cấp tủ điện tổng và tủ điện căn hộ Dự án chung cư cao cấp CT2 Trung Văn	4,898,887,000	T9.2012
25	Dự án nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1 (1x600MW)	Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Nặng Mico	Cung cấp tủ điện, giám sát lắp đặt, giám sát chạy thử hệ thống tủ điện cho khu vực lò hơi tubin Dự án nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1 (1x600MW)	10,382,380,292	T4.2012
26	DỰ án khách san Marriott – Hà Nội	Công ty TNHH Shinbo Vina	Cung cấp tủ điện	22,514,761,500	2011-2012



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Số: 24./2020/HDKT/TTCE-AE

Hợp đồng mua bán thiết bị kỹ thuật này (“**Hợp Đồng**”) được ký kết vào ngày 04. tháng 09. năm 2020 (“**Ngày Hiệu Lực**”) bởi và giữa các bên sau đây:

BÊN BÁN : **CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E**
Mã số thuế : **0302277600**
Địa chỉ : 100 Ký Con – Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – Tp.HCM
Số tài khoản : 0181007788668 tại Ngân hàng Vietcombank, CN Nam Sài Gòn, TP.HCM
Điện thoại : 08.38224028
Fax : 08. 38211640
Đại diện bởi : Ông **TRƯƠNG TIẾN LỘC**
Chức vụ : Giám Đốc Kinh Doanh
(Theo giấy ủy quyền được ký ngày 1 tháng 1 năm 2018)
(Sau đây gọi là “**Bên Bán**”)

BÊN MUA : **CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TTC**
Mã số thuế : 0314232731
Địa chỉ : 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại : 0283 9998833
Fax :
Đại diện bởi : Bà **LÊ HÀ THỊ MAI THẢO**
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 44/2020/GUQ ký ngày 16/08/2020 về việc ủy quyền cho Bà Lê Hà Thị Mai Thảo)
(Sau đây gọi là “**Bên Mua**”)

(Bên Bán và Bên Mua sau đây được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”).

Sau khi trao đổi, các bên thống nhất ký Hợp Đồng mua bán thiết bị kỹ thuật (“**Hợp đồng**”) với các điều khoản thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA – SỐ LƯỢNG – ĐƠN GIÁ

1.1 Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua các thiết bị, vật tư và phụ tùng đính kèm theo Phụ lục 01 và sau đây gọi là “**Hàng**” hoặc “**Hàng hóa**”

Giá trị hợp đồng: **3,886,674,550 VND** (đã bao gồm thuế VAT) *Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, năm trăm năm mươi đồng.*

1.2 Giá trị hợp đồng trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng và đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế, các khoản phí, lệ phí và các chi phí khác phát sinh liên quan.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

2.1 Phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên Bán có chi tiết như được nêu ở phần đầu của Hợp Đồng hoặc tài khoản khác theo thông báo bằng văn bản của Bên Bán và Bên Mua nhận được thông báo trước thời điểm thanh toán ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc. Phí chuyển khoản do Bên Bán chịu trách nhiệm chi trả.

2.2 Thời hạn thanh toán : Bên Mua thanh toán 100% giá trị Hợp đồng cho bên Bán trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hàng hóa theo đúng quy định tại Hợp đồng này cùng các giấy tờ sau:

- (a) Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ do Nhà sản xuất cấp (Hàng nhập khẩu)
- (b) Bản sao Giấy chứng chất lượng của hàng hóa do Nhà sản xuất cấp (Hàng nhập khẩu)
- (c) Bản sao parking list do Schneider Việt Nam cung cấp (Hàng nhập khẩu)
- (d) Biên bản kiểm định hàng hóa (EMIC);
- (e) Chứng nhận xuất xưởng đối với hàng gia công; tủ điện, thang, khay cáp
- (f) Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- (g) Biên bản giao nhận hàng hóa các Bên xác nhận;
- (h) Phiếu bảo hành.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1 Địa điểm giao nhận hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA DUY TÂN _ KCN TÂN ĐÔ**

3.2 Trong trường hợp Bên Mua muốn thay đổi hoặc bổ sung địa điểm giao hàng phải thông báo cho Bên Bán biết trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc và việc thay đổi chỉ được áp dụng khi Bên Bán xác nhận đồng ý bằng văn bản.

3.3 Vận chuyển, bốc xếp: Bên Bán chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển và chịu chi phí vận chuyển đến địa điểm giao nhận hàng theo Điều 3.1 hoặc Điều 3.2 của hợp đồng, chi phí bốc xếp hàng hóa tại đầu bên Bán, nhưng không bao gồm chi phí bốc dỡ hàng hóa tại địa điểm giao hàng.

3.4 Thời gian giao hàng: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên Bán phản hồi bằng văn bản xác nhận đơn đặt hàng của Bên Mua.

3.5 Trước khi giao hàng Bên Bán phải thông báo trước ít nhất 02 (hai) ngày làm việc bằng mail và điện thoại về thời gian, lịch trình giao hàng cho Bên Mua. Trường hợp Bên Bán giao hàng trước thời hạn giao hàng hoặc không thông báo trước khi giao hàng cho Bên Mua thì Bên Mua có quyền từ chối nhận hàng và không chịu bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào và Bên Bán phải thông báo và giao hàng lại vào đúng thời hạn giao hàng.

3.6 Kiểm tra hàng hóa: Bên Mua có quyền kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng. Trong mọi trường hợp, việc kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng của Bên Mua không loại bỏ trách nhiệm giao hàng theo đúng Hợp đồng này của bên Bán cũng như không loại bỏ quyền khiếu nại, yêu cầu bảo hành, trả hàng và các quyền khác của Bên Mua theo hợp đồng.

3.7 Trường hợp Bên Bán giao thiếu hàng hoặc giao hàng hóa không phù hợp với Hợp đồng thì Bên Bán phải giao lại đúng và đầy đủ hàng hóa trong thời hạn giao hàng mà bên mua đồng ý bằng văn bản. Quá thời hạn giao hàng mà Bên Mua vẫn chưa nhận được đúng, đầy đủ hàng hóa thì Bên Mua có quyền mua hàng hóa từ đơn vị cung cấp khác và Bên Bán phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa, chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa.

ĐIỀU 4. LẬP ĐẶT – VẬN HÀNH – NGHIỆM THU

Bên mua sẽ tiến hành nghiệm thu ngay khi nhận được hàng nếu hàng hóa do bên Bán giao đúng đáp ứng các quy định của Hợp đồng.

Bên Mua tự lắp đặt và nghiệm thu ngay khi nhận được hàng nếu hàng hóa do Bên Bán giao đáp ứng các quy định của Hợp Đồng.

ĐIỀU 5. BẢO HÀNH

5.1 Thời gian bảo hành: 12 tháng tính từ ngày bàn giao đầy đủ hàng hóa được quy định trong biên bản bàn giao có xác nhận của các Bên.

5.2 Phương thức bảo hành:

- (a) Khi phát hiện có trục trặc của thiết bị, Bên Mua phải thông báo Bên Bán theo một trong các hình thức thư điện tử, điện thoại, fax, văn bản.
- (b) Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được thông báo, Bên Bán có trách nhiệm cử người đến địa điểm mà hàng hóa được sử dụng để bảo hành cho bên Mua. Tuy nhiên trong trường hợp sự cố không khắc phục được hoặc thiết bị bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất bên Bán phải liên lạc với nhà sản xuất và không loại trừ trách nhiệm bảo hành của bên Bán trước bên Mua.
- (c) Trường hợp Bên Bán không tuân thủ quy định bảo hành tại Điều này, Bên Mua được quyền yêu cầu bên thứ ba bất kỳ thực hiện và Bên Bán có trách nhiệm thanh toán cho bên thứ ba hoặc thanh toán lại cho Bên Mua các chi phí phát sinh liên quan trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được Bên Mua yêu cầu.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

6.1 Quyền được thanh toán theo đúng quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

6.2 Đảm bảo về nguồn gốc, chất lượng và tính hợp pháp của hàng hóa mà Bên Bán đã giao theo Hợp Đồng này.

6.3 Giao hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong Hợp Đồng.

6.4 Bằng chi phí của mình tiến hành thay thế, đổi trả, khắc phục vi phạm về hàng hóa trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi được Bên Mua yêu cầu do hàng hóa được giao không đúng tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách và số lượng theo Điều 1 của Hợp đồng.

6.5 Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên Mua.

6.6 Nhân sự Bên Bán có trách nhiệm tuân thủ các quy định về ra vào cổng, bãi đậu, an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh môi trường tại địa điểm giao hàng là kho Bên Mua, Bên Bán sẽ chịu các chi phí bồi thường, các khoản phạt nếu Bên Bán (nhân công hoặc đơn vị do Bên Bán sử dụng) vi phạm các điều khoản này.

6.7 Các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

7.1 Có quyền từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hóa giao không đúng thời hạn giao hàng, không đúng chất lượng, không đầy đủ, giao thừa hàng theo quy định tại Hợp Đồng.

7.2 Thanh toán đủ và đúng hạn giá trị Hợp Đồng cho Bên Bán theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

7.3 Cử nhân viên nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng.

7.4 Phối hợp với Bên Bán trong việc kiểm tra chất lượng và số lượng của hàng hóa.

7.5 Các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU VÀ RỦI RO

Quyền sở hữu và rủi ro của hàng hóa được quy định trong Hợp Đồng này sẽ chuyển giao cho Bên Mua kể từ thời điểm đại diện của Bên Mua ký biên bản giao nhận hàng hóa và nghiệm thu được Các Bên xác nhận do Bên Bán giao theo quy định của Hợp Đồng.

ĐIỀU 9. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM

- 9.1 Trừ trường hợp sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 10 dưới đây, nếu Bên Bán vi phạm bất kỳ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này thì Bên Bán có nghĩa vụ chấm dứt hành vi vi phạm hoặc khắc phục vi phạm đồng thời bồi thường mọi thiệt hại cho Bên Mua trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm được bên mua xác nhận bằng văn bản. Nếu quá thời hạn này mà Bên Bán không chấm dứt hoặc khắc phục toàn bộ hành vi vi phạm thì Bên Mua có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, Bên Bán sẽ chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh (nếu có) theo quy định pháp luật.
- 9.2 Nếu Bên Mua chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Bên Bán có quyền yêu cầu Bên Mua thanh toán tiền lãi chậm trả với mức là 0.05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán tính từ ngày đến hạn cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, nhưng trong mọi trường hợp không được thanh toán chậm hơn 15 ngày kể từ ngày đến hạn.
- 9.3 Khoản tiền phạt, bồi thường, bồi hoàn (nếu có) liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng được Bên vi phạm thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên vi phạm Hợp đồng được Bên còn lại thông báo cho Bên vi phạm.

ĐIỀU 10. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Sự Kiện Bất Khả Kháng là bất kỳ sự kiện nào xảy ra một cách khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Các Bên mà Các Bên không thể lường trước và không thể khắc phục mặc dù Các Bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm (nhưng không giới hạn) các sự kiện sau: động đất, lũ lụt, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chiến tranh, đình công, bạo động, hoặc bất kỳ hành động hay chính sách nào của chính phủ, có ảnh hưởng việc thực hiện Hợp Đồng.
- 10.2 Không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp Đồng hoặc phải chịu trách nhiệm trước Bên kia do bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ các nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra, với điều kiện là:
- (a) Sự Kiện Bất Khả Kháng là nguyên nhân gần nhất làm cho bất kỳ Bên nào bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp Đồng;
 - (b) Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sử dụng mọi biện pháp hợp lý để vượt qua, làm giảm thiệt hại do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra;
 - (c) Bên bị ảnh hưởng thông báo ngay cho Bên kia biết về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó trong vòng ba (03) ngày. Đồng thời, trong nội dung văn bản thông báo phải nêu các chi tiết của sự cố đã ngăn cản việc thực hiện Hợp Đồng và các biện pháp khắc phục đã và đang được thực hiện.
- 10.3 Các Bên thỏa thuận rằng khi có Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng sẽ thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để tránh và hạn chế bất kỳ các tổn thất hoặc thiệt hại nào cho Bên kia có thể xảy ra do Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 10.4 Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải tiếp tục thực hiện Hợp Đồng ngay sau khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt.
- 10.5 Trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 10 (mười) ngày, làm ảnh hưởng đến khả năng thực hiện Hợp Đồng của một Bên, Các Bên sẽ thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này. Trường hợp kéo dài quá

30 ngày, thì một Bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng thông báo bằng văn bản trước 05 ngày cho Bên kia. Trường hợp Hợp Đồng chấm dứt theo điều này, Bên B phải hoàn trả cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào mà Bên A đã thanh toán trước đó cho phần công việc mà Bên B chưa hoàn thành.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, thiện chí trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một phương thức giải quyết khác theo thời hạn được các Bên thống nhất lựa chọn. Trường hợp, quá thời hạn trên mà tranh chấp vẫn không được Các Bên giải quyết, thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- (a) Theo thỏa thuận của Các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn; hoặc
- (b) Các Bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng; hoặc
- (c) Một trong Các Bên bị giải thể, phá sản hoặc tổ chức lại doanh nghiệp; hoặc
- (d) Một Bên vi phạm Hợp Đồng và đã được Bên còn lại thông báo bằng văn bản yêu cầu khắc phục vi phạm trong thời hạn 14 ngày (“**Thời hạn khắc phục**”), kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm nhưng Bên vi phạm không khắc phục hoặc không có khả năng khắc phục vi phạm trong Thời hạn khắc phục; hoặc
- (e) Sự kiện bất khả kháng xảy ra quá 90 ngày làm việc.

ĐIỀU 13. CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH VÀ HỐI LỘ NHÂN VIÊN

- 13.1 Bên Bán cam kết không được dùng bất cứ thủ đoạn nào, dù trực tiếp hay gián tiếp, bằng tiền mặt hoặc quà cáp mua chuộc, hoặc thỏa hiệp với nhân viên, cấp quản lý nhằm đạt được mục đích bán hàng cho Bên Mua. Bên Bán luôn hiểu và cam kết thực hiện bán hàng cho Bên Mua theo giá cả cạnh tranh mà không bị bất kỳ một tác động nào từ việc mua chuộc hay thỏa hiệp nêu trên.
- 13.2 Nếu Bên Bán vi phạm điều khoản này của Hợp đồng, và Bên Mua phát hiện được cùng với những bằng chứng về cạnh tranh không lành mạnh, về việc đưa tiền mặt hoặc quà cáp mua chuộc hoặc thỏa hiệp với nhân viên, cấp quản lý của Bên Mua, Bên Bán cam kết bồi thường gấp hai lần giá trị Hợp đồng, đồng thời ngay lập tức Bên Mua có quyền ngừng mua hàng hóa từ bên Bán và giữ lại toàn bộ khoản tiền còn phải trả cho Bên Bán cho đến khi nào sự việc được giải quyết xong. Ngoài ra, tùy quyền quyết định của Bên Mua, việc vi phạm này sẽ được đưa ra trước pháp luật để xử lý theo quy định tố tụng hình sự đối với các vi phạm liên quan. Và cũng để thực hiện đúng tinh thần các điều khoản này, Bên Bán đồng ý hỗ trợ Bên Mua trong việc công khai rõ ràng minh bạch các khoản hỗ trợ chiết khấu, khuyến mãi theo đúng quy định của Hợp đồng (nếu có)

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 14.1 Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ nội dung ghi trong Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn, Các Bên gặp nhau bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác.
- 14.2 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày các đại diện hợp pháp của các bên ký. Mọi sửa đổi và bổ sung liên quan đến Hợp Đồng phải được lập thành văn bản và được ký xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của Các Bên.
- 14.3 Không Bên nào được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng mà không có sự đồng ý

trước bằng văn bản của Bên còn lại.

- 14.4 Nếu có bất kỳ điều khoản của Hợp Đồng này bị cấp có thẩm quyền tuyên bố hoặc xét xử (một cách chính thức hoặc không chính thức) là không hợp pháp, thì sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực pháp lý của các điều khoản còn lại.
- 14.5 Các văn bản thỏa thuận, phụ lục, đơn đặt hàng đã được Các Bên xác nhận sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này và có giá trị pháp lý như Hợp Đồng.
- 14.6 Các thông báo, văn bản theo Hợp Đồng này được gửi đến địa chỉ sau của Các Bên:

Bên Bán: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E	Bên Mua: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TTC
Địa chỉ: 100 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Người nhận: Nguyễn Hoàng Vũ	Người nhận: Nguyễn Thị Lan Phương
Mail: nguyenhoang.vu@accom.vn	Mail: phuongntl@ttcenergy.vn
Mobile: 0903 379 402	Mobic: 0707.220710
Fax:	Fax:

- 14.7 Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



Trương Tiến Lộc



Lê Hà Thị Mai Thảo

**PHỤ LỤC 01: BẢNG GIÁ CHI TIẾT VTTB ĐIỆN PHỤ
CÔNG TRÌNH**

Kèm theo Hợp đồng số 34/2020/HĐKT/TTCE-A&E ngày

STT	Mã Hàng	Tên Vật Tư	Hãng sản xuất	SL	ĐVT	Đơn Giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1		TỦ ĐIỆN GT Solar AC 1185.48KWp		3	Tủ	82,000,000	246,000,000	6 tuần
	XB7...	Đèn báo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		Công tơ điện Lũ 3 pha gián tiếp + bộ đo đếm xa RMR + Sim 4G		1	Cái	Không cấp		
		MCT (Kiểm định) 1600/5A - 15VA - CCX 0.5 - N1	Emic	3	Cái			
	MVS16H3MF2L	Máy Cắt Không Khí MVS 3P 1600A 65KA Cố Định	Schneider	1	Cái			
	METSEPM2230	Đồng hồ đa năng màn hình LCD RS485 class 0.5	Schneider	1	Cái			
		MCT 1600/5A	Master/td	3	Cái			
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
	JWT6011F	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6623.230	Quạt Hút 204x204x82mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6623.300	Miếng Gió 204x204x17mm	Leipole	2	Cái			
		Thanh cái	VN	1	Lô			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 (W600xH1500xD700, 2 ổn cửa) Sơn tĩnh	AE	1	Cái			
		Phụ kiện lắp đặt tủ điện (Cáp, Cos, ray, máng nhựa...)	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
2		TỦ ĐIỆN GT Solar AC 416.52KWp		1	Tủ	23,000,000	23,000,000	7-10 ngày
	XB7...	Đèn báo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		MCT 500/5A 15VA - CCX 0.5 - N1	Emic	3	Cái			
	LV563316	Bộ Ngắt Mạch Tự Động Cvs 3P 600A 50Ka	Schneider	1	Cái			
		Công tơ điện Lũ 3 pha gián tiếp + bộ đo đếm xa RMR + Sim 4G		1	Cái	Không cấp		
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
		Thanh cái	VN	1	Lô			
	JWT6012	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6622.230	Quạt Hút 148x148x57mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6622.300	Miếng Gió 148 x148 x14mm	Leipole	2	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 (W800xH1000xD350, 2 ổn cửa) Sơn tĩnh điện	AE	1	Cái			
		Phụ kiện lắp đặt tủ điện (Cáp, Cos, ray, máng nhựa...)	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
3		TỦ MSB Solar 416.52KWp (DB Solar)		1	Tủ	41,000,000	41,000,000	7-10 ngày
	XB7...	Đèn báo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		MCT 500/5A	Master/td	3	Cái			
	METSEPM2230	Đồng hồ đa năng màn hình LCD RS485 class 0.5	Schneider	1	Cái			
	LV563316	Bộ Ngắt Mạch Tự Động Cvs 3P 600A 50Ka	Schneider	1	Cái			
	EZC250F3150	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 150A 18Ka	Schneider	4	Cái			
	EZC100N3050	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 50A 15Ka	Schneider	1	Cái			
	A9K24450	Cầu Dao Tự Động 4P 50A 6Ka	Schneider	1	Cái			
	EZ9F34232	Cầu Dao Tự Động 2P 32A 4.5Ka	Schneider	1	Cái			
	E426UEST2_T_G19	Ổ Cắm Đôi 3 Chấu	Schneider	1	Cái			
	A9L15586	Bộ Chống Sét 3P+N 340V 65Ka	Schneider	1	Cái			
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
		Thanh cái	VN	1	Lô			
	JWT6012	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6622.230	Quạt Hút 148x148x57mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6622.300	Miếng Gió 148 x148 x14mm	Leipole	2	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 (W1000xH1200xD350, 2 ổn cửa) Sơn tĩnh điện	AE	1	Cái			
		Phụ kiện lắp đặt tủ điện (Cáp, Cos, ray, máng nhựa...)	VN	1	Bộ			

		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
4		TỦ MSB Solar 224.28KWp (DB Solar)		1	Tủ	32,000,000	32,000,000	7-10 ngày
	XB7...	Đèn bảo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		MCT 300/5A	Master/td	3	Cái			
	METSEPM2230	Đồng hồ đa năng màn hình LCD RS485 class 0.5	Schneider	1	Cái			
	LV540305	Bộ Ngắt Mạch Tự Động Cvs 3P 320A 36Ka	Schneider	1	Cái			
	EZC250F3150	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 150A 18Ka	Schneider	2	Cái			
	EZC100N3050	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 50A 15Ka	Schneider	1	Cái			
	A9K24450	Cầu Dao Tự Động 4P 50A 6Ka	Schneider	1	Cái			
	EZ9F34210	Cầu Dao Tự Động 2P 10A 4.5Ka	Schneider	1	Cái			
	E426UEST2_T_G19	Ổ Cắm Đôi 3 Chấu	Schneider	1	Cái			
	A9L15586	Bộ Chống Sét 3P+N 340V 65Ka	Schneider	1	Cái			
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
		Thanh cái	VN	1	Lô			
	JWT6012	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6622.230	Quạt Hút 148x148x57mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6622.300	Miếng Gió 148 x148 x14mm	Leipole	2	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 (W800xH1000xD350 2 lớp cửa) Sơn tĩnh điện ngoài trời có nón Phụ kiện lắp đặt tủ điện (Cáp, Cos, ray, máng nhựa,...)	AE	1	Cái			
		Nhân công làm tủ tại AE	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
5		TỦ MSB Solar 1,086.36KWp (DB Solar)		2	Tủ	130,000,000	260,000,000	6 tuần
	XB7...	Đèn bảo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		MCT 1600/5A	Master/td	3	Cái			
	METSEPM2230	Đồng hồ đa năng màn hình LCD RS485 class 0.5	Schneider	1	Cái			
	MVS16H3MF2L	Máy Cắt Không Khí Mvs 3P 1600A 65Ka	Schneider	1	Cái			
	EZC250F3150	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 150A 18Ka	Schneider	11	Cái			
	EZC100N3050	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 50A 15Ka	Schneider	1	Cái			
	A9K24450	Cầu Dao Tự Động 4P 50A 6Ka	Schneider	1	Cái			
	EZ9F34210	Cầu Dao Tự Động 2P 10A 4.5Ka	Schneider	1	Cái			
	E426UEST2_T_G19	Ổ Cắm Đôi 3 Chấu	Schneider	1	Cái			
	A9L15586	Bộ Chống Sét 3P+N 340V 65Ka	Schneider	1	Cái			
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
		Thanh cái	VN	1	Lô			
	JWT6012	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6623.230	Quạt Hút 204x204x82mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6623.300	Miếng Gió 204x204x17mm	Leipole	2	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 W1200xH1700xD700 2 lớp cửa) Sơn tĩnh điện, Phụ kiện lắp đặt tủ điện (Cáp, Cos, ray, máng nhựa,...)	AE	1	Cái			
		Nhân công làm tủ tại AE	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
6		TỦ MSB Solar 1,185.48KWp (DB Solar)		6	Tủ	132,000,000	792,000,000	6 tuần
	XB7...	Đèn bảo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		MCT 1600/5A	Master/td	3	Cái			
	METSEPM2230	Đồng hồ đa năng màn hình LCD RS485 class 0.5	Schneider	1	Cái			
	MVS16H3MF2L	Máy Cắt Không Khí Mvs 3P 1600A 65Ka	Schneider	1	Cái			
	EZC250F3150	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 150A 18Ka	Schneider	12	Cái			
	EZC100N3050	Bộ Ngắt Mạch Tự Động 3P 50A 15Ka	Schneider	1	Cái			
	A9K24450	Cầu Dao Tự Động 4P 50A 6Ka	Schneider	1	Cái			
	EZ9F34210	Cầu Dao Tự Động 2P 10A 4.5Ka	Schneider	1	Cái			
	E426UEST2_T_G19	Ổ Cắm Đôi 3 Chấu	Schneider	1	Cái			
	A9L15586	Bộ Chống Sét 3P+N 340V 65Ka	Schneider	1	Cái			

		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
		Thanh cái	VN	1	Lô			
	JWT6012	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6623.230	Quạt Hút 204x204x82mm	Leipole	2	Cái			
	FKL6623.300	Miếng Gió 204x204x17mm	Leipole	2	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035 W1200xH1700xD700, 2 lớp cửa) Sơn tĩnh điện, Phụ kiện lắp đặt tủ điện	AE	1	Cái			
		(Cáp, Cos, ray, máng nhựa....)	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
7		TỦ TRUYỀN THÔNG (Hệ thống cung cấp mana Internet cho Inverter)		8	Tủ	7,400,000	59,200,000	7-10 ngày
	EZ9F34210	Cầu Dao Tự Động 2P 10A 4.5Ka	Schneider	1	Cái			
	E426UEST2_T_G19	Ổ Cắm Đôi 3 Chấu	Schneider	1	Cái			
		Wireless Access Point (Không bao gồm sim)		1	Bộ			
	TB35-N	TIMER 24H CÓ PIN	CAMSCO	1	Cái			
		VỎ TỦ + PHỤ KIỆN						
	JWT6011F	Cảm Biến Nhiệt	Leipole	1	Cái			
	FKL6621.230	Quạt Hút 116x116x47mm	Leipole	1	Cái			
	FKL6621.300	Miếng Gió 116x116x12mm	Leipole	1	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035, W300xH500xD200 Phụ kiện lắp đặt tủ điện	AE	1	Cái			
		(Cáp, Cos, ray, máng nhựa....)	VN	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE	AE	1	Bộ			
8		HỆ NƯỚC BẢO TRÌ - TỦ ĐIỆN MÁY BƠM		7	Tủ	3,600,000	25,200,000	7-10 ngày
	A9K24450	Đèn báo pha	Schneider	3	Cái			
		Cầu chì	Omega/Master	3	Bộ			
		Cổng tơ 20/80A - CCX 2, hữu công (KWh) nắp thủy tinh CV140	Emic	1	Cái			
		Cầu Dao Tự Động 4P 50A 6KA	Schneider	1	Cái			
		Vỏ tủ sơn tĩnh điện RAL 7035,(W400xH600xD250, lớp cửa) Sơn tĩnh điện	AE	1	Cái			
		Phụ kiện lắp đặt tủ điện	VN	1	Bộ			
		(Cáp, Cos, ray, máng nhựa....)	AE	1	Bộ			
		Nhân công làm tủ tại AE						
9		PHỤ KIỆN ĐIỆN	Việt Nam				-	có sẵn
1		Ông ruột gà lõi thép đường kính trong ϕ 50 (2") cuộn 50m	Việt Nam	11	Cuộn	750,000	7,875,000	
2		Đầu nối ống ruột gà thép ϕ 50 (2") với hộp điện	Việt Nam	575	Cái	89,000	51,175,000	
3		Đệm trong cửa đầu nối (chén)	Việt Nam	604	Cái	29,000	17,508,750	
4		Ông ruột gà lõi thép đường kính trong ϕ 25 (1") cuộn 50m	Việt Nam	95	Cuộn	1,100,000	104,060,000	
5		Đầu nối ống ruột gà thép ϕ 25 (1") với hộp điện	Việt Nam	1541	Cái	24,000	36,993,600	
6		Đệm trong cửa đầu nối (chén)	Việt Nam	3234	Cái	9,000	29,106,000	
7		Đầu Cos đồng SC 300 - 14	Việt Nam	330	cái	80,000	26,400,000	
8		Đầu Cos đồng SC 240 - 14	Việt Nam	211	cái	47,000	9,926,400	
9		Đầu Cos đồng SC 150-12	Việt Nam	22	cái	30,000	660,000	
10		Đầu Cos đồng SC 70-12	Việt Nam	9	cái	9,000	79,200	
11		Đầu Cos đồng SC 50-10	Việt Nam	673	cái	6,000	4,039,200	
12		Đầu Cos đồng SC 25-10	Việt Nam	449	cái	3,000	1,346,400	
13		Đầu Cos đồng SC16 -10	Việt Nam	66	cái	2,000	132,000	
14		Đầu Cos đồng SC 10-10	Việt Nam	44	cái	2,000	88,000	
15		Chụp Đầu cos đồng 300 vàng	Việt Nam	79	cái	6,000	475,200	
16		Chụp Đầu cos đồng 300 xanh	Việt Nam	79	cái	6,000	475,200	
17		Chụp Đầu cos đồng 300 đỏ	Việt Nam	79	cái	6,000	475,200	
18		Chụp Đầu cos đồng 240 đen	Việt Nam	106	cái	4,000	422,400	
19		Chụp Đầu cos đồng 300 xanh lá	Việt Nam	106	cái	6,000	633,600	
20		Chụp Đầu cos đồng 150 vàng	Việt Nam	4	cái	4,000	17,600	
21		Chụp Đầu cos đồng 150 xanh	Việt Nam	4	cái	4,000	17,600	
22		Chụp Đầu cos đồng 150 đỏ	Việt Nam	4	cái	4,000	17,600	
23		Chụp Đầu cos đồng 150 xanh lá	Việt Nam	4	cái	4,000	17,600	
24		Chụp Đầu cos đồng 150 đen	Việt Nam	4	cái	4,000	17,600	

25		Chụp Đầu cos đồng 70 đen	Việt Nam	4	cái	700	3,080	
26		Chụp Đầu cos đồng 70 xanh lá	Việt Nam	4	cái	700	3,080	
27		Chụp Đầu cos đồng 50 đỏ	Việt Nam	224	cái	700	157,080	
28		Chụp Đầu cos đồng 50 vàng	Việt Nam	224	cái	700	157,080	
29		Chụp Đầu cos đồng 50 xanh	Việt Nam	224	cái	700	157,080	
30		Chụp Đầu cos đồng 25 xanh lá	Việt Nam	224	cái	700	157,080	
31		Chụp Đầu cos đồng 25 đen	Việt Nam	224	cái	300	67,320	
32		Chụp Đầu cos đồng 16 đỏ	Việt Nam	22	cái	300	6,600	
33		Chụp Đầu cos đồng 16 vàng	Việt Nam	22	cái	300	6,600	
34		Chụp Đầu cos đồng 16 xanh	Việt Nam	22	cái	300	6,600	
35		Chụp Đầu cos đồng 10 xanh lá	Việt Nam	22	cái	300	6,600	
36		Chụp Đầu cos đồng 10 đen	Việt Nam	22	cái	300	6,600	
37		Băng keo điện nano	Việt Nam	126	cuộn	8,000	1,008,000	
38		Vít bản 1,5cm inox 304, bịch 200 con	Việt Nam	134	Bịch	150,000	20,130,000	inox 304
39		Dây rút 300x7mm, ngoài trời màu đen	Việt Nam	752	Bịch	100,000	75,240,000	UV
40		Dây rút 500x8mm, ngoài trời màu đen	Việt Nam	142	Bịch	145,000	20,575,500	UV
41		Bộ ống In Số, Màu Trắng Size: 8mm2, đường kính: 6mm	Việt Nam	11	Bộ	360,000	3,780,000	
42		Biển cảnh báo "có điện áp cao nguy hiểm" kích thước 200x300mm	Việt Nam	10	cái	85,000	850,000	
43		Bảng chỉ danh thiết bị kích thước 30x100mm (Inverter 01 đến Inverter 13)	Việt Nam	20	Bộ	195,000	3,900,000	
44		Ống nhựa xoắn chịu lực HDPE Ø160/125	Việt Nam	798	Mét	75,000	59,850,000	
45		Màng sóng Ø160/125	Việt Nam	76	Cái	30,000	2,268,000	
46		Foam PU dạng chai	Việt Nam	72	Chai	150,000	10,800,000	
47		Bảng cảnh báo "CẤP ĐIỆN NGÃM"	Việt Nam	145	Cuộn	150,000	21,750,000	
48		Cọc mốc cảnh báo cấp ngầm	Việt Nam	16	Cái	45,000	720,000	
10		THANG MÁNG CẤP	Việt Nam				-	2-3 tuần
1		Thang cấp 300x100x1.5ly, có nắp, nối, bulong nối, long đèn, tiếp địa nối máng	AE	171	Mét	280,000	47,740,000	
2		Co xuống 300x100x1.5ly	AE	15	Cái	298,000	4,380,600	
3		Co lên 300x100x1.5ly	AE	15	Cái	298,000	4,380,600	
4		Co ngang 300x100x1.5ly	AE	17	Cái	298,000	5,006,400	
5		Ngã ba 300x100x1.5ly	AE	4	Cái	380,000	1,596,000	
6		Bộ sắt V30x30x2.5mm (dài 500mm) đỡ thang cấp 400x100x1,5mm (khoan lỗ M10 hai đầu)	Việt Nam	103	Bộ	45,000	4,635,000	
7		Tỳ ren mạ điện M10	Việt Nam	84	Cây	30,000	2,520,000	
8		Khay cấp 300x100x1.5ly, có nắp, nối, bulong nối, long đèn, tiếp địa nối máng	AE	142	Mét	312,000	44,241,600	
9		Co xuống 300x100x1.5ly	AE	14	Cái	312,000	4,258,800	
10		Co lên 300x100x1.5ly	AE	12	Cái	312,000	3,603,600	
11		Co ngang 300x100x1.5ly	AE	14	Cái	312,000	4,258,800	
12		Khay cấp 600x100x1.5ly, có nắp, nối, bulong nối, long đèn, tiếp địa nối máng	AE	36	Mét	575,000	20,527,500	
13		Co xuống 600x100x1.5ly	AE	2	Cái	500,000	1,050,000	
14		Co lên 600x100x1.5ly	AE	4	Cái	500,000	2,100,000	
15		Co ngang 600x100x1.5ly	AE	2	Cái	810,000	1,701,000	
16		Ngã ba 600x300x100x1.5ly	AE	2	Cái	910,000	1,911,000	
17		Giảm 600x100 xuống 300x100	AE	2	Cái	500,000	1,050,000	
18		Khay cấp 300x100x1.5ly, có nắp, nối, bulong nối, long đèn, tiếp địa nối máng	AE	672	Mét	312,000	209,664,000	
19		Co ngang 300x100x1.2ly	AE	34	Cái	312,000	10,483,200	
20		Ngã ba 300x100x1.2ly	AE	17	Cái	335,000	5,628,000	
21		Giảm 300x100 xuống 200x100	AE	34	Cái	312,000	10,483,200	
22		Khay cấp 200x100x1.5ly, có nắp, nối, bulong nối, long đèn, tiếp địa nối máng	AE	1192	Mét	240,000	286,020,000	
23		Co ngang 200x100x1.2ly	AE	2	Cái	240,000	504,000	
24		Ngã ba 200x100x1.2ly	AE	54	Cái	260,000	13,923,000	
25		Giảm 200x100 xuống 100x100	AE	20	Cái	240,000	4,788,000	

26		Giảm 200x100 xuống 100x50	AE	42	Cái	240,000	10,080,000	
27		Khay cáp 100x100, có nắp, nổi, bulong nổi. 1.2ly, tiếp địa nổi máng	AE	977	Mét	160,000	156,240,000	
28		Ngã 3 100x100x1.5ly	AE	121	Cái	225,000	27,168,750	
29		Giảm 100x100 xuống 100x50	AE	151	Cái	160,000	24,192,000	
30		Khay cáp 100x50x1.5ly, có nắp, nổi, bulong nổi, long dền, tiếp địa nổi máng	AE	4116	Mét	150,000	617,400,000	
31		Cơ vuông 100x50x1.5ly	AE	17	Cái	150,000	2,520,000	
32	1427254-6	Cáp Mạng CAT6 (cuộn 305)	COMMSCOPE	915	Mét	8,000	7,320,000	
Tổng cộng trước thuế							3,533,340,500	
VAT 10%							353,334,050	
Tổng cộng							3,886,674,550	

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



Trương Tiến Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN



Lê Hà Thị Mai Châu



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

V/V: "CUNG CẤP TRỌN GÓI: VẬT TƯ, THIẾT BỊ, VẬN CHUYỂN VÀ THI CÔNG, LẮP ĐẶT HOÀN CHỈNH TRẠM BIẾN ÁP 2X3000KVA, 3P – 22KV/04KV NHÀ MÁY HẬU GIANG"

SỐ HỢP ĐỒNG: 01/AE-N01HG/PUR/200520.....
NGÀY KÝ: 20/5/2020.....

THÔNG TIN CÁC BÊN		
TÊN CÔNG TY	CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA A&E
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DN VÀ MÃ SỐ THUẾ	6300227884 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẬU GIANG CẤP	0302277600 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP
ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ	KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU – GIAI ĐOẠN 1, XÃ ĐÔNG PHÚ, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG	100 KÝ CON, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP.HCM.
DIỆN THOẠI-FAX	0274375 5055-02743785566	02838224028 - 02838211640
ĐẠI DIỆN BỞI	ÔNG. TRẦN QUÍ THANH	ÔNG : NGUYỄN PHƯỚC HUY
CHỨC VỤ	TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP	 	 
CHỮ KÝ KIỂM TRA (NẾU CÓ)	 ÔNG. TRẦN THANH TRẦN VŨ PHÒNG MUA HÀNG	[TÊN] [CHỨC VỤ]
	PHÒNG DỰ ÁN	
	 NGUYỄN NGỌC LÂM PHÒNG PHÁP CHẾ	

CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG sau đây được gọi là "Công Ty".

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA A&E sau đây được gọi là "Nhà Cung Cấp".

Công Ty và Nhà Cung Cấp sau đây được gọi riêng là "Bên" và được gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên".

Hai Bên thoả thuận ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ này (sau đây gọi tắt là "Hợp Đồng") với những điều kiện và các điều khoản sau:



ĐIỀU 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

- 1.1. **Đại diện hợp pháp:** được hiểu là người đại diện theo pháp luật được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ tương đương tùy theo quy định pháp luật) của mỗi Bên hoặc nhân sự khác được người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản.
- 1.2. **Tháng hoặc tháng:** là tháng dương lịch, bắt đầu từ ngày 1 đến ngày cuối cùng của tháng.
- 1.3. **Ngày hoặc ngày:** là ngày dương lịch, đã bao gồm ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của luật lao động.
- 1.4. **Ngày làm việc hoặc ngày làm việc:** là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của luật lao động.
- 1.5. **Dịch Vụ:** là phạm vi công việc mà Nhà Cung Cấp thực hiện cho Công Ty, được quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng.
- 1.6. **Thuế GTGT:** là thuế giá trị gia tăng.

ĐIỀU 2: BỘ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

2.1. Bộ Hợp Đồng bao gồm các tài liệu bên dưới:

- (i) Văn bản này (gồm 10 trang, 16 Điều); và
- (ii) Các Phụ lục Hợp Đồng:
 - Phụ lục 1: Mô tả Dịch Vụ và Chi tiết Phí Dịch Vụ (gồm 03 trang)
 - Phụ lục 2: Bản vẽ thiết kế (gồm 03 trang)
 - Phụ lục 3: Biện pháp thi công (gồm 03 trang)
 - Phụ lục 4: Sổ tay an toàn lao động (gồm 42 trang)
 - Phụ lục 5: Tiêu chí kỹ thuật - Phương thức và tiêu chí nghiệm thu (gồm 02 trang)
 - Phụ lục 6: Tiến độ thi công (gồm 02 trang)
 - Phụ lục 7: Thiết bị thi công và sơ đồ tổ chức (gồm 03 trang)
 - Phụ lục 8: Mẫu thư bảo lãnh ngân hàng (gồm 03 trang):
 - Bảo lãnh tạm ứng (gồm 01 trang)
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (gồm 01 trang)
 - Bảo lãnh bảo hành (gồm 01 trang)
- 2.2. Việc dẫn chiếu đến "Hợp Đồng" được xem là dẫn chiếu đến Văn bản này và Phụ lục đính kèm, bao gồm cả các Phụ lục mà hai Bên có thể ký kết sau Ngày Ký. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Văn bản này và các Phụ lục thì Văn bản này được ưu tiên áp dụng. Trong trường hợp các Phụ lục cùng nội dung có mâu thuẫn nhau thì Phụ lục ký sau được ưu tiên áp dụng.
- 2.3. Hợp Đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận trước Ngày Ký (nếu có) giữa hai Bên liên quan. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mọi sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản với đầy đủ chữ ký của Đại diện hợp pháp của các Bên.

ĐIỀU 3: PHẠM VI CÔNG VIỆC

Công Ty đồng ý giao và Nhà Cung Cấp đồng ý nhận thực hiện dịch vụ: "**CUNG CẤP TRỌN GÓI: VẬT TƯ, THIẾT BỊ, VẬN CHUYỂN VÀ THI CÔNG, LẮP ĐẶT HOÀN CHỈNH TRẠM BIẾN ÁP 2X3000KVA, 3P – 22KV/04KV NHÀ MÁY HẬU GIANG**" cho Công Ty. Theo mô tả Dịch Vụ và Chi tiết Phí Dịch Vụ (cách thức thực hiện, yêu cầu đối với Dịch Vụ, thời gian và tiến độ thực hiện, kết quả công việc và điều kiện nghiệm thu) như quy định cụ thể tại các Phụ lục của Hợp Đồng.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ.

- Phí Dịch Vụ (chưa bao gồm thuế GTGT): **6.071.057.198 đồng.**
 - Thuế GTGT (10%): **607.105.720 đồng.**
 - Phí Dịch Vụ (đã bao gồm thuế GTGT): **6.678.162.918 đồng.**
- (Bằng chữ: Sáu tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm mười tám đồng)

Chi tiết Phí Dịch Vụ như quy định tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng.

Phí Dịch Vụ đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí nhân sự, trang thiết bị... liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ. Công Ty không phải thanh toán bất kỳ khoản nào khác cho Nhà Cung Cấp hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này, trừ trường hợp các khoản phát sinh đó được Công Ty chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN

5.1. **Hình thức thanh toán**

Công Ty thanh toán cho Nhà Cung Cấp bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN- TỰ ĐỘNG HÓA A&E
Tài khoản số: 1603389
Mở tại Ngân hàng: Ngân hàng Á Châu (ACB), Chi nhánh Sài Gòn, TP.HCM
Địa chỉ Ngân hàng: 41 Mạc Đĩnh Chi, Đa Kao, Quận 1, Hồ Chí Minh

Phí chuyển khoản thanh toán do Công Ty chịu.

5.2. **Phương thức thanh toán**

Công Ty thanh toán cho Nhà Cung Cấp làm các đợt như sau:

Đợt 1: Tạm ứng

Sau khi các Bên hoàn tất việc ký Hợp Đồng, Công ty tạm ứng cho Nhà Cung Cấp 20% giá trị trước thuế của Phí Dịch Vụ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ, bao gồm:



- 01 bản chính Đề nghị tạm ứng được ký bởi Đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của Nhà Cung Cấp.
- 01 Bản chính Thư bảo lãnh tạm ứng như quy định tại Điều 5.4.
- 01 Bản chính Thư bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng như quy định tại Điều 5.4.

Đợt 2: Thanh Toán.

Công ty thanh toán cho Nhà Cung Cấp 50% giá trị vật tư tập kết sau khi Nhà Cung Cấp tập kết vật tư đến công trường trong vòng tối đa thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được từ Nhà Cung Cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

- 01 bản chính hóa đơn GTGT (bao gồm thuế GTGT) hợp lệ (100% giá trị vật tư tập kết/ thực hiện).
- 01 bản chính công văn cam kết thực hiện nghĩa vụ thuế vãng lai
- 05 bản chính biên bản nghiệm thu vật tư đầu vào đến công trường có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
- 01 Bộ hồ sơ chứng từ theo vật tư tập kết.
- 05 bản chính bản xác nhận khối lượng và giá trị vật tư tập kết tại công trường được phê duyệt bởi Công ty.

Đợt 3: Quyết Toán.

Sau khi nhà cung cấp hoàn thành dịch vụ, hai bên quyết toán hợp đồng và Công ty thanh toán 100% giá trị quyết toán trong thời hạn tối đa 7 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ:

- 01 bản chính đề nghị thanh toán được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu nhà cung cấp.
- 01 Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- 05 Biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
- 01 Xác nhận hoàn tất nghĩa vụ thuế vãng lai.
- 05 Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
- 05 Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
- 05 Bộ hồ sơ quản lý chất lượng hợp lệ.
- 03 bộ hồ sơ hoàn công, có chữ ký của đại diện hợp pháp hai bên.
- 01 bản chính Biên bản nghiệm thu đóng điện của cơ quan điện lực địa phương.
- 01 bản chính Thư bảo lãnh bảo hành như quy định tại Điều 5.4.

5.3. Nguyên tắc thanh toán

- 5.3.1. Mọi thay đổi làm tăng giá trị Hợp Đồng đã được Công Ty đồng ý bằng văn bản sẽ được thanh toán vào đợt quyết toán.
- 5.3.2. Trong bất cứ trường hợp nào, Công Ty sẽ không thực hiện việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Nhà Cung Cấp nếu (i) các tài liệu của hồ sơ thanh toán không đầy đủ, không thống nhất và/hoặc không hợp lệ, (ii) không thực hiện đúng bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào theo Hợp Đồng.
- 5.3.3. Công Ty có quyền cần trừ các khoản phạt vi phạm và/ hoặc bồi thường thiệt hại, các khoản thay đổi phát sinh giảm, giá trị phần Dịch Vụ không hoàn thành hoặc không được thực hiện, thực hiện không đúng hoặc các nghĩa vụ tài chính khác mà Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho Công Ty liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này, bất kể các khoản thanh toán đó đã đến hạn hay chưa đến hạn, vào giá trị thanh toán trước khi thực hiện các đợt thanh toán.

5.4. Thư bảo lãnh:

- 5.4.1. Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ cung cấp cho Công Ty các bảo lãnh ngân hàng không điều kiện, không hủy ngang sau đây để đảm bảo nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp theo Hợp Đồng:
- **Bảo lãnh tạm ứng:** trong thời hạn 03 ngày kể từ Ngày Ký, Nhà Cung Cấp cung cấp cho Công Ty Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng giá trị tạm ứng và có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
 - **Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng:** trong thời hạn 03 ngày kể từ Ngày Ký, Nhà Cung Cấp cung cấp cho Công Ty Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng với giá trị bằng 10% tổng Phí Dịch Vụ (trước thuế GTGT), có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình được ký bởi đại diện hợp pháp và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
 - **Bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% tổng Phí Dịch Vụ (trước thuế GTGT), có hiệu lực từ ngày phát hành và kéo dài hiệu lực đến hết ngày thứ 10 sau ngày kết thúc thời hạn bảo hành quy định tại Điều 6.2.18.
- 5.4.2. Các bảo lãnh trên do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, với bên nhận bảo lãnh là Công Ty. Mẫu các thư bảo lãnh như đính kèm tại Phụ Lục 8, nội dung của các bảo lãnh này phải được Công Ty đồng ý trước khi mở.
- 5.4.3. Nếu Nhà Cung Cấp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp Đồng dẫn đến việc Nhà Cung Cấp phải hoàn trả và/hoặc phải bồi thường và/hoặc phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Công Ty theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc theo quy định pháp luật mà Nhà Cung Cấp đã không thực hiện nghĩa vụ đó trong thời gian Công Ty yêu cầu thì Công Ty được quyền yêu cầu ngân hàng bảo lãnh thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị mỗi bảo lãnh nêu trên cho Công Ty theo văn bản yêu cầu đầu tiên của Công Ty mà không bao gồm bất cứ nghĩa vụ chứng minh nào.



- 5.4.4. Bảng chi phí của mình, Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ điều chỉnh, gia hạn bảo lãnh ngân hàng nêu trên để phù hợp với tiến độ thực tế thực hiện Hợp Đồng. Mọi bản điều chỉnh, gia hạn của các bảo lãnh ngân hàng (nếu có) Nhà Cung Cấp phải gửi cho Công Ty tối thiểu 07 ngày trước thời hạn hết hiệu lực của bảo lãnh tương ứng. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm điều khoản này thì Công Ty có quyền khiếu nại bảo lãnh tương ứng.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1 Trách nhiệm của Công Ty

- 6.1.1 Thanh toán đúng hạn cho Nhà Cung Cấp như quy định của Hợp Đồng.
- 6.1.2 Công ty cung cấp cho Nhà Cung Cấp các thông tin cần thiết liên quan đến dự án để Nhà Cung Cấp thực hiện dịch vụ.
- 6.1.3 Chỉ định Đơn vị tư vấn quản lý dự án, giám sát thi công và các nhân sự liên quan thực hiện các quyền của Công ty
- Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị tư vấn, quản lý dự án và giám sát thi công:
 - Trong trường hợp Công ty chỉ định Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công tại Công trình, Nhà Cung Cấp có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công để thực hiện Hợp Đồng.
 - Mọi quyết định của Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công không thay thế quyết định của Công ty, quyết định của Công ty là quyết định cuối cùng.
 - Công ty bàn giao mặt bằng và mốc tọa độ cho Nhà Cung Cấp.

6.2 Trách nhiệm của Nhà Cung Cấp.

- 6.2.1 Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm độc lập trước pháp luật và Công Ty liên quan đến việc cung ứng Dịch Vụ và đảm bảo việc cung ứng Dịch Vụ theo Hợp Đồng này là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp Nhà Cung Cấp cung ứng Dịch Vụ này không đúng quy định pháp luật hoặc việc thực hiện, không thực hiện Dịch Vụ này khiến Công Ty trở thành đối tượng vi phạm pháp luật thì Nhà Cung Cấp cam kết chịu trách nhiệm độc lập và duy nhất về việc vi phạm pháp luật này.
- 6.2.2 Cung cấp đầy đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết để thực hiện và hoàn thành Dịch Vụ theo đúng thỏa thuận trong Hợp Đồng mà không làm phát sinh chi phí cho Công Ty.
- 6.2.3 Cung cấp và đảm bảo Dịch Vụ tuân thủ các quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan. Chịu chi phí và thực hiện các thủ tục xin các loại giấy phép liên quan đến việc cung ứng dịch vụ theo quy định pháp luật cần thiết để hoàn thành Dịch Vụ.
- 6.2.4 Tiếp nhận ý kiến đóng góp của Công Ty để cải thiện, điều chỉnh Dịch Vụ, đồng thời, phối hợp cùng với Công Ty trong việc nghiệm thu Dịch Vụ. Trong trường hợp có một hoặc nhiều Bên thứ ba cùng thực hiện Dịch Vụ, Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ phối hợp hiệu quả với Bên thứ ba để cùng thực hiện Dịch Vụ.
- 6.2.5 Trường hợp có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào liên quan đến Nhà Cung Cấp và ảnh hưởng đến việc thực hiện Dịch Vụ, Nhà Cung Cấp sẽ, bằng chi phí của mình, thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của Công Ty, không làm ảnh hưởng đến Công Ty và bồi thường thiệt hại cho mọi thiệt hại mà Công Ty phải chịu (nếu có).
- 6.2.6 Trong trường hợp giữa các Bên có khiếu nại, tranh chấp thì Nhà Cung Cấp vẫn phải cung ứng Dịch Vụ theo Hợp Đồng này cho Công Ty, trừ những Dịch Vụ đang trực tiếp tranh chấp hoặc Công Ty có yêu cầu khác.
- 6.2.7 Nhà Cung Cấp, bao gồm nhân viên và bên thứ ba liên quan của Nhà Cung Cấp, phải tuân thủ quy tắc, nội quy của Công Ty khi lưu thông thuộc khu vực văn phòng, nhà máy hoặc kho của Công Ty trong suốt quá trình thực hiện Dịch Vụ. Nhà Cung Cấp theo đây chấp thuận rằng bất kỳ hành vi vi phạm quy tắc, nội quy của Công Ty của những cá nhân nêu trên đều phải được xử lý theo quyết định của Công Ty và pháp luật nếu cần thiết. Nhà Cung Cấp cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ đối với trách nhiệm vật chất phát sinh trong quá trình thực hiện Dịch vụ do hành vi vi phạm của nhân viên và Bên thứ ba liên quan của mình gây nên (nếu có). Trong trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào ghi nhận tại Điều này, không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào của Công Ty được quy định trong Hợp Đồng này, Công Ty có quyền yêu cầu và Nhà Cung Cấp chấp thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công Ty trong một thời hạn hợp lý.
- 6.2.8 Nhà Cung Cấp có trách nhiệm nhận diện và đánh giá các mối nguy và rủi ro liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ và đề ra phương án khắc phục, đồng thời phải báo cáo cho Công Ty về các mối nguy và rủi ro này nếu Công Ty có yêu cầu. Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của nhân sự của mình liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ do đó Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm độc lập và duy nhất đối với các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của các nhân sự của mình phát sinh khi thực hiện Dịch Vụ. Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm duy nhất và độc lập đối với các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba phát sinh từ các công cụ, thiết bị, hành vi liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ. Nhà Cung Cấp phải ngay lập tức thông báo cho Công Ty các sự việc này.
- 6.2.9 Nhà Cung Cấp đồng ý đã có được tất cả những thông tin cần thiết về những rủi ro, bất trắc và những tình huống khác có thể ảnh hưởng hoặc tác động đến việc thực hiện và hoàn thành Dịch Vụ, do đó, sẽ không có một vấn đề, khiếu nại, hay phát sinh nào được chấp nhận do nguyên nhân từ các điều kiện cần thiết để thực hiện và hoàn thành Dịch Vụ.
- 6.2.10 Nhà Cung Cấp cử Đại diện hợp pháp tham gia các cuộc họp liên quan đến việc thực hiện Dịch Vụ với Công Ty và các bên có liên quan theo yêu cầu của Công Ty.
- 6.2.11 Nhà Cung Cấp, theo đây, xác nhận rằng người nhân danh Nhà Cung Cấp ký tên trên các chứng từ liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các Biên bản nghiệm thu, Biên bản đối chiếu công nợ, Chứng từ về việc giao nhận tài liệu là người đại diện hợp pháp của Nhà Cung Cấp thay mặt Nhà Cung Cấp ký xác nhận trên các chứng từ đó với Công Ty.



- 6.2.12 Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ cung cấp cho Công Ty các tài liệu sau theo yêu cầu của Công Ty:
- (i) Bản sao hợp lệ các Giấy chứng nhận kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với Nhà Cung Cấp có mã số thuế khác với mã số doanh nghiệp);
 - (ii) Bản gốc Giấy ủy quyền trong trường hợp nhân sự ký Hợp Đồng, chứng từ không phải là người đại diện theo pháp luật của Nhà Cung Cấp;
 - (iii) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Công Ty.
- Nhà Cung Cấp cam kết ngay lập tức thông báo cho Công Ty (không quá 48 giờ) khi có bất kỳ thay đổi thông tin nào trong các tài liệu nêu trên. Công Ty không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong trường hợp có sự thay đổi thông tin mà Nhà Cung Cấp không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho Công Ty. Nhà Cung Cấp chấp thuận rằng Công Ty có quyền sử dụng, tiết lộ những tài liệu trên cũng như những thông tin mà Công Ty biết được từ những tài liệu này nhằm mục đích thực hiện Hợp Đồng hoặc mục đích hợp pháp khác mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc tài chính nào, và không được xem là vi phạm cam kết bảo mật quy định trong Hợp Đồng.
- 6.2.13 Nghĩa vụ của Nhà Cung Cấp
- Nhà Cung Cấp phải thi công và hoàn thành Công trình và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong Công trình cho phù hợp với quy định tại Hợp Đồng, chỉ dẫn của Công ty, các tiêu chuẩn quy định pháp luật liên quan.
 - Nhà Cung Cấp phải cung cấp thiết bị, máy móc và tài liệu của Nhà Cung Cấp được nêu trong Hợp Đồng và toàn bộ nhân lực, vật liệu tiêu hao và những vật dụng cùng các dịch vụ khác, dù là những thứ có tính chất tạm thời hoặc lâu dài, được đòi hỏi trong và cho thi công Công trình và sửa chữa sai sót.
 - Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, ổn định và an toàn của mọi thao tác trên Công trường và mọi biện pháp thi công. Nhà Cung Cấp (i) phải chịu trách nhiệm về toàn bộ tài liệu của Nhà Cung Cấp, Công trình tạm và thiết kế mỗi hạng mục thiết bị, vật liệu được đòi hỏi cho hạng mục đó theo đúng Hợp Đồng, và (ii) không phải chịu trách nhiệm theo cách nào khác đối với thiết kế và đặc tính kỹ thuật của Công trình chính.
 - Công trình này phải bao gồm tất cả công việc cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Công ty, hoặc được đề cập đến trong Hợp Đồng và tất cả các công việc (kể cả không được nêu trong Hợp Đồng) cần thiết cho sự ổn định hoặc việc hoàn thành hoặc sự an toàn và bản thân sự vận hành tốt Công trình.
 - Bất kỳ lúc nào Công ty có yêu cầu, Nhà Cung Cấp phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các biện pháp thi công mà Nhà Cung Cấp đề xuất để được chấp thuận áp dụng cho việc thi công xây dựng Công trình. Nhà Cung Cấp không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các biện pháp nếu không thông báo trước cho Công ty.
- 6.2.14 Nhà Cung Cấp phụ:
- Nhà Cung Cấp không được giao lại Hợp Đồng cho Nhà Cung Cấp phụ để thực hiện thi công mà không có sự chấp thuận của Công ty.
 - Trường hợp được sự chấp thuận của Công ty về việc sử dụng Nhà Cung Cấp phụ, Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về mọi hành động hoặc sai sót của thầu phụ hoặc nhân viên của họ như thể đó là hoạt động và sai sót của Nhà Cung Cấp.
- 6.2.15 Hợp tác:
- Như đã được quy định trong Hợp Đồng hoặc chỉ dẫn của Công ty, Nhà Cung Cấp phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong Công việc đối với:
 - o Nhân sự của Công ty; và
 - o Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công trên Công trường; và
 - o Các Nhà Cung Cấp khác trên Công trường; và
 - o Các đối tượng khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên Công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà Cung Cấp khác có liên quan đến việc thi công Công trình. Tuân thủ các quy định do Chủ đầu tư và/hoặc Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công trên Công trường ban hành.
- 6.2.16 Định vị các mốc:
- Nhà Cung Cấp phải định vị Công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp Đồng. Nhà Cung Cấp sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của Công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của Công trình.
- 6.2.17 An toàn:
- Nhà Cung Cấp phải:
- Tuân thủ tất cả quy định pháp luật, các tiêu chuẩn yêu cầu và quy định của Công ty và/hoặc Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công liên quan đến an toàn lao động, an toàn thi công và an ninh trật tự trên Công trường;
 - Quan tâm tới sự an toàn cho tất cả những người có mặt trên Công trường. Đảm bảo Công trường và Công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người này;
 - Bằng chi phí của Nhà thầu, Nhà thầu làm mọi công trình tạm (gồm đường sá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho việc thi công xây dựng Công trình, để sử dụng và bảo vệ cư dân, các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận. Vị trí công trình tạm phải được phê duyệt bởi Chủ đầu tư và/hoặc Đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công.
 - Nhà Cung Cấp chịu mọi trách nhiệm về tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, giữ vệ sinh môi trường tại Công trình và đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận từ khi khởi công đến khi bàn giao Công trình.



- Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của nhân sự của mình liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng do đó Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm giải trình, các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của các nhân sự của mình phát sinh khi thực hiện Hợp Đồng.
- Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm giải trình, các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba phát sinh từ việc vi phạm của Nhà thầu liên quan đến an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, giữ vệ sinh môi trường tại Công trình.

6.2.18 Đảm bảo chất lượng và bảo hành Công trình:

Nhà Cung Cấp phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý chất lượng Công trình xây dựng hiện hành của Nhà nước (bao gồm cả trách nhiệm của Nhà Cung Cấp đối với việc bảo hành Công trình) trong việc thi công xây dựng Công trình phù hợp với các nội dung đã nêu trong Hợp Đồng nhưng không làm giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà Cung Cấp theo Hợp Đồng và Công ty có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thi công của Nhà Cung Cấp.

Nhà Cung Cấp phải:

- Thực hiện việc bảo hành Công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu Công trình đưa vào sử dụng, khi quyết toán Nhà Cung Cấp gửi Công ty công văn cam kết bảo hành.
- Trong thời gian bảo hành Công trình, Nhà Cung Cấp phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà Cung Cấp gây ra trong quá trình thi công Công trình bằng chi phí của Nhà Cung Cấp. Tùy thuộc vào thông báo của Công ty (Công ty thông báo cho Nhà Cung Cấp qua điện thoại hoặc email theo thông tin liên lạc quy định tại Hợp Đồng): (i) đối với các lỗi ảnh hưởng tới việc sản xuất thì Nhà Cung Cấp phải cử nhân sự đến kiểm tra trong vòng 1 ngày làm việc kể từ lúc Công ty thông báo và Nhà Cung Cấp phải hoàn tất việc sửa chữa, khắc phục trong ngày làm việc đó hoặc một thời hạn khác được Công ty đồng ý bằng văn bản; (ii) đối với các lỗi khác thì Nhà Cung Cấp phải đến kiểm tra trong vòng 1 ngày làm việc và phải hoàn tất việc sửa chữa các lỗi này trong vòng không quá 03 ngày sau đó hoặc một thời hạn khác được Công ty đồng ý bằng văn bản. Nếu quá thời hạn này mà Nhà Cung Cấp không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Công ty có quyền thuê một Nhà Cung Cấp khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà Cung Cấp chịu. Công ty có quyền khiếu nại rút tiền Bảo lãnh bảo hành trong trường hợp này.

6.2.19 Điều kiện về Công trường:

- Nhà Cung Cấp được coi là đã có được tất cả những thông tin cần thiết về những rủi ro, bất trắc và những tình huống khác có thể ảnh hưởng hoặc tác động đến việc thi công Công trình. Nhà Cung Cấp được coi là đã thẩm tra, xem xét và chấp nhận tình trạng Công trường, khu vực xung quanh Công trường. Không một phát sinh nào do tình trạng, điều kiện Công trường được Công ty chấp nhận kể từ thời điểm Nhà Cung Cấp ký Hợp Đồng này.

6.2.20 Quyền về đường đi và phương tiện:

- Nhà Cung Cấp phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và / hoặc tạm thời mà Nhà Cung Cấp cần có, bao gồm lối, đường tạm vận chuyển cọc/ thiết bị vào Công trường. Nhà Cung Cấp, tự mình, cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài Công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

6.2.21 Tránh ảnh hưởng đến dân cư:

Nhà Cung Cấp không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:

- Sự thuận tiện của cư dân, hoặc
- Việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Công ty hoặc những người khác.

Nhà Cung Cấp phải bồi thường và đảm bảo cho Công ty không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

6.2.22 Vận chuyển Hàng hoá:

Trừ khi có quy định khác:

- Nhà Cung Cấp phải thông báo cho Công ty không muộn hơn 07 ngày trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới Công trường;
- Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hoá và các vật dụng khác cần cho Công trình.

6.2.23 Thiết bị Nhà Cung Cấp:

Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của Nhà Cung Cấp. Khi được đưa tới Công trình, thiết bị của Nhà Cung Cấp phải là để dùng riêng cho việc thi công Công trình. Nhà Cung Cấp không được di chuyển ra khỏi Công trường bất kỳ một mục thiết bị nào nếu không được sự đồng ý của Công ty.

6.2.24 Điện, nước:

- Các Bên hiểu rằng Nhà Cung Cấp sẽ không sử dụng điện, nước để thi công Công trình. Trong trường hợp cần thiết phải sử dụng điện nước hoặc bất kỳ tiện ích nào khác, Nhà Cung Cấp sẽ bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm cung cấp tủ điện, đồng hồ, cáp dẫn điện, nước đến địa điểm thi công và chịu chi phí điện nước và các tiện ích khác nếu phát sinh theo thông báo của Công ty.

6.2.25 Báo cáo tiến độ:

- Báo cáo tiến độ thực hiện sẽ được Nhà Cung Cấp chuẩn bị và nộp cho Công ty 05 bản và được cập nhật liên tục định kỳ vào cuối mỗi tuần.



- Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà Cung Cấp hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn lại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Biên bản nghiệm thu Công trình.
- 6.2.26 An ninh công trường:
- Nhà thầu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với tất cả thiết bị, vật tư tập kết tại Công trường cho đến khi Chủ đầu tư đồng ý bằng văn bản cho phép Nhà thầu mang các thiết bị, vật tư này ra khỏi Công trường.
 - Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm: không cho phép những người không có nhiệm vụ và/hoặc những người không đăng ký theo quy định tại Công trường được ra vào Công trường.
 - Những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi nhân lực của Nhà Cung Cấp và của Công ty và những người khác do Công ty (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà Cung Cấp biết, là những người có nhiệm vụ của các Nhà Cung Cấp khác do Công ty thuê làm việc trên Công trường.
 - Nhà Cung Cấp có nghĩa vụ tuân thủ mọi chỉ dẫn về an ninh, an toàn từ Công ty và chịu mọi chi phí (nếu có) phát sinh từ việc tuân thủ các chỉ dẫn đó.
- 6.2.27 Hoạt động của Nhà Cung Cấp trên Công trường:
- Nhà Cung Cấp phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi Công trường, và khu vực bổ sung mà Nhà Cung Cấp có và được Công ty đồng ý là nơi làm việc. Nhà Cung Cấp phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà Cung Cấp và nhân lực của Nhà Cung Cấp chỉ hoạt động trong phạm vi Công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.
 - Trong thời gian thi công Công trình, Nhà Cung Cấp phải giữ cho Công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà Cung Cấp. Nhà Cung Cấp phải dọn sạch rác và dỡ bỏ Công trình tạm ra khỏi Công trường khi không cần nữa.
 - Sau khi Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Công trình đã được ký, Nhà Cung Cấp phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà Cung Cấp, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và Công trình tạm. Nhà Cung Cấp phải để lại những khu vực đó của Công trường và Công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn.
- 6.2.28 Công trình tạm:
- Nhà Cung Cấp phải trình bản vẽ thiết kế về các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với các công trình tạm cho Công ty phê duyệt. Nhà Cung Cấp phải chịu trách nhiệm về việc thi công xây dựng tất cả các công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện Công trình cho đến khi chúng được đưa ra khỏi Công trường và hoàn trả lại mặt bằng. Việc chấp thuận của Công ty sẽ không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà Cung Cấp về việc thiết kế công trình tạm.
- 6.2.29 Bảo hiểm:
- Trước khi Công ty thanh toán khối lượng của đợt 2 theo điều 5 qui định, Nhà Cung Cấp có trách nhiệm mua và cung cấp cho Công ty:
- Bản chính chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng;
 - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba (bản sao y công chứng hợp lệ);
 - Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động (bản sao y công chứng hợp lệ).
- Bảo hiểm phải đảm bảo điều kiện sau:
- Thời hạn của các bảo hiểm phải tối thiểu bằng thời hạn thực hiện Hợp Đồng này.
 - Phạm vi bảo hiểm và mức miễn thường phải được Công ty chấp nhận trước khi mua.
- Người thụ hưởng là Công ty, riêng bảo hiểm tai nạn cho người lao động thì do Nhà Cung Cấp là người thụ hưởng.
- 6.2.30 Các vấn đề khác có liên quan:
- Đại diện của Nhà Cung Cấp phải là người có quyền quyết định các công việc cho mỗi lần họp giao ban trên Công trường.
 - Nhân viên quản lý và kiểm tra an toàn lao động làm việc trên Công trường phải là người có đầy đủ các giấy chứng nhận hợp lệ về chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.
 - Thực hiện đầy đủ các công việc lấy mẫu thí nghiệm kiểm tra theo yêu cầu của Công ty và chịu mọi chi phí cho việc thí nghiệm đó.
 - Mở 02 số nhật ký Công trường, mỗi Bên giữ 01 số ghi nội dung hoàn toàn giống nhau. Theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện tiến độ thi công. Cử nhân viên chuyên trách cập nhật hàng ngày tình hình thực hiện tiến độ thi công, lượng nhân công, xe, máy, khối lượng công việc đã hoàn thành trong ngày, có biện pháp xử lý tốt các sự cố, các vấn đề kỹ thuật, về vệ sinh môi trường trong công trường. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch, chất lượng Công trình và các kiến nghị của Nhà Cung Cấp. Hàng tuần (và tháng) gửi báo cáo tổng kết về các vấn đề trên trong tuần (và tháng) cho Công ty trước cuộc họp giao ban tuần.
 - Cung cấp đầy đủ hồ sơ hoàn công Công trình cho Công ty theo quy định pháp luật
- 6.2.31 Vật liệu, thiết bị và tay nghề của Nhà Cung Cấp:
- Nhà Cung Cấp phải nộp các mẫu vật liệu sử dụng và tất cả các thông tin liên quan đến vật liệu cho Công ty tối thiểu trước 5 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng vật liệu đó cho thi công. Nhà Cung Cấp chỉ được sử dụng các vật liệu thi công Công trình đã được Công ty chấp thuận trước bằng văn bản.
 - Các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, xác định chất lượng vật tư do Nhà Cung Cấp cung cấp đến công trường được thực hiện đúng theo qui định TCVN hiện hành và bằng chi phí của Nhà Cung Cấp.
 - Từng mẫu vật liệu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và mục đích sử dụng được dự kiến trong Công trình.
 - Trong quá trình thi công, người của Công ty trong mọi thời điểm thích hợp sẽ được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.



- Nhà Cung Cấp sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Công ty để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà Cung Cấp.
 - Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề hoặc không phù hợp với Hợp Đồng, Công ty có thể từ chối các thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc nhân lực tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà Cung Cấp với các lý do. Nhà Cung Cấp phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo cho các mục đã bị bác bỏ được xử lý cho phù hợp với Hợp Đồng.
- 6.2.32 Trách nhiệm đối với các sai sót:
- Đối với phần công việc chưa hoàn thành và các sai sót của Nhà Cung Cấp, Nhà Cung Cấp sẽ phải:
 - (a) Hoàn thành các công việc còn tồn đọng trong khoảng thời gian hợp lý mà Công ty yêu cầu, và
 - (b) Thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Công ty thông báo vào ngày hoặc trước thời hạn sửa chữa hết hạn.
 - Chi phí cho việc sửa chữa sai sót: Tất cả công việc được nêu trong Phụ lục 1 sẽ được tiến hành bởi Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp chịu rủi ro và các chi phí phát sinh.
 - Nhà Cung Cấp đồng ý rằng Công ty có quyền cản trở giá trị của khối lượng bê tông mà Công ty nghiệm thu (với Nhà Cung Cấp bê tông) nếu khối lượng bê tông bị chênh lệch vượt quá 1.5% khối lượng so với thiết kế.
 - Nếu Nhà Cung Cấp không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Công ty có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và Nhà Cung Cấp buộc phải tuân thủ. Nhà Cung Cấp sẽ được thông báo về ngày này đồng thời Nhà Cung Cấp sẽ chịu một khoản phạt được đề cập tại Điều 7.
 - Nếu Nhà Cung Cấp không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng, thì Công ty (tùy theo lựa chọn) có thể:
 - (a) Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thức hợp lý và Nhà Cung Cấp phải chịu mọi chi phí;
 - (b) Khấu trừ hợp lý vào giá trị Hợp Đồng; hoặc
 - (c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Công ty về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ Công trình hay phần lớn Công trình hay phần lớn Công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, Công ty sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả cho Công trình hoặc một phần Công trình (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần Công trình, dọn dẹp Công trường và trả thiết bị, các vật liệu lại cho Nhà Cung Cấp và Nhà Cung Cấp phạt chịu phạt như được quy định tại Hợp Đồng

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1 Đối với Công Ty:

Trường hợp Nhà Cung Cấp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng mà, quá 2 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán, Công Ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo như quy định tại Hợp Đồng thì Công Ty đồng ý thanh toán cho Nhà Cung Cấp khoản lãi suất cho số tiền chậm trả bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng tại thời điểm thanh toán cho những ngày chậm trả.

7.2 Đối với Nhà Cung Cấp:

7.2.1 Trường hợp Nhà Cung Cấp không thực hiện Dịch Vụ đúng thời gian, tiến độ và yêu cầu Dịch Vụ đã thống nhất thì Nhà Cung Cấp phải ngay lập tức đề xuất biện pháp khắc phục, thực hiện biện pháp khắc phục khi được Công Ty đồng ý và hoàn thành trong thời hạn Công Ty yêu cầu, mọi chi phí có liên quan đến việc khắc phục đều do Nhà Cung Cấp chịu, đồng thời, Nhà Cung Cấp trả cho Công Ty một khoản phạt là 0.5% giá trị trước thuế của Phí Dịch Vụ cho mỗi Ngày trễ hạn.

7.2.2 Trường hợp Nhà Cung Cấp không đưa ra được biện pháp khắc phục hợp lý được Công Ty chấp thuận hoặc không bắt đầu thực hiện biện pháp khắc phục hoặc quá thời hạn được Công Ty cho phép mà Nhà Cung Cấp chưa hoàn thành biện pháp khắc phục như quy định tại Điều 7.2.1 thì Nhà Cung Cấp đồng ý:

- (i) Công Ty có quyền xem xét gia hạn cho Nhà Cung Cấp tiếp tục thực hiện Dịch Vụ trong một khoản thời gian nhất định và Nhà Cung Cấp phải hoàn thành trong thời gian được gia hạn, đồng thời Nhà Cung Cấp chịu khoản phạt trong thời gian khắc phục bằng với khoản phạt quy định tại Điều 7.2.1.
- (ii) Công Ty có quyền chọn đơn vị khác thực hiện và Nhà Cung Cấp chịu mọi chi phí liên quan mà không miễn trừ bất cứ trách nhiệm nào của Nhà Cung Cấp theo Hợp Đồng.
- (iii) Công Ty có quyền chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 8.3, khi đó, Nhà Cung Cấp chịu một khoản phạt là 8% giá trị trước thuế của Phí Dịch Vụ.

7.3 Trường hợp (i) Hợp Đồng chấm dứt do lỗi của một Bên, hoặc (ii) một trong các Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không phù hợp với quy định tại Hợp Đồng thì, bên cạnh việc bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên kia và các nghĩa vụ khác theo quy định trong Hợp Đồng, Bên vi phạm còn phải chịu phạt vi phạm là 8% trên tổng giá trị giao dịch của Hợp Đồng.

7.4 Trong trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm điều khoản Chống móc ngoặc, Bảo mật thông tin và Quyền Sở Hữu Và Sở Hữu Trí Tuệ quy định tại Hợp Đồng thì Công Ty có quyền ngay lập tức chấm dứt mọi giao dịch và Nhà Cung Cấp phải thanh toán cho Công Ty toàn bộ giá trị thiệt hại nhưng không thấp hơn một khoản cố định bằng 10% tổng giá trị giao dịch giữa hai bên theo Hợp Đồng.

7.5 Trong mọi trường hợp Nhà Cung Cấp vi phạm Hợp Đồng, Công Ty có quyền ngừng mọi việc thanh toán liên quan đến Nhà Cung Cấp. Trường hợp Công Ty chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 7.2, 7.3, 7.4, Nhà Cung Cấp phải hoàn trả lại cho Công Ty toàn bộ phần giá trị mà Công Ty đã tạm ứng, thanh toán cho đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và chịu phạt lãi suất cho số tiền đã nhận tạm ứng, thanh toán đó bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng tại thời điểm hoàn trả.



ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng bị chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- 8.1 Các Bên hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- 8.2 Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản được ký bởi Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 8.3 Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm nếu: Bên vi phạm không chấm dứt hành vi vi phạm hoặc chưa khắc phục hoặc khắc phục chưa xong hậu quả của việc vi phạm trong một thời hạn được cho phép tại Hợp Đồng hoặc một thời hạn khác được Bên bị vi phạm cho phép bằng văn bản.
- 8.4 Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng nếu: Bên kia (i) vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng hoặc có khả năng gây bất lợi cho Bên còn lại; hoặc, (ii) phá sản hoặc nộp đơn yêu cầu phá sản hoặc có thông báo giải thể hoặc có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc, (iii) có sự thay đổi quyền sở hữu hoặc kiểm soát mà Bên còn lại không muốn tiếp tục giao dịch với đối tượng kiểm soát mới; hoặc (iv) do bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng mà không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng hoặc thời gian có thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng không được Bên còn lại chấp nhận.
- 8.5 Công Ty có quyền chấm dứt Hợp Đồng nếu: (i) Nhà Cung Cấp không được kinh doanh Dịch Vụ; hoặc (ii) thông báo trước bằng văn bản cho Nhà Cung Cấp ít nhất là 30 ngày.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 9.1 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Ngày Ký cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng. Công Ty được quyền ưu tiên gia hạn Hợp Đồng theo các điều khoản quy định trong Hợp Đồng này khi Hợp Đồng chấm dứt. Các cam kết, bảo đảm liên quan đến Bảo Mật Thông Tin, Chống Móc Ngạo, Quyền Sở Hữu Và Sở Hữu Trí Tuệ vẫn có hiệu lực sau khi Hợp Đồng chấm dứt vì bất kỳ nguyên nhân nào.
- 9.2 Với tinh thần thiện chí hợp tác và tuân thủ Hợp Đồng, các Bên phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ đã phát sinh trước khi Hợp Đồng chấm dứt. Đồng thời, việc ký Biên bản thanh lý Hợp Đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hợp Đồng chấm dứt.
- 9.3 Trường hợp nếu một phần của Hợp Đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên vô hiệu hoặc bị cả hai Bên hủy bỏ thì phần còn lại vẫn có hiệu lực thi hành.
- 9.4 Không Bên nào được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng hoặc chỉ định bất kỳ bên thứ ba nào thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ của Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý của Bên kia. Trường hợp một trong các Bên có sự chia tách, hợp nhất, sáp nhập, thì Hợp Đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với Bên tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ mà không cần đến bất kỳ thủ tục chuyển đổi nào, trừ việc Các Bên ký Phụ lục ghi nhận việc thay đổi này.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong trường hợp các Bên không tự giải quyết được các tranh chấp thông qua thương lượng, mỗi Bên có quyền yêu cầu tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Hậu Giang giải quyết. Quyết định của tòa án là phán quyết cuối cùng để hai Bên thực hiện. Bên thua kiện chịu án phí, phí luật sư của Bên còn lại. Luật áp dụng là quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 11: BẤT KHẢ KHÁNG

Các Sự Kiện Bất Khả Kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không lường trước được, không khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép (như thiên tai, chiến tranh, bạo loạn, tình trạng khẩn cấp quốc gia được công bố, khủng bố, hỏa hoạn, các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được đưa ra sau khi ký Hợp Đồng) mà làm cho Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng không thể thực hiện Hợp Đồng. Khi đó, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng không được xem là vi phạm Hợp Đồng, với điều kiện (i) trong vòng 3 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên gặp Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia và (ii) có bằng chứng chứng minh việc ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trường hợp chậm trễ do Sự Kiện Bất Khả Kháng vượt quá thời gian lũy tích là 15 ngày thì các Bên sẽ tổ chức cuộc họp trong vòng 5 ngày tiếp theo để đi đến thỏa thuận hữu nghị liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng, bao gồm cả khả năng chấm dứt Hợp Đồng.

ĐIỀU 12: QUYỀN SỞ HỮU VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 12.1 Các Bên công nhận rằng, Công Ty là chủ sở hữu duy nhất và vô thời hạn đối với các thông tin tài liệu do Công Ty cung cấp, kết quả Dịch Vụ và các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng. Không một từ ngữ, thỏa thuận nào được hiểu là Công Ty chuyển giao một phần hoặc toàn bộ cho Nhà Cung Cấp. Nhà Cung Cấp chỉ sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ này nếu được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công Ty hoặc được cho phép trong Hợp Đồng. Nhà Cung Cấp cam kết hỗ trợ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu và/hoặc quyền sở hữu trí tuệ của Công Ty nếu có phát sinh.
- 12.2 Nhà Cung Cấp đảm bảo rằng việc cung cấp Dịch Vụ không vi phạm sáng chế, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc bất kỳ quyền nào của bất kỳ bên thứ ba nào. Nhà Cung Cấp chịu trách nhiệm về tất cả các chi phí của các vụ kiện, khiếu nại hoặc thiệt hại có liên quan, đồng thời bồi thường và giữ cho Công Ty khỏi những thiệt hại và chi phí phát sinh liên quan đến việc cung ứng Dịch Vụ và/hoặc kết quả Dịch Vụ.

ĐIỀU 13: BẢO MẬT THÔNG TIN

Nhà Cung Cấp cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin bao gồm (i) các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng, (ii) các thông tin được Công Ty cung cấp cho Nhà Cung Cấp hoặc Nhà Cung Cấp biết được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng bằng bất kỳ hình thức nào. Nhà Cung Cấp không Bên nào được tiết lộ, sao chép hoặc cho phép bất kỳ



một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty. Nghĩa vụ bảo mật thông tin được đề cập ở trên không áp dụng đối với các thông tin (i) được công khai rộng rãi mà không do lỗi của Nhà Cung Cấp, hoặc (ii) được Nhà Cung Cấp cung cấp cho nhân viên của mình nhằm mục đích thực hiện Hợp Đồng với điều kiện đảm bảo rằng các nhân viên nhận thông tin phải tuân thủ cam kết bảo mật thông tin này, hoặc (iii) cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Công Ty. Đồng thời, Nhà Cung Cấp tuân thủ thỏa thuận bảo mật thông tin có hiệu lực hiện hành giữa các Bên.

ĐIỀU 14: CHỐNG MÓC NGOẠC

Nhà Cung Cấp không hứa hẹn, cam kết, bảo đảm hoặc dành bất kỳ lợi ích nào cho nhân viên của Công Ty hoặc bất kỳ bên nào khác có khả năng gây ảnh hưởng đến việc xúc tiến, ký kết hoặc thực hiện Hợp Đồng. Lợi ích nêu trên được hiểu là bất kỳ quyền lợi vật chất, tinh thần nào, có thể kể đến như phần trăm hoa hồng, quà tặng, hàng mẫu, phiếu quà tặng, quyền tham gia các sự kiện (giải trí, thể thao, du lịch)...

ĐIỀU 15: THÔNG BÁO

- 15.1 Mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp Đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản, bằng tiếng Việt và được gửi bằng thư tay, thư bảo đảm, thư chuyên phát nhanh hay fax, thư điện tử (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm).
- 15.2 Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp Đồng này được coi là đã được nhận bởi Bên nhận:
 - 15.2.1 Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay người có trách nhiệm nhận thư của Bên nhận; hoặc
 - 15.2.2 Vào ngày người gửi nhận được báo chuyên fax, thư điện tử thành công trong trường hợp gửi bằng fax, thư điện tử, hoặc;
 - 15.2.3 Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện gửi trong trường hợp thư chuyên phát nhanh hoặc thư bảo đảm. Trong trường hợp này, nếu những ngày tương ứng là Chủ nhật, ngày nghỉ trong tuần hoặc các ngày lễ quốc gia của Việt Nam, thì thông báo, liên lạc được xem là được Bên nhận nhận vào ngày tiếp theo.
- 15.3 Tất cả các văn bản một Bên gửi cho Bên kia chỉ được ký bởi đại diện Hợp pháp và đóng dấu của Bên gửi và được gửi đến địa chỉ liên hệ/số fax/địa chỉ thư điện tử quy định tại Hợp Đồng này.
- 15.4 Khi thay đổi thông tin liên hệ, các Bên phải báo ngay cho Bên kia bằng văn bản. Nếu Bên nhận không nhận được thông báo hay liên lạc do thay đổi thông tin liên hệ mà không thông báo cho Bên gửi, bên nhận vẫn phải chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ phát sinh theo nội dung thông báo. Một Bên không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về các tổn thất phát sinh do việc Bên kia không thông báo việc thay đổi này.
- 15.5 Thông tin liên hệ:

	CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ ĐỘNG HÓA A&E
Địa chỉ liên hệ (nếu khác địa chỉ trụ sở)	219 Đại lộ Bình Dương, P. Vĩnh Phú, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương	100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Liên hệ đặt hàng và xử lý Đơn đặt hàng	Tên : Vũ Tây	Tên : Trần Thị Kim Ngân
	Chức vụ : Nhân viên mua hàng	Chức vụ : Quản lý dự án
	Điện thoại: 0898760054/01668442989	Điện thoại: 090 3378810
Xử lý vấn đề liên quan đến giao dịch	Email : tayvu@thp.com.vn	Email : trankim.ngan@acom.vn
	Tên : Trần Thanh Trần Vũ	Tên : Nguyễn Phước Huy
	Chức vụ : Senior Procurement Manager	Chức vụ : Giám Đốc Điều Hành
Các vấn đề Nhà cung cấp tham phiên về phòng mua hàng	Điện thoại: 0907 295 669	Điện thoại: 090 3370600
	Email : vutrandt@thp.com.vn	Email : nguyenphuoc.huy@acom.vn
	Hotline: 1800545478	Hotline: 090 3370600
	Email : customercare@thp.com.vn	Email : nguyenphuoc.huy@acom.vn

ĐIỀU 16: SỐ BẢN HỢP ĐỒNG

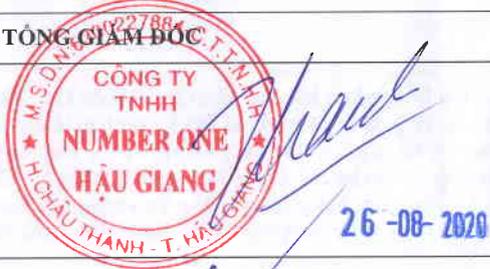
Hợp Đồng này được lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, do mỗi Bên giữ 02 bản. Trong trường hợp Hợp Đồng này được dịch ra ngôn ngữ khác, thì bản dịch chỉ mang ý nghĩa tham khảo. Mỗi bản Hợp Đồng này bao gồm 69 trang, các nội dung đều được đánh máy, không có nội dung viết tay trừ phần chữ ký, số Hợp Đồng và ngày tháng năm của Hợp Đồng.



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 10

(Đính kèm Hợp Đồng số: 01/AE-NO1HG/PUR/200520 ngày 20/05/2020)

Ngày Hiệu Lực: 26/08/2020.....

THÔNG TIN CÁC BÊN		
TÊN CÔNG TY	CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA A&E
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN VÀ MÃ SỐ THUẾ	6300227884 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẬU GIANG CẤP	0302277600 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP
ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ	KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU – GIAI ĐOẠN 1, XÃ ĐÔNG PHÚ, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG	100 KỶ CON, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
DIỆN THOẠI-FAX	0898760066	02838224028 - 02838211640
ĐẠI DIỆN BỞI	DR. TRẦN QUÍ THANH	ÔNG. NGUYỄN PHƯỚC HUY
CHỨC VỤ	TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP		
CHỮ KÝ KIỂM TRA (NẾU CÓ)	 TRẦN THANH TRẦN VŨ TU.Q. GIÁM ĐỐC PHÒNG MUA HÀNG	
	 NGUYỄN NGỌC LÂM PHÒNG PHÁP CHẾ	
	 NGUYỄN VĂN TÚ R&D DIRECTOR CUM CPO	

CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG sau đây được gọi là “Công Ty”.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA A&E sau đây được gọi là “Nhà Cung Cấp”.

Đại diện của Nhà Cung Cấp trên đây được ủy quyền theo văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: số 2003/UQ-AE ký ngày 31/12/2019.

Căn cứ Hợp đồng số 01/AE-NO1HG/PUR/200520 (sau đây gọi là Hợp Đồng), hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục này với điều khoản dưới đây:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC

Bổ sung dịch vụ vận chuyển 2 Máy Biến Áp từ Bình Dương (Địa chỉ: 219 Đại lộ Bình Dương, Phường Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương) về Hậu Giang (Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai Đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang):

- Nội dung công việc:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Chi phí điện lực (Cắt điện, lấy lại lý lịch máy, thay lại TI đầu nhánh cho phù hợp với tổng công suất Máy Biến Áp hiện tại)	Trọn gói	1	40.000.000	40.000.000
2	Nhân công lấy 2 MBA 3MVA ra bên ngoài	Trọn gói	1	35.000.000	35.000.000
	Chi phí vận chuyển 2 MBA 3MVA từ Bình Dương về Hậu Giang	Trọn gói	1	35.000.000	35.000.000
	Chi phí thí nghiệm, kiểm tra tình trạng 2 MBA 3MVA trước khi chuyển về Nhà máy Hậu Giang	Trọn gói	1	20.000.000	20.000.000
Phí Dịch Vụ (chưa bao gồm thuế GTGT):					130.000.000
Thuế GTGT (10%):					13.000.000
Phí Dịch Vụ (đã bao gồm thuế GTGT):					143.000.000

- Thời gian thực hiện: Hoàn tất trước 25/09/2020.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng và có hiệu lực kể từ Ngày Hiệu Lực. Ngày Hiệu Lực của Phụ lục Hợp đồng là ngày Công Ty nhận lại Phụ lục Hợp đồng đã được hai bên ký kết hợp lệ và trong thời hạn theo quy định tại điều này. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Báo nhận được Phụ lục Hợp đồng có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công Ty, Báo có nghĩa vụ gửi lại cho Công Ty bản Hợp Đồng với đầy đủ chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của Báo. Nếu quá thời hạn trên mà Công Ty không nhận lại được Hợp đồng thì Hợp Đồng này đương nhiên không phát sinh hiệu lực, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của Công Ty.
- Những điều khoản khác của Hợp Đồng không được quy định tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.
- Phụ lục này được làm thành bốn (04) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản chính.



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 11

(Đính kèm Hợp Đồng số: 01/AE-NO1HG/PUR/200520 ngày 20/05/2020)

Ngày Hiệu Lực:

THÔNG TIN CÁC BÊN		
TÊN CÔNG TY	CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ ĐỘNG HÓA A&E
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN VÀ MÃ SỐ THUẾ	6300227884 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẬU GIANG CẤP	0302277600 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP
ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ	KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU – GIAI ĐOẠN 1, XÃ ĐÔNG PHÚ, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG	100 KÝ CON, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI-FAX	0898760066	02838224028 - 02838211640
ĐẠI DIỆN BỞI	DR. TRẦN QUÍ THANH	ÔNG. NGUYỄN PHƯỚC HUY
CHỨC VỤ	TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP	 	 
CHỮ KÝ KIỂM TRA (NẾU CÓ)	 TRẦN THANH TRẦN VŨ TUQ.GIÁM ĐỐC PHÒNG MUA HÀNG	
	 NGUYỄN VĂN TŨ R&D DIRECTOR CUM CPO	
	 NGUYỄN NGỌC LÂM PHÒNG PHÁP CHẾ	

CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG sau đây được gọi là “Công Ty”.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ ĐỘNG HÓA A&E sau đây được gọi là “Nhà Cung Cấp”. Đại diện của Nhà Cung Cấp trên đây được ủy quyền theo văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: số 2003/UQ-AE ký ngày 31/12/2019.

Căn cứ Hợp đồng số 01/AE-NO1HG/PUR/200520 (sau đây gọi là Hợp Đồng), hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục này với điều khoản dưới đây:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC

Bổ sung phần phát sinh theo thiết kế mới, cụ thể như sau:

- Nội dung công việc:

TT	Tên vật tư - thiết bị	Nhân hiệu/ Nước SX	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền		Ghi chú
					Vật tư	Nhân công	Vật tư	Nhân công	
I	ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ - TRAM BIẾN ÁP						772,387,364	77,612,636	
I.1	Thiết bị						577,692,500	22,507,488	
-	Máy biến áp dầu 3P - 22KV/0.4KV 3000KVA-Dyn11 (lắp mới)	ABB	Máy						
-	Giàn Tủ trung thế 01: RM6 24kV 3P 630A	Schneider							
	Ngăn đầu cấp đến sử dụng LBS 24KV 630A, 20KA/3S	Schneider	Bộ	1	178,750,000	4,910,400	178,750,000	4,910,400	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
	Ngăn đầu cấp ra MBA sử dụng CB 24kV 630A + Relay bảo vệ VIP 410.	Schneider	Bộ	4					Không thay đổi
	UPS 1kVA 220V cấp nguồn nuôi cho Relay VIP410	Schneider	Bộ	1					Không thay đổi
	Phụ kiện: Bộ ghép nối tủ (Bao gồm busbar liên kết tủ)	Schneider	Bộ	1					Không thay đổi
-	Máy cắt lặp lại 630A-3P-24Kv + Tủ điều khiển, cấp điều khiển	Schneider	Bộ	1	371,250,000	13,094,400	371,250,000	13,094,400	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
	Biến áp cấp nguồn 22kV/220V 1kVA	Việt Nam							Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
	Cầu chì tự rơi (FCO) 22kV	Việt Nam							Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
-	Dao cách ly (DS) 3P - 24kV 630A (Out door)	Tuấn Ân	Bộ	1	21,505,000	3,273,600	21,505,000	3,273,600	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
-	Chống sét van (LA) 18KV-10KA	Tuấn Ân	Bộ	3	2,062,500	409,696	6,187,500	1,229,088	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
I.2	Vật tư						136,285,000	36,344,620	
	Trụ bê tông ly tâm (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực	Việt Nam	Cái	1	12,750,000	10,311,840	12,750,000	10,311,840	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang



Hậu Giang)	Thịnh Phát	m	190	(1,970,000)	(130,944)	(374,300,000)	(24,879,360)	Phát sinh giảm của PL 1 theo TK mới của PC Hậu Giang
Cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm ² - 24kV	Thịnh Phát	m	380	1,217,000	122,000	462,460,000	46,360,000	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
Cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x185mm ² - 24kV	Thịnh Phát	m	105					Không thay đổi
Cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x70mm ² - 24kV	Điện lực cấp	m	190	-	-	-	-	PC Hậu Giang cấp
Cáp đồng bọc Cu/PVC 185mm ² - 0.6/1kV	Thịnh Phát	Bộ	1	31,250,000	3,373,644	31,250,000	3,373,644	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
Cáp nổi trung thế 24kV (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực Hậu Giang)	Việt Nam	Bộ	1	4,125,000	1,178,496	4,125,000	1,178,496	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
Ống lên cáp ngầm (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực Hậu Giang)	Việt Nam	Bộ	1					Không thay đổi
Sử đứng , sử treo Polymer (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực Hậu Giang)	3M/Rayche m	Bộ	1					Không thay đổi
Đầu đấu nối cáp trung thế (Tplug, Elbow, Đầu cáp ngoài trời/trong nhà.)	Việt Nam	Bộ	1					Không thay đổi
Phụ kiện đấu nối trung thế (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực Hậu Giang)	Việt Nam	Bộ	1					Không thay đổi
I.3 Tiếp địa								
Tiếp địa lặp lại cho Recloser, Dao cách ly, Chống sét van	Việt Nam	Bộ	1					Không thay đổi
Tiếp địa lặp lại cho hệ thống tủ trung thế, MBA	Việt Nam	Bộ	1					Không thay đổi
I.4 Hàng mục xây dựng						58,409,864	18,760,528	
Đúc móng trụ, đổ bê tông móng trụ	Việt Nam	Bộ	1	12,500,000	4,960,000	12,500,000	4,960,000	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang
Ống HDPE195	Thăng Long/ Bình Minh Việt Nam	m	168	273,273	82,146	45,909,864	13,800,528	Phát sinh theo Y/C của PC Hậu Giang



(Handwritten signature)

Thang cáp sơn tĩnh điện 400 X 100 X 2.0mm không nắp	Việt Nam	Hệ	1					Không thay đổi
Hồ ga kéo cáp ngầm (theo tiêu chuẩn thiết kế của điện lực Hậu Giang)	Việt Nam	Hệ	1					Không thay đổi
Vật tư, nhân công đào đất và tái lập mương cáp trung thế (Cát vàng, gạch làm dấu, băng cảnh báo...)	Việt Nam	Hệ	1					Không thay đổi
II CHI PHÍ TƯ VẤN - THIẾT KẾ								
- Chi phí Khảo sát thiết kế	A&E	Bộ	1			-		Không thay đổi
- Chi phí lập hồ sơ thiết kế và thẩm định thiết kế	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
- Chi phí thí nghiệm thiết bị, thử thông tuyến cáp	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
- Chi phí Giám sát điện lực và quản lý dự án	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
- Chi phí nghiệm thu đóng điện	A&E	Bộ	1			-		Không thay đổi
III CHI PHÍ KHÁC								
- Chi phí quản lý dự án	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
- Chi phí vận chuyển đường dài	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
- Chi phí công trường và bảo hiểm	A&E	Bộ	1					Không thay đổi
TỔNG CỘNG (I)+(II)+(III)						772,387,364	77,612,636	
						Phí Dịch Vụ (chưa bao gồm thuế GTGT):		850,000,000
						Thuế GTGT (10%):		85,000,000
						Phí Dịch Vụ (đã bao gồm thuế GTGT):		935,000,000

(Bảng chữ: Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng)

- Thời gian thực hiện: Theo tiến độ của Hợp đồng.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng và có hiệu lực kể từ Ngày Hiệu Lực của Phụ lục Hợp đồng là ngày Công Ty nhận lại Phụ lục Hợp đồng đã được hai bên ký kết hợp lệ và trong thời hạn theo quy định tại điều này. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Báo nhận được Phụ lục Hợp đồng có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công Ty, Báo có nghĩa vụ gửi lại cho Công Ty bản Hợp Đồng với đầy đủ chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của Báo. Nếu quá thời hạn trên mà Công Ty không nhận lại được Hợp đồng thì Hợp Đồng này đương nhiên không phát sinh hiệu lực, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của Công Ty.
- Những điều khoản khác của Hợp Đồng không được quy định tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực.
- Phụ lục này được làm thành bốn (04) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản chính.



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: AC16069/NW-A&E

Hạng mục: *Cung cấp tủ điện công trình Viettel 285*

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật thương mại nước CHXHCN Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 05 năm 2016, Chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên mua) : CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ MAI ANH

Địa chỉ : Số 101A Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 84-4-36283808 Fax : 84-4-36283809

Tài khoản số : 0821100086868 tại Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Thăng Long, số 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101518817

Người đại diện : Ông Nguyễn Đức Trung Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B (Bên bán) : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Địa chỉ : 100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 84-8-38224028 Fax : 84-8-38211640

Tài khoản số : 0181007788668 tại Ngân hàng Vietcombank -CN Nam Sài Gòn.

Mã số thuế : 0302277600

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Liên Chức vụ: **Giám Đốc**

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau :

ĐIỀU I: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận “**CUNG CẤP TỦ ĐIỆN CÔNG TRÌNH VIETTEL 285**”. Cụ thể chi tiết phân phạm vi thực hiện thể hiện theo phụ lục 01 đính kèm của hợp đồng.

ĐIỀU II: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng :

Tổng giá trị hợp đồng trước thuế : **7.895.863.900 VNĐ**

Thuế VAT 10% : **789.586.390 VNĐ**

Tổng giá trị hợp đồng sau thuế : **8.685.450.290 VNĐ**

(Bằng chữ: Tám tỷ sáu trăm tám mươi năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi đồng)

Giá trên đã bao gồm toàn bộ chi phí thí nghiệm theo phụ lục số 02, chi phí đầu nối hoàn chỉnh và vận chuyển đến chân công trình.

Bên A sẽ không thanh toán cho bất kỳ chi phí nào khác ngoài giá trị hợp đồng đã nêu trên. Trong trường hợp có phát sinh thêm chi phí vì lý do bên A thay đổi thiết kế, giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng và được xác nhận bởi hai bên.

2. Phương thức thanh toán :

- Thanh toán bằng chuyển khoản, chia làm 2 đợt:

- Đợt 1: Bên mua tạm ứng 20% giá trị hợp đồng sau thuế ngay sau khi Hợp đồng được ký kết và khi bên A nhận được chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng được phát hành bởi ngân hàng của bên B tương đương 20% giá trị hợp đồng có hiệu lực trong vòng 14 tuần kể từ ngày ngân hàng phát hành, và giấy đề nghị tạm ứng.

Tương đương: 1.737.090.000 VNĐ

(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- Đợt 2: Sau khi có thông báo giao hàng bên mua có trách nhiệm nghiệm thu sản phẩm tại nhà máy sản xuất Bên Bán trước khi xuất xưởng. Bên Mua phát hành thư bảo lãnh thanh toán không hủy ngang, vô điều kiện có giá trị tương ứng 80% giá trị sau thuế còn lại của hợp đồng trước khi nhận hàng cho Bên Bán. Trong trường hợp giao hàng nhiều đợt, bên Mua sẽ phát hành thư bảo lãnh thanh toán không hủy ngang, vô điều kiện có giá trị tương ứng 80% giá trị sau thuế còn lại của giá trị từng đợt giao hàng trước khi nhận hàng cho Bên Bán. Thư bảo lãnh thanh toán sẽ có hiệu lực trong vòng 80 ngày kể từ ngày bên mua nhận đủ hàng và giấy tờ theo phụ lục số 01 và 02. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày giao hàng tại tầng trệt (có biên bản giao nhận giữa 2 bên tại công trường), bên mua sẽ thanh toán giá trị này cho Bên Bán, nếu quá thời hạn 60 ngày mà Bên Mua vẫn chưa thanh toán thì Ngân hàng sẽ chịu trách nhiệm thanh toán giá trị này cho Bên Bán.

Tương đương: 6.948.360.290 VNĐ

(Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm chín mươi đồng)

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hoá đơn GTGT hợp pháp cho toàn bộ hợp đồng (01 bản gốc) hoặc cho từng đợt giao hàng trong trường hợp giao hàng nhiều đợt (bản gốc).
- Giấy đề nghị thanh toán.
- Giấy tờ theo phụ lục số 02.
- Chứng thư bảo lãnh bảo hành được ban hành bởi Ngân Hàng Bên B với giá trị 5% giá trị hợp đồng có hiệu lực 24 tháng tính từ ngày Bên B giao đủ hàng cho Bên A, nếu giao hàng nhiều đợt chứng thư bảo lãnh bảo hành sẽ áp dụng cho đợt thanh toán sau cùng.

ĐIỀU III: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Thời gian giao hàng: 12-14 tuần kể từ ngày nhận thanh toán lần 1 và phê duyệt bản vẽ chế tạo tử điện.
- Địa điểm giao hàng: với những tủ đơn riêng lẻ bên Bán sẽ bàn giao tại chân công trường (Tầng trệt) cho bên Mua, với những tủ ghép khung bên Mua có trách nhiệm chuyển tủ lên vị trí từng tầng và bên Bán sẽ ghép nối tủ tại vị trí, bàn giao tủ cho bên Mua.

3. Yêu cầu về Chứng từ, tài liệu giao kèm với hàng hóa chi tiết theo phụ lục số 02.
4. Bên Mua có quyền từ chối không nhận hàng nếu hàng hóa khi giao không đảm bảo chất lượng như đã qui định tại Điều IV của hợp đồng này.
5. Trong trường hợp Bên Mua không nhận hàng vì bất kỳ lý do nào tại thời điểm giao hàng, Bên Bán sẽ sắp xếp việc lưu trữ và Bên Mua phải chịu phát sinh chi phí lưu kho cho mỗi ngày. Ngoài ra, Bên Mua vẫn phải thực hiện thanh toán theo tiến độ kể từ ngày thông báo giao hàng.

ĐIỀU IV: CHẤT LƯỢNG-QUI CÁCH KỸ THUẬT

1. Hàng hóa, vật tư thực hiện hợp đồng phải đảm bảo chất lượng mới 100%, thiết bị đảm bảo đúng xuất xứ (CO), nhà sản xuất.
2. Điều kiện kỹ thuật, thông số kỹ thuật của hàng hóa: Theo đúng thiết bị của Bên B khi chào hàng là phụ lục hợp đồng 01 đính kèm theo hợp đồng này.
3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vỏ tủ theo tiêu chuẩn IEC 61439-1, cấp độ bảo vệ IP 42, cấp độ phân cách Form 1, hệ thống làm mát EN 60439-1 và New EN 61439-1-2, vỏ tủ tối thiểu 2mm, tiêu chuẩn lắp ráp tủ đóng cắt và điều khiển.

ĐIỀU V: BẢO HÀNH

1. Bên B có trách nhiệm bảo hành trong vòng 24 tháng kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng cho bên A hoặc không quá 28 tháng kể từ ngày bên B giao hàng tại công trình tùy theo điều kiện nào đến trước.
2. Trong thời hạn bảo hành, Bên B phải tiến hành sửa chữa mọi hư hỏng, khuyết tật (nếu có) của thiết bị trong thời gian sớm nhất khi nhận được thông báo của khách hàng mà không được thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào.
3. Bên B được miễn trách nhiệm bảo hành trong các trường hợp sau: Khách hàng tự ý sửa chữa không tuân theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, do hỏa hoạn, thiên tai và các điều kiện khác nằm ngoài tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất. Trường hợp xảy ra sự cố nêu trên, Khách hàng phải chịu 100% chi phí để khắc phục sự cố.

ĐIỀU VI: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Trách nhiệm Bên B:

- Giao hàng đúng qui cách, xuất xứ, chất lượng và đúng thời hạn, qui định tại điều 1 và điều 3 của Hợp đồng này;
- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ;
- Cung cấp bản sao các chứng từ xuất xứ hàng hóa (C/O) và chất lượng hàng hóa (C/Q) của các thiết bị chính ABB cho Bên A khi giao hàng và các tài liệu khác của hợp đồng được quy định tại phụ lục 02;
- Cung cấp bản vẽ cuối cùng khi lắp ráp hoàn thành tại xưởng.
- Chứng từ cung cấp cho Bên A bao gồm :
 - Chứng nhận bảo hành (01 bộ gốc).
 - Chứng nhận chất lượng, xuất xứ hàng hóa CO, CQ áp dụng đối với thiết bị nhập khẩu (12 bộ sao y bản chính bởi đơn vị thứ 3 có thẩm quyền).

- Biên bản thí nghiệm thiết bị theo phụ lục số 02 (01 bộ gốc và 11 bộ sao y đơn vị thí nghiệm hoặc 11 bộ sao y bản chính bởi đơn vị thứ 3 có thẩm quyền).
- Biên bản kiểm tra xuất xưởng cho tủ điện (01 bộ gốc và 11 bộ sao y bởi công ty TNHH KTĐ-TĐH A&E).
- Phiếu giao hàng (01 bộ gốc và 11 bộ sao y bởi công ty TNHH KTĐ-TĐH A&E).
- Hóa đơn GTGT (01 bộ gốc).

Trách nhiệm Bên A:

- Cung cấp cho Bên B các thông tin, các hồ sơ tài liệu, yêu cầu kỹ thuật liên quan đến việc lắp ráp tủ điện. Gửi các bản vẽ liên quan đến việc lắp ráp hay sơ đồ đơn tuyến cho bên B thực hiện. Tạo điều kiện và hỗ trợ Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Tạo điều kiện cho Bên B giao hàng;
- Kiểm tra và ký nhận hàng hóa khi Bên B giao hàng đến địa điểm giao nhận, để đảm bảo thiết bị được giao đúng số lượng, chủng loại, xuất xứ như hợp đồng đã ký;
- Thanh toán đúng theo hợp đồng.

ĐIỀU VII: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Bên A có quyền từ chối nhận số hàng nếu Bên B cung cấp hàng không đúng theo qui định tại Điều 1 của Hợp đồng này và Bên B chịu trách nhiệm cung cấp lại hàng hóa đúng theo hợp đồng đã ký kết trong thời gian 1 tuần;

- Trong trường hợp Bên B giao hàng chậm so với quy định tại Điều 3 của hợp đồng này do lỗi của bên B, Bên B phải chịu phạt 0.5%/1 ngày trên giá trị phần nghĩa vụ của hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày giao chậm. Mức phạt tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm;

- Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm so với quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên A phải chịu phạt 0.5%/1 ngày trên giá trị phần nghĩa vụ của hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trả. Mức phạt tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm;

- Trường hợp một trong các Bên đơn phương chấm dứt mà không phù hợp với quy định Hợp đồng thì bên cạnh việc bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên kia và thanh toán các khoản phạt vi phạm phát sinh trong quá trình Hợp đồng có hiệu lực, Bên vi phạm còn phải chịu phạt vi phạm là 8% trên tổng giá trị Hợp Đồng này.

ĐIỀU VIII: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

1. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

-Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

-Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU IX: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Trong quá trình thực hiện, hai bên cùng chủ động và tích cực thông báo cho nhau các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng và hai bên có quyền thỏa thuận về sửa đổi bổ sung hợp đồng. Sự thỏa thuận phải được lập thành văn bản như một phụ lục của hợp đồng và được hai bên cùng ký xác nhận thì mới có giá trị thực hiện. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa hai bên liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này đều phải ưu tiên giải quyết qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, thiện chí và công bằng. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền đóng trên địa bàn tỉnh TP.HCM giải quyết theo qui định của pháp luật. Bên thua phải chấp nhận mọi khoản phí và thực hiện theo phán quyết cuối cùng của pháp luật.
- Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng, nội dung của phụ lục hợp đồng cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng này.
- Sau khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo đúng các điều khoản nêu trên, hợp đồng được xem là thanh lý.
- Hợp đồng này được làm thành 06 bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Liên

PHỤ LỤC 01
ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG SỐ AC16069/NW-A&E

Bản Tổng Hợp Khối Lượng Thiết Bị Điện
Hạng Mục: ĐHKK&Thông Gió
Dự Án: TÒA NHÀ VIETTEL 285 CMT8, TP HCM

STT(HĐ)	Nội dung công việc	Đơn Vị	Khối Lượng (thực tế)	Unit price (VND)	Price (VND)	Ghi chú
A	Tủ hạ thế					
1	MSSB-0-B3	Panel	1	93,748,050	93,748,050	Chi tiết xem file đính kèm
2	MSSB-0-B2	Panel	1	90,794,250	90,794,250	Chi tiết xem file đính kèm
3	MSSB-0-B1.1	Panel	1	107,038,890	107,038,890	Chi tiết xem file đính kèm
4	MSSB.E-0-B1	Panel	1	359,739,400	359,739,400	Chi tiết xem file đính kèm
5	MSSB.E-01-B1	Panel	1	54,604,800	54,604,800	Chi tiết xem file đính kèm
6	MSSB-01-B1	Panel	1	54,963,900	54,963,900	Chi tiết xem file đính kèm
7	MSSB-02-B1	Panel	1	42,527,700	42,527,700	Chi tiết xem file đính kèm
8	MSSB-0-B1.4	Panel	1	671,644,240	671,644,240	Chi tiết xem file đính kèm
9	MSSB-0-B1.5	Panel	1	1,005,983,680	1,005,983,680	Chi tiết xem file đính kèm
10	MSSB-02-G	Panel	1	43,443,000	43,443,000	Chi tiết xem file đính kèm
11	MSSB-01-G	Panel	1	40,996,800	40,996,800	Chi tiết xem file đính kèm
12	MSSB.E-02-01	Panel	1	38,178,000	38,178,000	Chi tiết xem file đính kèm
13	MSSB.E-01-01	Panel	1	38,178,000	38,178,000	Chi tiết xem file đính kèm
14	MSSB-02-01	Panel	1	40,135,500	40,135,500	Chi tiết xem file đính kèm
15	MSSB-01-01	Panel	1	54,688,500	54,688,500	Chi tiết xem file đính kèm
16	MSSB-02-02	Panel	1	33,007,500	33,007,500	Chi tiết xem file đính kèm
17	MSSB-01-02	Panel	1	40,432,500	40,432,500	Chi tiết xem file đính kèm
18	MSSB-02-03	Panel	1	63,134,100	63,134,100	Chi tiết xem file đính kèm
19	MSSB-01-03	Panel	1	43,370,100	43,370,100	Chi tiết xem file đính kèm
20	MSSB-02-04	Panel	1	14,439,600	14,439,600	Chi tiết xem file đính kèm
21	MSSB-01-04	Panel	1	14,620,500	14,620,500	Chi tiết xem file đính kèm
22	MSSB.E-02-05	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
23	MSSB.E-01-05	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
24	MSSB-02-05,06,11,12,10,16	Panel	6	14,620,500	87,723,000	Chi tiết xem file đính kèm
25	MSSB-01-05,06,11,12,10,16	Panel	6	14,620,500	87,723,000	Chi tiết xem file đính kèm
26	MSSB.E-02-08	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
27	MSSB.E-01-08	Panel	1	26,778,600	26,778,600	Chi tiết xem file đính kèm
28	MSSB.E-02-11	Panel	1	26,778,600	26,778,600	Chi tiết xem file đính kèm
29	MSSB.E-01-11	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
30	MSSB.E-02-14	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
31	MSSB.E-01-14	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
32	MSSB.E-02-17	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
33	LEVEL 17 - ELECTRICAL RISER (MSSB.E-01-17)	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
34	MSSB.E-02-20	Panel	1	30,207,600	30,207,600	Chi tiết xem file đính kèm
35	MSSB.E-01-20	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
36	MSSB.E-02-23	Panel	1	24,894,000	24,894,000	Chi tiết xem file đính kèm
37	MSSB.E-01-23	Panel	1	32,864,400	32,864,400	Chi tiết xem file đính kèm
38	MSSB.E-02-26	Panel	1	27,550,800	27,550,800	Chi tiết xem file đính kèm
39	MSSB.E-01-26	Panel	1	38,178,000	38,178,000	Chi tiết xem file đính kèm
40	MSSB-02-07;13	Panel	2	14,949,900	29,899,800	Chi tiết xem file đính kèm
41	MSSB-01-07;13	Panel	2	14,620,500	29,241,000	Chi tiết xem file đính kèm
42	MSSB-02-08,09,14	Panel	3	15,182,100	45,546,300	Chi tiết xem file đính kèm
43	MSSB-01-08,09,14	Panel	3	14,291,100	42,873,300	Chi tiết xem file đính kèm
44	MSSB-02-15	Panel	1	14,949,900	14,949,900	Chi tiết xem file đính kèm
45	MSSB-01-15	Panel	1	14,291,100	14,291,100	Chi tiết xem file đính kèm

46	MSSB-02-17,18	Panel	2	14,620,500	29,241,000	Chi tiết xem file đính kèm
47	MSSB-01-17,18	Panel	2	14,620,500	29,241,000	Chi tiết xem file đính kèm
48	MSSB-02-19	Panel	1	13,302,900	13,302,900	Chi tiết xem file đính kèm
49	MSSB-01-19	Panel	1	14,949,900	14,949,900	Chi tiết xem file đính kèm
50	MSSB-02-20.2	Panel	1	13,302,900	13,302,900	Chi tiết xem file đính kèm
51	MSSB-02-20.1	Panel	1	123,833,830	123,833,830	Chi tiết xem file đính kèm
52	MSSB.E-02-20 (In coming 1)	Panel	1	135,651,470	135,651,470	Chi tiết xem file đính kèm
53	MSSB.E-02-20 (Incoming 2)	Panel	1	59,467,500	59,467,500	Chi tiết xem file đính kèm
54	MSSB-01-20	Panel	1	14,193,900	14,193,900	Chi tiết xem file đính kèm
55	MSSB-02-21	Panel	1	13,302,900	13,302,900	Chi tiết xem file đính kèm
56	MSSB-01-21	Panel	1	18,349,200	18,349,200	Chi tiết xem file đính kèm
57	MSSB-02-26,27	Panel	2	13,961,700	27,923,400	Chi tiết xem file đính kèm
58	MSSB-01-26,27	Panel	2	13,961,700	27,923,400	Chi tiết xem file đính kèm
59	MSSB-02-28	Panel	1	12,973,500	12,973,500	Chi tiết xem file đính kèm
60	MSSB-01-28	Panel	1	14,620,500	14,620,500	Chi tiết xem file đính kèm
61	MSSB-02-29.1	Panel	1	31,797,900	31,797,900	Chi tiết xem file đính kèm
62	MSSB-02-29.2	Panel	1	161,654,430	161,654,430	Chi tiết xem file đính kèm
63	MSSB.E-02-29 (Incoming 1)	Panel	1	249,711,860	249,711,860	Chi tiết xem file đính kèm
64	MSSB.E-02-29 (Incoming 2)	Panel	1	89,046,000	89,046,000	Chi tiết xem file đính kèm
65	MSSB-01-29.1	Panel	1	103,240,440	103,240,440	Chi tiết xem file đính kèm
66	MSSB-01-29.2	Panel	1	534,931,020	534,931,020	Chi tiết xem file đính kèm
67	MSSB-01-29.3	Panel	1	374,660,050	374,660,050	Chi tiết xem file đính kèm
68	MSSB.E-01-29 (Incoming 1)	Panel	1	394,065,490	394,065,490	Chi tiết xem file đính kèm
69	MSSB.E-01-29 (Incoming 2)	Panel	1	149,725,800	149,725,800	Chi tiết xem file đính kèm
70	MSSB-02-22,23,24 (cấp nguồn FCU tầng 22,23,24)	Panel	3	13,961,700	41,885,100	Chi tiết xem file đính kèm
71	MSSB-01-22,23,24 (cấp nguồn FCU tầng 22,23,24)	Panel	3	13,961,700	41,885,100	Chi tiết xem file đính kèm
72	MSSB-02-25 (cấp nguồn FCU tầng 25)	Panel	1	13,961,700	13,961,700	Chi tiết xem file đính kèm
73	MSSB-01-25 (cấp nguồn FCU tầng 25)	Panel	1	13,961,700	13,961,700	Chi tiết xem file đính kèm
74	Tủ MSSB-0-B1.2, (bao gồm cả phụ kiện trọn bộ và nhân công lắp đặt), vật tư chính trong mỗi tủ như sau	Panel	1	673,550,100	673,550,100	Chi tiết xem file đính kèm
75	Tủ MSSB-0-B1.3, (bao gồm cả phụ kiện trọn bộ và nhân công lắp đặt), vật tư chính trong mỗi tủ như sau	Panel	1	672,561,900	672,561,900	Chi tiết xem file đính kèm
Tổng giá trị trước thuế					7,895,863,900	
VAT 10%					789,586,390	
Tổng giá trị sau thuế					8,685,450,290	

HỢP ĐỒNG TRỌN GÓI

SỐ: 01/AE- NO.1HG/PD/300815

DỰ ÁN : NHÀ MÁY NUMBER ONE HẬU GIANG

GÓI THẦU : HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THỂ VÀ TRẠM BIẾN ÁP

ĐỊA ĐIỂM: NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT NUMBER ONE HẬU GIANG

GIỮA

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG

VÀ

NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E



Hôm nay, ngày 30 tháng 08 năm 2015 (“Ngày Ký”), tại văn phòng Công ty TNHH Number One Hậu Giang các bên gồm:

CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG

Giấy CNĐKDN và MST : 6300227884

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Sông Hậu – giai đoạn 1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Đại diện hợp pháp : Ông Trần Quý Thanh Chức vụ: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
(Dưới đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”).

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Địa chỉ : 100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

Điện thoại : 08 38 224 028 Fax : 08 38 211 640

Tài khoản số : 1603389 NH TMCP Á Châu (ACB), CN Sài Gòn, Tp.HCM.

Mã số thuế : 0302277600

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Liên Chức vụ: Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
(Dưới đây gọi tắt là “Nhà thầu”).

Chủ đầu tư và Nhà thầu sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên”, “hai Bên”.

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng trọn gói cung cấp vật tư và thi công hệ thống điện trung thế và trạm biến áp tại Nhà máy nước giải khát Number One Hậu Giang (“Hợp Đồng”) với những điều kiện và các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

- 1.1. “Công trường” là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công Công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp Đồng hoặc do Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản.
- 1.2. “Công trình” hoặc “Hệ Thống” là hệ thống điện trung thế và trạm biến áp phục vụ cho nhà máy nước giải khát Number One Hậu Giang của Chủ đầu tư do Nhà thầu thực hiện theo Hợp Đồng này.
- 1.3. “Ngày” hoặc “ngày” là ngày dương lịch, đã bao gồm ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của luật lao động.
- 1.4. “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của luật lao động.
- 1.5. “Đại diện hợp pháp”: là người đại diện theo pháp luật được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ tương đương tùy theo quy định pháp luật) của mỗi Bên hoặc nhân sự khác được người đại diện theo pháp luật ủy quyền bằng văn bản.

ĐIỀU 2. BỘ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

2.1. Bộ Hợp Đồng bao gồm các tài liệu bên dưới:

- (i) Văn Bản này; và
- (ii) Các Phụ Lục Hợp Đồng:
 - Phụ Lục 1: Chi Tiết Giá
 - Phụ Lục 2: Phạm Vi Công Việc
 - Phụ Lục 3: Hồ Sơ Thiết Kế (Bản vẽ thiết kế kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật thi công)
 - Phụ Lục 4: Tiên Độ Thực Hiện
 - Phụ Lục 5: Tiêu Chí Và Cách Thức Nghiệm Thu
 - Phụ Lục 6: Hồ Sơ Biện Pháp Thi Công (biện pháp thi công, sơ đồ tổ chức, danh sách bộ phận quản lý và kỹ thuật, danh sách máy móc thiết bị đã được kiểm định an toàn)
 - Phụ Lục 7: Mẫu Thư Bảo Lãnh Ngân Hàng

Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Văn Bản này và các Phụ Lục thì Văn Bản này được ưu tiên áp dụng. Trong trường hợp các tài liệu đính kèm có mâu thuẫn nhau thì tài liệu ký sau được ưu tiên áp dụng.

2.2. Việc dẫn chiếu đến “Hợp Đồng” được xem là dẫn chiếu đến Văn Bản này và các Phụ Lục đính kèm.

ĐIỀU 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Chủ đầu tư đồng ý giao và Nhà thầu đồng ý nhận thực hiện trọn gói cung cấp và thi công điện trung thế 22kV và trạm biến áp 12MVA (4*3000 kVA) – 22/0.4kV, theo đó, Nhà thầu thực hiện bao gồm không giới hạn các công việc sau: thiết kế Hệ Thống, cung cấp toàn bộ thiết bị, vật tư, nhân sự, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo hành Hệ Thống đáp ứng đúng yêu cầu của Chủ đầu tư như quy định cụ thể tại Hợp Đồng. Chi tiết phạm vi công việc tại Phụ Lục 2.

Tổng thời gian thực hiện và hoàn thành Hệ Thống là 140 ngày kể từ tạm ứng (căn cứ trên ủy nhiệm chi của Chủ đầu tư), chi tiết tiến độ thực hiện theo Phụ Lục 4.

ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 4.1. **Giá trị Hợp Đồng**
- | | |
|---|---------------------------|
| Giá trị Hợp Đồng (chưa bao gồm thuế GTGT): | 7.276.788.200 đồng |
| Thuế GTGT (10%): | 727.678.820 đồng |
| Tổng giá trị Hợp Đồng (đã bao gồm thuế GTGT): | 8.004.467.020 đồng |

(Bảng chữ: tám tỷ không trăm lẻ bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn lẻ hai mươi đồng chẵn)

Tổng Giá trị Hợp Đồng là trọn gói, không thay đổi, và đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, chi phí, phí, lệ phí để Nhà thầu thực hiện trọn gói Hệ Thống như thỏa thuận theo Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí sau: vật tư, vật tư phụ, thiết bị thi công, nhân công, văn phòng tạm, triển khai bàn vẽ thi công, in ấn tài liệu, chi phí dụng cụ testing thử nghiệm, chi phí trượt giá biến động thị trường Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản phát sinh nào cho Nhà thầu hoặc bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này, trừ trường hợp các khoản phát sinh đó được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản.

4.2. **Thay đổi giá trị Hợp Đồng:**

4.2.1. Tổng Giá trị Hợp Đồng chỉ được thay đổi khi có yêu cầu thay đổi của Chủ đầu tư làm thay đổi (i) phạm vi, khối lượng công việc so với phạm vi, khối lượng đã thỏa thuận trong Hợp Đồng, hoặc (ii) chất lượng các vật tư/thiết bị so với các vật tư/thiết bị đã



thống nhất trong Hợp Đồng làm ảnh hưởng đến giá trị Hợp Đồng. Việc thay đổi này không bao gồm các phát sinh từ việc cần thiết phải điều chỉnh vật tư cho phù hợp với việc thi công Hệ Thống đúng thiết kế và mô tả như quy định tại Phụ Lục 2, 3.

4.2.2.

Đơn giá áp dụng khi có thay đổi:

- Nếu nội dung công việc thay đổi đã có trong đơn giá thỏa thuận giữa hai bên thì áp dụng đơn giá đó.
- Nếu nội dung công việc thay đổi chưa có đơn giá thống nhất thì hai Bên sẽ thương lượng đơn giá cho nội dung thay đổi, khi đó, Nhà thầu có trách nhiệm lập đơn giá cho nội dung thay đổi và trình Chủ đầu tư trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu. Trong trường hợp các Bên không thỏa thuận được đơn giá đối với phần công việc thay đổi thì Chủ đầu tư có quyền chỉ định đơn vị thứ ba thực hiện phân/phạm vi công việc thay đổi đó.
- Mọi thay đổi chỉ có hiệu lực khi được Chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản trước khi thực hiện.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

5.1. Phương thức thanh toán

Chủ đầu tư tạm ứng và thanh toán cho Nhà thầu theo các đợt như sau:

Đợt 1: Tạm ứng sau khi ký Hợp Đồng: Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị trước thuế của Hợp Đồng trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ Ngày Ký và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- 01 bản gốc Giấy Đề Nghị Tạm Ứng được đóng dấu và ký bởi Đại diện hợp pháp của Nhà thầu;
- 01 bản gốc Thư Bảo Lãnh Tạm Ứng như quy định tại Điều 6.
- 01 bản gốc Thư Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng như quy định tại Điều 6.

Đợt 2: Thanh toán khi tập kết vật tư (thanh toán tối đa 2 lần): Sau khi Nhà thầu tập kết vật tư, thiết bị đến Công trường, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị vật tư thiết bị đã tập kết (đã bao gồm thuế GTGT) trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

- 01 bản chính Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- 03 bản chính Bảng xác nhận khối lượng và giá trị vật tư tập kết đến Công trường có chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 03 bản chính Biên bản nghiệm thu thiết bị vật tư đến Công trường có chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- Đầy đủ chứng từ giao kèm vật tư tập kết như quy định chi tiết tại Phụ Lục 1.
- Các chứng nhận bảo hiểm như quy định tại Điều 7 (áp dụng đối với lần thanh toán thứ nhất của đợt thanh toán khi tập kết vật tư).
- 01 bản chính công văn cam kết thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT vãng lai với cục thuế địa phương nơi thi công.

Đợt 3: Quyết toán: Hai Bên quyết toán toàn bộ Hợp Đồng và Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị quyết toán trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ sau:

- Đầy đủ chứng từ giao kèm vật tư tập kết như quy định chi tiết tại Phụ Lục 1 (các vật tư chưa được thanh toán theo Đợt 2).
- 03 bản chính Biên bản nghiệm thu bàn giao Hệ Thống đưa vào sử dụng có chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 03 bản chính biên bản quyết toán và thanh lý Hợp Đồng có chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 03 bản chính hồ sơ hoàn công như quy định tại khoản 8.4 Điều 8, có đầy đủ chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 03 bản chính Biên bản xác nhận hoàn thành đào tạo vận hành hệ thống có đầy đủ chữ ký của Đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 01 bản chính Biên bản nghiệm thu đóng điện của cơ quan điện lực địa phương.
- 01 bản chính thư bảo lãnh bảo hành 5% như quy định tại Điều 6.
- 01 bản chính xác nhận hoàn tất nghĩa vụ kê khai và nộp thuế GTGT vãng lai đối với tất cả các thu nhập của Nhà thầu.
- 01 bản chính Hóa đơn GTGT hợp lệ.

5.2. Hình thức thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

Chủ tài khoản : Công ty TNHH Kỹ thuật điện, tự động hóa A&E
Tài khoản số : 1603389
Mở tại Ngân hàng : Á Châu (ACB), Chi nhánh Sài Gòn
Địa chỉ Ngân hàng : 27B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q. 1, TPHCM

5.3. Nguyên tắc thanh toán

Chủ đầu tư có quyền không thanh toán cho Nhà thầu bất kỳ chi phí nào nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hồ sơ thanh toán không hợp lệ hoặc không được Chủ đầu tư chấp thuận.
- Nhà thầu không thực hiện đúng bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào theo Hợp Đồng.
- 5.3.2. Chủ đầu tư có quyền cản trở các khoản sau vào giá trị thanh toán trước khi thực hiện thanh toán cho Nhà thầu, bất kể các khoản thanh toán đó đã đến hạn hay chưa đến hạn:
 - Các khoản phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại;
 - Giá trị phần công việc không hoàn thành hoặc không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng;
 - Khoản thuế GTGT vãng lai mà Nhà thầu chưa thực hiện theo quy định;
 - Các khoản mà Chủ đầu tư đóng thay cho Nhà thầu.

ĐIỀU 6. BẢO LÃNH

6.1. Nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp cho Chủ đầu tư các bảo lãnh không điều kiện, không hủy ngay sau đây để đảm bảo nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp Đồng:

6.1.1 **Bảo lãnh tạm ứng:** trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ Ngày Ký, Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng giá trị tạm ứng và có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao Hệ Thống đưa vào sử dụng, thời gian tham chiếu tại Phụ Lục 4.

6.1.2 **Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng:** trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ Ngày Ký, Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng với giá trị bằng 10% giá trị Hợp Đồng trước thuế GTGT, có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao Hệ Thống đưa vào sử dụng thời gian tham chiếu tại Phụ Lục 4.

6.1.3 **Bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị Hợp Đồng trước thuế GTGT, có hiệu lực từ ngày phát hành và kéo dài hiệu lực trong suốt thời gian bảo hành.

6.2. Các bảo lãnh trên do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành, với bên nhận bảo lãnh là Chủ đầu tư. Mẫu các thư bảo lãnh như đính kèm tại Phụ Lục 7, nội dung của các bảo lãnh này phải được Chủ đầu tư đồng ý trước khi mở.

6.3. Nếu Nhà thầu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp Đồng dẫn đến việc Nhà thầu phải hoàn trả và/hoặc phải bồi thường và/hoặc phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Chủ đầu tư theo quy định tại Hợp Đồng và/hoặc theo quy định pháp luật mà Nhà thầu đã không thực hiện nghĩa vụ đó trong thời gian Chủ đầu tư yêu cầu thì Chủ đầu tư được quyền yêu cầu ngân hàng bảo lãnh thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị mỗi bảo lãnh nêu trên cho Chủ đầu tư theo văn bản yêu cầu đầu tiên của Chủ đầu tư mà không bao gồm bất cứ nghĩa vụ chứng minh nào.



- 6.4. Bằng chi phí của mình, Nhà thầu có nghĩa vụ điều chỉnh, gia hạn bảo lãnh ngân hàng nêu trên để phù hợp với tiến độ thực tế thực hiện Hợp Đồng. Mọi bản điều chỉnh, gia hạn của các bảo lãnh ngân hàng (nếu có) Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư tối thiểu 7 ngày trước thời hạn hết hiệu lực của bảo lãnh tương ứng. Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm điều khoản này thì Chủ đầu tư có quyền khiếu nại bảo lãnh tương ứng.

ĐIỀU 7. BẢO HIỂM

- 7.1. Trước khi thi công Công trình, Nhà thầu có trách nhiệm mua và cung cấp cho Chủ đầu tư bản sao Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động và bản chính chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt (bao gồm bảo hiểm về tổn thất vật chất và trách nhiệm đối với bên thứ ba). Bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt phải đảm bảo điều kiện sau:
- Số tiền bảo hiểm đối với tổn thất vật chất tối thiểu bằng tổng giá trị Hợp Đồng.
 - Phạm vi bảo hiểm: mọi rủi ro.
 - Mức miễn thường phải được Chủ đầu tư chấp nhận trước khi mua.
 - Người được bảo hiểm và người thụ hưởng là Chủ đầu tư.
- 7.2. Thời hạn của các chứng nhận bảo hiểm phải tối thiểu bằng thời hạn thực hiện Hợp Đồng này.
- 7.3. Tất cả các chứng nhận bảo hiểm này được Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư vào đợt tập kết vật tư đầu tiên. Riêng đối với bảo hiểm tai nạn, nếu có sự thay đổi nhân sự thi công thì Nhà thầu phải ngay lập tức cập nhật và cung cấp bảo hiểm tai nạn của nhân sự mới cho Chủ đầu tư.

ĐIỀU 8. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

- 8.1. Nhà thầu gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu cho Chủ đầu tư tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến nghiệm thu và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.
- 8.2. Điều kiện nghiệm thu:
- 8.2.1. Các vật tư mới 100%, có năm sản xuất từ năm 2013 trở đi và phù hợp với quy định của Hợp Đồng, có đầy đủ chứng từ kèm theo.
- 8.2.2. Hệ Thống được thi công hoàn tất, đúng thiết kế và đáp ứng các tiêu chí nghiệm thu.
- 8.2.3. Nhà thầu hoàn thành đào tạo: Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo hướng dẫn vận hành, bảo trì Hệ Thống cho các nhân sự của Chủ đầu tư, sau khi lắp đặt hoàn thành lắp đặt Hệ Thống: hướng dẫn lý thuyết, cung cấp tài liệu hướng dẫn, hướng dẫn thực hành, hướng dẫn tổng thể của Hệ Thống cũng như đặc tính của Hệ thống để Chủ Đầu Tư có thể dễ dàng xử lý các tình huống xảy ra. Toàn bộ các tài liệu hướng dẫn vận hành cho mỗi thiết bị và công nghệ là một phần không thể tách rời trong chương trình đào tạo. Việc đào tạo chỉ được coi là hoàn tất khi Chủ đầu tư ký Biên bản xác nhận hoàn thành đào tạo Hệ Thống.
- 8.2.4. Hệ Thống đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao Công trình đưa vào sử dụng theo quy định của Hợp Đồng và quy định của pháp luật về các yêu cầu và tiêu chí thi công, nghiệm thu của ngành điện, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và điều chỉnh có liên quan (nếu có);
- 8.2.5. Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa vào sử dụng.
- 8.3. Tiêu chí, cách thức nghiệm thu: theo Phụ Lục 5.
- 8.4. Khi nghiệm thu, Nhà thầu bàn giao cho Chủ đầu tư bộ hồ sơ hoàn công bao gồm: bản vẽ hoàn công, tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì bảo dưỡng Hệ Thống

ĐIỀU 9. BẢO HÀNH

- 9.1. Nhà thầu cam kết bảo hành Công trình 365 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu bàn giao Hệ Thống đưa vào sử dụng.
- 9.2. Nhà thầu cam kết, bằng nguồn tài chính của mình, có trách nhiệm bảo hành, sửa chữa và/hoặc thay mới mọi hư hỏng, thiệt hại đối với Công trình. Việc bảo hành bao gồm nhưng không giới hạn việc khắc phục, sửa chữa, những phần hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi phân hạng mục vận hành sử dụng không bình thường cho đến khi Công trình đạt tiêu chuẩn quy định trong Hợp Đồng.
- 9.3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Chủ đầu tư thông báo việc bảo hành, Nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện và hoàn thành việc khắc phục sự cố cho Chủ đầu tư. Quá thời hạn trên mà Nhà thầu không hoàn thành khắc phục sự cố hoặc quá một thời hạn hợp lý được sự chấp thuận của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng đơn vị khác để thực hiện Công trình với chi phí do Nhà thầu chịu.
- 9.4. Trong thời gian bảo hành, Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm đối với các sự cố mà nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự cố là do Chủ đầu tư không tuân thủ các hướng dẫn của Nhà thầu. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư sẽ trả các chi phí hợp lý như chi phí vật tư thiết bị thay thế, chi phí nhân công thay thế, chi phí đi lại... nếu Nhà thầu có đầy đủ chứng từ chứng minh hợp lệ. Ngoài trường hợp trên và trường hợp bất khả kháng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo hành toàn bộ đối với các lỗi của thiết bị vật tư và lỗi trong quá trình thi công.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU

- 10.1. Quyền của Nhà thầu
- 10.1.1. Được tạm ứng và thanh toán khối lượng công việc hoàn thành theo quy định của Hợp Đồng này.
- 10.1.2. Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 10.1.3. Nhà thầu có thể ký hợp đồng để thực hiện công việc với một hoặc nhiều thầu phụ nhưng phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, Nhà thầu là bên duy nhất phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này, bao gồm cả các công việc, các quyết định do nhà thầu phụ thực hiện.
- 10.1.4. Nhà thầu có quyền thu hồi tất cả các tài sản, thiết bị, máy móc thuộc sở hữu của Nhà thầu phục vụ cho toàn bộ quá trình thi công Công trình sau khi Nhà thầu hoàn thành công việc của mình theo Hợp Đồng.
- 10.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu
- 10.2.1. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc theo quy định của Hợp Đồng này, hoàn thành đúng tiến độ, đúng yêu cầu, đảm bảo chất lượng và an toàn theo đúng như cam kết của Hợp Đồng.
- 10.2.2. Thực hiện lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Công trình. Nhà thầu có nghĩa vụ đảm bảo thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành.



- 10.2.3. Công nhận rằng tất cả các bản vẽ, thiết kế, đặc tính kỹ thuật và các tài liệu khác do Nhà thầu soạn thảo cho Hợp Đồng này là tài sản của Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm giao toàn bộ tài liệu này cho Chủ đầu tư trước thời hạn chấm dứt Hợp Đồng;
- 10.2.4. Thực hiện thi công đúng quy trình, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật theo quy định pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm về kỹ thuật và chất lượng xây dựng toàn bộ công việc thi công.
- 10.2.5. Chịu trách nhiệm duy nhất và độc lập trước cơ quan có thẩm quyền về việc thi công Công trình, bao gồm các khoản phạt vi phạm hành chính nếu vi phạm xảy ra.
- 10.2.6. Cung ứng vật tư, vật liệu, thiết bị đúng chủng loại, đúng quy cách, xuất xứ, đảm bảo chất lượng theo thiết kế đã duyệt, đảm bảo mới 100%, đảm bảo các tiêu chuẩn của Việt Nam và có đăng ký chất lượng của Nhà Sản Xuất.
- 10.2.7. Hiệu chuẩn tất cả các thiết bị đo tại cơ quan có thẩm quyền trước khi lắp đặt vào Hệ thống.
- 10.2.8. Bằng chi phí của mình, Nhà thầu chịu trách nhiệm và chi phí cho điện, nước cần thiết để thực hiện công việc theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí sử dụng điện, nước, chi phí lắp đặt thiết bị đo điện, nước, kéo cáp điện, kéo đường ống nước đến địa điểm sử dụng.
- 10.2.9. Cung cấp hồ sơ hoàn công phù hợp với quy định pháp luật cho Chủ đầu tư đúng thời hạn cam kết tại Hợp đồng.
- 10.2.10. Tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, giữ vệ sinh môi trường tại Công trình và đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các Công trình lân cận từ khi khởi công đến khi bàn giao Công trình. Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm về công tác an toàn lao động tại Công trình đối với nhân sự thực hiện Công trình và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn về tài sản và con người cho bất kỳ bên thứ ba nào trong suốt thời gian thực hiện và bảo hành Công trình.
- 10.2.11. Nhà thầu có trách nhiệm nhận diện và đánh giá các mối nguy và rủi ro liên quan đến việc thực hiện Công trình và đề ra phương án khắc phục, đồng thời phải báo cáo cho Chủ đầu tư về các mối nguy và rủi ro này nếu Chủ đầu tư có yêu cầu.
- 10.2.12. Nhà thầu chịu trách nhiệm về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của nhân sự của mình liên quan đến việc thực hiện Công trình do đó Nhà thầu chịu trách nhiệm độc lập và duy nhất đối với các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của các nhân sự của mình phát sinh khi thực hiện Công trình. Công nhân của Nhà thầu tham gia lắp dựng tại Công trình phải được huấn luyện an toàn lao động theo quy định pháp luật.
- 10.2.13. Nhà thầu chịu trách nhiệm duy nhất và độc lập đối với các thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba phát sinh từ các công cụ, thiết bị, hành vi liên quan đến việc thực hiện Công trình. Nhà thầu phải ngay lập tức thông báo cho THP các sự việc này.
- 10.2.14. Chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của Chủ đầu tư về an toàn, tính mạng con người, tài sản của Chủ đầu tư.
- 10.2.15. Thông báo bằng văn bản kịp thời cho Chủ đầu tư mọi trở ngại để cùng bàn bạc, thảo luận và thống nhất cách giải quyết.
- 10.2.16. Nếu Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu sử dụng các tài sản, vật kiến trúc của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải bàn giao nguyên trạng. Trong trường hợp xảy ra tổn thất hoặc hư hỏng, Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ thiệt hại.
- 10.2.17. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu Công trình không đạt chất lượng, Nhà thầu phải sửa chữa thay thế, thời gian sửa chữa thay thế này không được gây ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực hiện Công trình và các hạng mục, dự án khác của Chủ đầu tư.
- 10.2.18. Nhà thầu thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong Hợp Đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của Chủ đầu tư để hoàn thành Công trình.
- 10.2.19. Ghi chép nhật ký Công trình đầy đủ, xuất trình khi Chủ đầu tư yêu cầu. Khi hoàn thành Công trình, Nhà thầu giao nhật ký Công trình cho Chủ đầu tư cùng hồ sơ hoàn công.
- 10.2.20. Lập hồ sơ hoàn thành khối lượng Công trình hoàn thành, hồ sơ quyết toán, hồ sơ chất lượng, hồ sơ hoàn công giao cho Chủ đầu tư, theo quy định pháp luật hiện hành.
- 10.2.21. Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn: thuế GTGT (bao gồm cả thuế GTGT vãng lai), thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với thuế GTGT vãng lai, trong trường hợp Nhà thầu chưa thực hiện kê khai đúng quy định thì Chủ đầu tư có quyền giữ lại giá trị phần thuế này cho đến khi Nhà thầu thực hiện đúng quy định pháp luật.
- 10.2.22. Nhà thầu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với tất cả thiết bị, vật tư tập kết tại Công trường cho đến khi Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu bàn giao Công trình đưa vào sử dụng.
- 10.2.23. Thu thập các thông tin cần thiết, làm rõ các thông tin có được, đảm bảo có được đầy đủ thông tin liên quan một cách chính xác nhất trước khi thực hiện công việc. Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh trong trường hợp Nhà Thầu thực hiện công việc trên cơ sở thông tin không chính xác gây thiệt hại cho Chủ đầu tư.
- Nhà thầu sẽ phải cẩn trọng xem xét lại các điều kiện tự nhiên của Công trường và các tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp.
 - Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng thi công, mức cao độ, tọa độ và các điểm đấu nối điện, nước của Công trình liên quan đến mặt bằng và Công trình hiện trạng.
 - Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá trị Hợp Đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp Đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện các công việc được quy định trong Hợp Đồng này.
- 10.2.24. Bất kỳ sự bất cẩn, chậm trễ hoặc lỗi trong việc thu thập thông tin hợp lý được nói ở trên của Nhà thầu, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác sẽ không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định ở trong Hợp Đồng này.
- 10.2.25. Thực hiện nghĩa vụ Bảo hành theo đúng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 10.2.26. Nhà thầu, theo đây, xác nhận rằng người ký tên trên các chứng từ theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các Biên bản giao nhận thiết bị và vật tư, Biên bản nghiệm thu, Biên bản đối chiếu công nợ, Chứng từ về việc giao nhận tài liệu - nhân danh Nhà thầu là người có đại diện hợp pháp của Nhà thầu để thay mặt Nhà thầu ký xác nhận trên các chứng từ với Chủ đầu tư.
- 10.2.27. Nhà thầu có trách nhiệm báo cáo cho Chủ đầu tư như sau:
- Tàn suất: Nhà thầu sẽ báo cáo tiến độ thực hiện công việc cho Chủ đầu tư ít nhất 1 lần/tuần.



- Báo cáo phải nêu rõ tối thiểu các thông tin sau: kết quả thực hiện công việc hàng tuần, tiến độ thực hiện và kế hoạch thực hiện cho tuần tiếp theo, phân tích các rủi ro, vi phạm trong quá trình thực hiện và đề xuất phương án thực hiện, báo cáo an toàn, các thay đổi/điều chỉnh về nhân sự thực hiện.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

11.1. Quyền của Chủ đầu tư

- 11.1.1. Giám sát việc thực hiện những nghĩa vụ của Nhà thầu được quy định trong Hợp Đồng.
- 11.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư có quyền tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận Công trình, hạng mục Công trình và Công trình. Nếu phát hiện sai phạm, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa thay thế trong một khoản thời gian nhất định và Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến công tác kiểm định và chi phí sửa chữa thay thế này.
- 11.1.3. Tùy theo quyết định của mình, Chủ đầu tư được quyền điều chỉnh các thiết kế trạm điện khi cần thiết để phù hợp với công năng sử dụng của Công trình. Các phát sinh tăng, giảm trong trường hợp điều chỉnh thiết kế sẽ được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 11.1.4. Trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ quá 5 ngày so với tiến độ mà hai Bên đã thỏa thuận trong Hợp Đồng đối với từng giai đoạn công việc, Chủ đầu tư có quyền chỉ định đơn vị khác thực hiện phần công việc bị chậm. Mọi chi phí thanh toán cho đơn vị khác được khấu trừ trước khi thanh toán cho Nhà thầu và Nhà thầu vẫn phải chịu chế tài như quy định tại Điều 15.

11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

- 11.2.1. Bàn giao mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ đúng thời gian quy định cho Nhà thầu. Sau khi đã bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì liên quan đến việc quản lý, bảo vệ, và tổ chức thi công cho đến khi Nhà thầu bàn giao hạng mục Công trình đã được hoàn thành cho Chủ đầu tư.
- 11.2.2. Cử cán bộ giám sát có trình độ chuyên môn giám sát khối lượng, chất lượng vật liệu, chất lượng Công trình và sản phẩm xây lắp, ký các văn bản liên quan trong quá trình thi công theo qui định.
- 11.2.3. Thanh toán cho Nhà thầu theo quy định của Hợp Đồng.
- 11.2.4. Kết hợp với Nhà thầu ghi chép sổ nhật ký Công trình và ký xác nhận.
- 11.2.5. Tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu và thanh quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm của Chủ đầu tư.

ĐIỀU 12. CHỐNG MÂU THUẦN LỢI ÍCH

- 12.1. Hai Bên thống nhất rằng mối quan hệ giữa hai Bên theo Hợp Đồng này sẽ không ảnh hưởng hoặc không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ mối quan hệ hoặc quyền lợi, lợi ích, nghĩa vụ đối với bất kỳ bên thứ ba nào, do đó, Nhà thầu cam kết rằng:
 - 12.1.1. Nhà thầu không hứa hẹn, cam kết, bảo đảm hoặc dành bất kỳ lợi ích nào cho nhân viên, cấp quản lý của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ bên nào khác nhằm mục đích hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đến việc xúc tiến, ký kết hoặc thực hiện Hợp Đồng này. Lợi ích theo quy định tại Điều này là bất kỳ quyền lợi vật chất, tinh thần nào không phụ thuộc vào tên gọi của lợi ích đó, bao gồm nhưng không giới hạn: tiền, phần trăm hoa hồng, quà tặng, hàng mẫu, phiếu quà tặng, quyền tham gia các sự kiện (giải trí, thể thao, văn hóa...).
 - 12.1.2. Với việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này, Nhà thầu không vi phạm bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào với bất kỳ bên thứ ba nào.
- 12.2. Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm cam kết, bảo đảm về chống mâu thuẫn lợi ích quy định tại Điều này, Chủ đầu tư có quyền ngay lập tức chấm dứt Hợp Đồng mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 13.1. Các Bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin mật có liên quan đến Hợp Đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên kia không phụ thuộc vào việc thông tin đó có được đánh dấu "MẬT" hay không. Thông tin mật bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (i) Nội dung Hợp Đồng này.
 - (ii) Các tài liệu mà các Bên trao đổi với nhau liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng bao gồm các thông tin được một trong các Bên thông báo bằng lời nói, văn bản hay bằng bất cứ một hình thức nào khác.
 - (iii) Thông tin về Bên kia mà một Bên biết được thông qua Bên thứ ba.
- 13.2. Nghĩa vụ bảo mật đối với các thông tin được đề cập ở trên không bao gồm các thông tin (i) được công khai rộng rãi mà không do lỗi của Bên nhận thông tin, hoặc (ii) được các Bên cung cấp cho nhân viên của mình nhằm mục đích thực hiện Hợp Đồng và Bên tiết lộ phải đảm bảo rằng những nhân viên này nhận biết về nghĩa vụ bảo mật của mình, hoặc (iii) cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên kia.
- 13.3. Không Bên nào được tiết lộ hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ (i) được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia hoặc (ii) trường hợp Nhà thầu cung cấp Hợp Đồng cho ngân hàng cho mục đích mở các bảo lãnh theo Hợp Đồng này.
- 13.4. Không mâu thuẫn với bất kỳ quy định nào tại Điều này, Chủ đầu tư có quyền tiết lộ thông tin cho các công ty liên quan của Chủ đầu tư.

ĐIỀU 14. BẤT KHẢ KHÁNG

- 14.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai; chiến tranh; các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được đưa ra sau khi ký Hợp Đồng mà không do hành vi vi phạm của một bên trong các Bên; bạo loạn; tình trạng khẩn cấp quốc gia (dù được tuyên bố hay không được tuyên bố); khủng bố; hỏa hoạn; lũ lụt; động đất; bão; sóng thần.
- 14.2. Không Bên nào được coi là vi phạm Hợp Đồng và có nghĩa vụ bồi thường vì đã không thực hiện được các nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng do bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- 14.3. Chậm nhất là ngày làm việc thứ ba kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết và, trong mọi trường hợp, phải dùng mọi nỗ lực cao nhất, phù hợp với hoàn cảnh và trong phạm vi pháp luật cho phép để loại bỏ và khắc phục những nguyên nhân đó một cách nhanh nhất, trường hợp chậm trễ do sự kiện bất khả kháng vượt quá thời gian lũy tích là 15 ngày các Bên sẽ tổ chức cuộc họp để giải quyết các vấn đề trong Hợp Đồng.
- 14.4. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên sẽ tự trang trải các chi phí do tình trạng bất khả kháng gây nên. Thời



gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng của mình.

ĐIỀU 15. CHẾ TÀI

- 15.1.** Đối với Chủ đầu tư:
Trường hợp Nhà thầu đã thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các điều khoản của Hợp Đồng này mà quá 2 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo như quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng thì, ngoài việc phải thanh toán cho Nhà thầu giá trị công việc mà Nhà thầu đã thực hiện, Chủ đầu tư đồng ý thanh toán cho Nhà thầu khoản lãi suất cho số tiền chậm trả đó bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán cho những ngày chậm trả.
- 15.2.** Đối với Nhà thầu:
- 15.2.1. Nếu Nhà thầu thực hiện công việc trễ so với tiến độ quy định tại Hợp Đồng này thì Nhà thầu đồng ý thanh toán khoản phạt vi phạm bằng 0,5% Giá trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ so với tiến độ nhưng không được trễ quá 7 ngày.
- 15.2.2. Nếu Nhà thầu thực hiện công việc không đảm bảo chất lượng (bao gồm cả chất lượng vật tư, chất lượng Hệ Thống và biện pháp thi công) thì Nhà thầu phải ngay lập tức đề xuất biện pháp khắc phục, thực hiện biện pháp khắc phục khi được Chủ đầu tư đồng ý và hoàn thành trong thời hạn Chủ đầu tư yêu cầu, mọi chi phí có liên quan đến việc khắc phục những sự cố đó đều do Nhà thầu chịu. Đồng thời, Nhà thầu chịu khoản phạt bằng 8% giá trị công việc vi phạm.
- 15.2.3. Nếu quá thời hạn được cho phép như đề cập cụ thể tại Điều 15.2.1 và 15.2.2 mà Nhà thầu không khắc phục hoặc khắc phục không thành công việc vi phạm, thì ngoài các khoản phạt tương ứng đã quy định trên đây, Chủ đầu tư có các quyền sau:
- (i) gia hạn cho Nhà thầu tiếp tục thực hiện trong một khoản thời gian nhất định và Nhà thầu phải hoàn thành trong thời gian được gia hạn – quá thời gian gia hạn này mà Nhà thầu chưa hoàn thành thì Chủ đầu tư có quyền thực hiện tiếp các quyền sau; hoặc,
 - (ii) chọn đơn vị khác thực hiện và Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan mà không miễn trừ bất cứ trách nhiệm nào theo Hợp Đồng; hoặc,
 - (iii) chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 16.1.3 (i), (ii), (iii); khi đó, Nhà thầu chịu một khoản phạt là 8% Giá trị Hợp Đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư.
- 15.2.4. Nhà thầu vi phạm thỏa thuận về Chống mâu thuẫn lợi ích (Điều 12), Bảo mật thông tin (Điều 13) thì Nhà thầu chịu phạt một khoản cố định là 8% Giá trị Hợp Đồng.
- 15.2.5. Trường hợp Nhà thầu đơn phương chấm dứt mà không phù hợp với quy định Hợp Đồng thì Nhà thầu phải:
- (i) thanh toán khoản phạt vi phạm là 8% Giá trị Hợp Đồng; và
 - (ii) bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư; và
 - (iii) thanh toán các khoản phạt vi phạm phát sinh.
- 15.2.6. Ngoài các chế tài do vi phạm Hợp Đồng nêu trên, Nhà thầu còn có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại vật chất tại Công trình cho Chủ đầu tư và/hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà Nhà thầu hoặc nhân viên của Nhà thầu gây ra trong quá trình thực hiện công việc.

ĐIỀU 16. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 16.1.** Các Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng trong những trường hợp sau:
- 16.1.1. Các Bên hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- 16.1.2. Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm nếu: Bên vi phạm không chấm dứt hành vi vi phạm hoặc chưa khắc phục hoặc khắc phục chưa xong hậu quả của việc vi phạm trong một thời hạn được cho phép tại Hợp Đồng hoặc một thời hạn khác được Bên bị vi phạm cho phép bằng văn bản.
- 16.1.3. Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên kia
- (i) vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng hoặc có khả năng gây bất lợi cho Bên còn lại; hoặc,
 - (ii) phá sản hoặc nộp đơn yêu cầu phá sản hoặc có thông báo giải thể hoặc có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc,
 - (iii) có sự thay đổi quyền sở hữu hoặc kiểm soát mà Bên còn lại không muốn tiếp tục giao dịch với đối tượng kiểm soát mới; hoặc
 - (iv) bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng mà không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng hoặc thời gian có thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng không được Bên còn lại chấp nhận.
- 16.1.4. Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp Đồng nếu: (i) công việc theo Hợp Đồng bị cấm thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; hoặc, (ii) Chủ đầu tư không thuộc diện được phép tiếp nhận công việc theo Hợp Đồng này hoặc Nhà thầu không được thực hiện công việc theo Hợp Đồng này; hoặc (iii) thông báo trước bằng văn bản cho Nhà thầu ít nhất là 30 ngày.
- 16.2.** Với tinh thần thiện chí hợp tác và tuân thủ Hợp Đồng, các Bên phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ đã phát sinh trước khi Hợp Đồng chấm dứt. Mọi nghĩa vụ tài chính và việc ký Biên bản thanh lý Hợp Đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hợp Đồng chấm dứt.

ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 17.1.** Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp Đồng đều phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên trên cơ sở thiện chí hợp tác và các Bên cùng có lợi. Kết quả thương lượng phải được thể hiện bằng văn bản. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết được các tranh chấp thông qua thương lượng, một trong hai Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Hậu Giang giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng để hai Bên thực hiện. Bên thua kiện chịu mọi phí liên quan kể cả phí án phí, phí luật sư của Bên còn lại.
- 17.2.** Hợp Đồng này, các vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này, tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được tham chiếu, điều chỉnh và giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.



ĐIỀU 18. THÔNG BÁO

- 18.1. Ngoại trừ trường hợp quy định khác đi trong các nội dung khác của Hợp Đồng, mọi thông báo hay liên lạc được thực hiện theo Hợp Đồng này của một Bên gửi Bên còn lại phải được lập bằng văn bản, bằng tiếng Việt và được gửi bằng thư tay, thư bảo đảm, thư chuyển phát nhanh hay fax, thư điện tử (kèm theo bản gốc gửi bằng thư bảo đảm). Mọi thông báo hay liên lạc theo Hợp Đồng này được coi là đã được nhận bởi Bên nhận:
 - (i) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay người có trách nhiệm nhận thư của Bên nhận; hoặc
 - (ii) Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax, thư điện tử thành công trong trường hợp gửi bằng fax, thư điện tử, hoặc;
 - (iii) Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện gửi trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm. Trong trường hợp này, nếu những ngày tương ứng là Chủ nhật, ngày nghỉ trong tuần hoặc các ngày lễ quốc gia của Việt Nam, thì thông báo, liên lạc được xem là được Bên nhận nhận vào ngày tiếp theo.
- 18.2. Tất cả các văn bản một Bên gửi cho Bên kia chỉ được coi là hợp lệ khi được ký bởi người có thẩm quyền và đóng dấu của Bên gửi và được gửi đến địa chỉ liên lạc/số fax/địa chỉ thư điện tử quy định ở phần đầu của Hợp Đồng này.
- 18.3. Các Bên phải phản hồi các kiến nghị, thông báo của Bên còn lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, thông báo đó.
- 18.4. Thông tin liên hệ:
CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG
 Tên người liên hệ: Phạm Phú Quốc
 Địa chỉ liên hệ: 219 Đại lộ Bình Dương, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương
 Số điện thoại: 0650 3 755 161 Số fax: 0650 3755057 Email: quocpham@thp.com.vn
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E
 Tên người liên hệ: Nguyễn Phước Huy
 Địa chỉ liên hệ: 100 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.
 Số điện thoại: 0903370600 Email: nguyenphuoc.huy@aecom.vn

ĐIỀU 19. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 19.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Ngày Ký cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 16 của Hợp Đồng.
- 19.2. Trường hợp nếu một phần của Hợp Đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên vô hiệu hoặc bị cả hai Bên hủy bỏ thì phần còn lại vẫn có hiệu lực thi hành. Các cam kết, bảo đảm liên quan đến bảo mật, chống mâu thuẫn lợi ích vẫn có hiệu lực sau khi Hợp Đồng chấm dứt vì bất kỳ nguyên nhân nào.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 20.1. Mọi xác nhận của Chủ đầu tư không loại trừ trách nhiệm của Nhà thầu về chất lượng đối với sản phẩm đó.
- 20.2. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mọi sửa đổi bổ sung phải được lập thành văn bản và có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của các Bên.
- 20.3. Việc một Bên không thực hiện một quyền được quy định trong Hợp Đồng không có nghĩa là Bên đó từ bỏ việc thực hiện quyền đó trong tương lai.
- 20.4. Không bên nào được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng này hoặc chỉ định bất kỳ bên thứ ba nào thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ của Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý của Bên kia. Trường hợp một trong các Bên có sự chia tách, hợp nhất, sáp nhập, thì Hợp Đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với Bên tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, khi đó các Bên sẽ làm phụ lục Hợp Đồng ghi nhận vấn đề thay đổi này.
- 20.5. Hợp Đồng này được lập thành sáu (06) bản gốc bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ ba (03) bản. Trong trường hợp Hợp Đồng này được dịch ra ngôn ngữ khác, thì bản dịch chỉ mang ý nghĩa tham khảo.

Các Bên, tại đây xác nhận các cá nhân ký tên dưới đây là người có đầy đủ thẩm quyền ký kết Hợp Đồng này theo quy định pháp luật.

	CÔNG TY TNHH NUMBER ONE HẬU GIANG	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E
Chữ ký người đại diện	 Dr. TRẦN QUÍ THANH Tổng Giám Đốc	 NGUYỄN VĂN LIÊN Giám Đốc
Chữ ký kiểm tra (nếu có)	NGUYỄN VĂN TƯ - CPO	
	LƯƠNG THỊ DUY HIẾU – GD MUA HÀNG	
	PHAN HỒNG KHAI MINH - TP. Pháp Lý	





TOYO-VIETNAM CORPORATION LIMITED
Engineering - Procurement - Construction

11th FL., CENTRE POINT BUILDING, 106 NGUYEN VAN TROI STR.,
WARD 8, PHU NHUAN DISTRICT, HCMC, VIET NAM
TEL. +84(8) 39977118, FAX. +84(8) 39977086

PURCHASE ORDER

ACCEPTANCE

A&E ENGINEERING CO., LTD
100 Ky Con Street, Nguyen Thai Binh Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel : +84-8 3822 4028 - Fax : +84-8 3821 1640
Attn : Mr. Nguyen Van Lien
Director

ORDER NO. : VD125-2000-0000-007
JOB NO. : VD125
FIRST ISSUED DATE : JANUARY 22, 2015

Please enter our order in accordance with terms and conditions contained herein and/or attached hereto.

DESCRIPTION	AMOUNT	CONDITION OF DELIVERY
400V MOTOR CONTROL CENTER (MCC) (Full type tested with drawable switchboard) (TỦ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (MCC))	VND 3,821,056,000	The equipment shall be arrived at Jobsite not later than May 24th, 2015.
TOTAL	3,821,056,000	DELIVERY TERM :
VAT 10.00%	382,105,600	DDP, At Job Site, Ba Ria-Vung Tau. (Incoterms 2010)
DUE AMOUNT (INCLUDING VAT 10%)	VND 4,203,161,600	
(VIETNAMESE DONGS : FOUR BILLION TWO HUNDRED THREE MILLION ONE HUNDRED SIXTY-ONE THOUSAND AND SIX HUNDRED ONLY)		

TERMS OF PAYMENT : The Payment shall be made by Telegraphic Transfer, payable within 30 days upon Purchase Order's Acceptance, against approved Invoice, Payment Request and other required documents as following terms:
10% First Payment upon 1st Vendor Print submission (Single line diagram, panel arrangement layout & BOQ of material), against presentation of Performance Guarantee with 10% contract value being valid until complete work.
70% Second Payment upon completed delivery against original Delivery Note certified by TVC, Certificate of Origin, Certificate of Quality, Test Certificate and installation-operation-maintenance manual.
20% Final Payment upon successful Plant commissioning but not later than 6 months from delivery date whichever come first against approved Final Documents and Warranty Certificate submission with presentation of Bank Guarantee 10% of contract value being valid until complete warranty period.

NOTES
1) Bank Charge: Each party shall pay all banking charges incurred at his side.
2) This PO is valid from the signed date and terminated after completed works by the both parties.

ATTACHMENTS : The following attached documents are incorporated into and formed parts of order.
1. Price Summary & Price Breakdown : Attachment A
2. Speical & General Conditions of Purchase : Attachment B
3. Requisition No. VD125-2400-R003. Rev 1 : Attachment C
4. Technical & Commercial Clarification and MOM of KOM : Attachment D

Receipt and acceptance of this order is hereby acknowledged

for and on behalf of
A&E ENGINEERING CO., LTD



GIÁM ĐỐC
Authorized Signature with Company Seal
Nguyen Van Lien

for and on behalf of

TOYO-VIETNAM CORPORATION LTD.



Authorized Signature
Bùi Bội Hải
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

(PLEASE RETURN THIS ONE QUICKLY AFTER SIGNING)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI
 Số: Atea-A&E 090914

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 và các Nghị Định, Thông Tư, Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 và các Nghị Định, Thông Tư, Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào quyết định số 15/2006/QĐ-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006;
- Căn cứ vào luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, ngày 03 tháng 06 năm 2008 áp dụng từ ngày 01/01/2009;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ của hai bên.

Hôm nay ngày 09 tháng 09 năm 2014, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN MUA): VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH CÔNG TRÌNH TẠI TP.HCM
 (ATEA ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY (M) SDN.BHD)

Địa chỉ : 08 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
 Điện thoại : 08 3827 7298
 Fax : 08 3827 7128
 Số tài khoản : **007 1000 881 336** – Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hồ Chí Minh
 Mã số thuế : 0312694836
 Do Ông : **NGUYỄN THANH BẢO** Chức vụ: **Giám Đốc Điều Hành**

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E
 (A & E ENGINEERING CO., LTD)

Địa chỉ : 100 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
 Điện thoại : (08)38 211 657 Fax: 38 211 640
 Mã số thuế : 0302277600
 Tài khoản số : **0181007788668** Ngân hàng Vietcombank, CN Nam Sài Gòn, Tp.HCM
 Đại diện : **NGUYỄN VĂN LIÊN** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc cụ thể, hai bên đồng ý ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên B sẽ thực hiện việc “**Cung cấp và lắp đặt tủ điện MCC và MSB**” bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra thiết bị sau khi lắp đặt (do kỹ sư A&E thực hiện) tại nhà máy INTEL PRODUCTS VIETNAM, Lô I2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi tiết hàng hóa được thể hiện trong phụ lục đính kèm và được xem là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tổng trị giá hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí và thuế GTGT 10% là: **7,997,000,000 đồng**.
 Bằng chữ: Bảy tỉ, chín trăm chín mươi bảy triệu đồng



- Giá trị hợp đồng bao gồm: **Cung cấp và lắp đặt tủ điện MCC và MSB** bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra thiết bị sau khi lắp đặt tại công trình INTEL PRODUCTS VIETNAM, Lô I2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Bên A sẽ không thanh toán cho bất kỳ chi phí nào khác ngoài giá trị hợp đồng đã nêu trên. Trong trường hợp có phát sinh thêm chi phí vì lý do bên A thay đổi thiết kế, giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng và được xác nhận bởi hai bên.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.
- Phương thức thanh toán: Làm 3 đợt:
- **Đợt 1:** Bên A đồng ý thanh toán cho bên B **30%** tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) trong vòng 3 ngày, sau khi Bên B cung cấp cho bên A đầy đủ các chứng từ sau:
 - + PO (kí tên & đóng dấu)
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Thư yêu cầu thanh toán cho 30% đặt cọc
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có sao y, công chứng
 - + Thông báo phát hành hóa đơn (sao y)
 - + Mẫu form 8 (chi tiết tài khoản ngân hàng đăng kí với cục thuế)
- **Đợt 2:** Bên A đồng ý thanh toán cho bên B **50%** tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) trước khi giao hàng kèm theo thông báo giao hàng được cấp bởi bên B và bên A nhận được đầy đủ các chứng từ:
 - + Hóa đơn VAT hợp lệ (cho 100% tổng giá trị hợp đồng bao gồm VAT)
 - + Thư yêu cầu thanh toán cho đợt 2.
 - + Biên bản kiểm tra thiết bị tại xưởng bên B trước khi giao hàng (Bên B sẽ gửi công văn trước 2 ngày làm việc để mời bên A tới kiểm tra)
- **Đợt 3:** Bên A đồng ý thanh toán cho bên B **20%** tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) còn lại trong vòng 30 ngày kể từ khi hoàn thành việc lắp đặt, nghiệm thu. Thời gian nghiệm thu không được kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày bàn giao hàng hóa. Nếu quá thời hạn nêu trên mà bên A vẫn chưa bố trí nghiệm thu thì mặc nhiên được hiểu là hàng hóa đã được chấp nhận và bên A phải tiến hành thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng. Bên B phải cung cấp toàn bộ chứng từ thanh toán cho đợt 3 như sau:
 - + Thư yêu cầu thanh toán đợt 3
 - + Biên bản bàn giao hàng hóa
 - + Bản sao giấy chứng nhận xuất xứ và chất lượng
 - + Bản gốc chứng nhận bảo hành do bên B ban hành.
 - + Biên bản nghiệm thu
 - + Biên bản thanh lý hợp đồng

ĐIỀU 4: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- Thời gian giao hàng: 12 tuần tính từ ngày bên A gửi đơn đặt hàng (PO) và phê duyệt bản vẽ cho bên B

TP
A

CHON
HÀNH
HỒ CI

- Điều kiện giao hàng: Đến tận kho của bên A
- Địa điểm giao hàng : Tại chân công trình nhà máy INTEL PRODUCTS VIETNAM, Lô I2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao Quận 9, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐIỀU 5: TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này sẽ được đính kèm cùng với các tài liệu hợp đồng liên quan như: **Bảng báo giá, các tài liệu, danh mục vật tư, thiết bị, chức năng**
- Các tài liệu liên quan nêu trên là một phần không thể tách rời của hợp đồng này và là căn cứ để hai bên tiến hành ký biên bản giao hàng.

ĐIỀU 6: BẢO HÀNH

- Toàn bộ thiết bị sẽ được bảo hành trong vòng 24 tháng tính từ ngày hoàn thành kiểm tra cấu hình của thiết bị và nghiệm thu. Trong quá trình sử dụng, nếu có bất kỳ trục trặc nào xảy ra do lỗi kỹ thuật của thiết bị, bên B có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay thế thiết bị hư hỏng đó. Còn ngược lại do lỗi vận hành sai, lắp đặt không đúng gây nên những sự cố thì bên A phải tự sửa chữa bằng chi phí của mình.
- Sau khi đã sửa chữa hoặc thay thế thiết bị hư hỏng, thiết bị sửa chữa/ thay thế đó sẽ được bảo hành trong vòng 12 tháng kể từ ngày sửa chữa/thay thế.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN PHẠT

- Nếu Bên B vi phạm về thời gian giao hàng và lắp đặt của dự án so với thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 1% tổng giá trị hợp đồng cho một ngày chậm trễ.
- Việc thi công lắp đặt và vận chuyển máy từ chân công trình đến nơi cần lắp đặt hoàn toàn do bên A đảm nhiệm vì vậy mọi vấn đề liên quan đến sự cố của thiết bị mà do lỗi bên A gây ra, thì sẽ không được bên B bảo hành mà mọi chi phí sửa chữa đó bên A phải chịu.
- Nếu Bên A chậm trễ trong việc thanh toán cho Bên B như qui định trong hợp đồng này, Bên A phải thanh toán cho Bên B tiền phạt được tính là 1% trên giá trị chưa thanh toán cho một ngày chậm trễ.
- Trong trường hợp Bên A không tiếp nhận hàng hóa đã đúng về số lượng, chất lượng quy cách được quy định trong Hợp đồng tại thời điểm giao hàng, Bên B sẽ sắp xếp việc lưu trữ và Bên A phải chịu phát sinh chi phí lưu kho. Ngoài ra, Bên A vẫn phải thực hiện thanh toán theo tiến độ của Hợp đồng trong trường hợp này.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - + Thông báo bằng văn bản ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

7
H
K
T
N
E

IOLOGI
HỒNG
CÔNG TI
NH PH
HÍ MINH

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của Bên B:

- Cam kết giao hàng đúng thời hạn cho bên A.
- Chấp hành tất cả nội quy về an toàn do chủ đầu tư đề ra

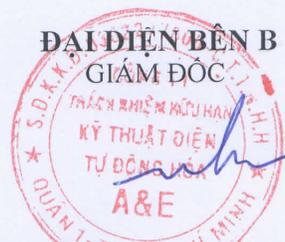
2. Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp thông tin và bản vẽ cần thiết cho bên B.
- Thực hiện đúng các điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng.
- Cử người đại diện nghiệm thu với bên B

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Vật tư lắp đặt có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và tiêu chuẩn của Intel, bên A sẽ không thanh toán bất kì chi phí nào cho việc thay đổi trên nếu không được hai bên chấp nhận bằng văn bản.
- Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng này, mọi sửa đổi đối với hợp đồng phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản. Sau khi ký hợp đồng, nếu một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không đưa ra lý do nào thỏa đáng thì sẽ phải bồi thường cho bên kia 100% trên tổng giá trị của hợp đồng. Giá trị hợp đồng để tính phạt là giá trị trước thuế GTGT.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu hai bên đã cố gắng thương lượng mà không đạt được kết quả thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Phán quyết của tòa án này có giá trị cuối cùng và ràng buộc đối với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ chi trả mọi án phí.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự thanh lý khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản tiếng Anh và 02 (hai) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản tiếng Anh và 01 (một) bản tiếng Việt. Bản tiếng Việt sẽ là phiên bản ưu tiên trong trường hợp xảy ra bất cứ xung đột nào giữa hai ngôn ngữ.


NGUYỄN THANH BẢO


NGUYỄN VĂN LIÊN

Y
Đ
H
J
I
E
M
H
I
N
S
D
N
B
H
D
M
A
L
A
Y
S
I
A



PHỤ LỤC 01
Đính kèm HĐ số Atea-A&E 090914

TT	Mô tả	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Artu low Voltage Switchboard for NS1M2K09A include integrated 1000 KVA capacitor bank	ABB	1	Lots	3,585,000,000	3,585,000,000
2	MNS 3.0 Low Voltage Switchboard for NS6C1G04A	ABB	1	Lots	3,685,000,000	3,685,000,000
Tổng giá trị trước thuế						7,270,000,000
Thuế GTGT 10%						727,000,000
Tổng giá trị sau thuế						7,997,000,000



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----00-----

ECONOMIC CONTRACT

No: PC071113/DA83/AE-NTC

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: PC071113/DA83/AE-NTC

- Based on the current legal provisions of the Socialist Republic of Vietnam.
Căn cứ vào các qui định Pháp Luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Based on the Commercial Law of National Assembly the Socialist Republic of Vietnam's 36/2005/QH 11th on 14/06/2005.
Căn cứ Luật thương mại của Quốc Hội nước CHXHCN VN số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005
- Based on the Civil Law the Socialist Republic of Vietnam by the National Assembly adopted on 14/06/2005.
Căn cứ Luật dân sự nước CHXHCN VN được Quốc Hội khoá XI thông qua ngày 14/06/2005.
- Based on the ability of Seller (Party B) and the needs of buyer (Party A).
Căn cứ vào khả năng của bên bán (Bên B) và nhu cầu của bên mua (Bên A) .

Today, in July 24th 2013, We are:

Hôm nay, ngày 24 tháng 07 năm 2013, Chúng tôi gồm :

PARTY A (BUYER): GLOBAL VIETNAM ALUMINIUM COMPANY LIMITED

BÊN A (BÊN MUA) : CÔNG TY TNHH NHÔM TOÀN CẦU VIỆT NAM

Address : My Xuan B1-Conac industrial zone, My Xuan town, Tan Thanh district, BRVT province

Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân B1-Conac, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT

Tel : 0643 – 921 921 **Fax** : 0643 – 921 920

Điện thoại

Tax Code : 3501.892.035

Mã số thuế

Representative : **Mrs. ZHAO LINGLING - Deputy General Director**

Người đại diện : Bà ZHAO LINGLING – Phó Tổng Giám Đốc

PARTY B (SELLER): A & E ENGINEERING CO., LTD

BÊN B (BÊN BÁN) : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E

Address : 100 Ky Con Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, HCM city.

Địa chỉ : 100 Ký Con , Phường Nguyễn Thái Bình , Quận 1, Tp.HCM .

Tel : 08 – 3822 4028 **Fax** : 08 – 3821 1640

Điện thoại

Account number : 0181007788668 at Vietcombank bank- South Saigon Branch

Tài khoản số : 0181007788668 tại NH Vietcombank -Chi nhánh Nam Sài Gòn

Representative : **Mr. NGUYEN VAN LIEN**
Người đại diện : Ông **NGUYỄN VĂN LIÊN**

Position: Director
Chức vụ: Giám đốc

After discussion, the two sides agreed to sign economic contracts with the following terms:
Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ARTICLE I : SCOPE OF WORK

ĐIỀU I : NỘI DUNG CÔNG VIỆC

The Seller agrees to sell to the buyer and Buyer agrees to buy the products in compliance with the specifications, quantity and price as described in Appendix I

Bên bán đồng ý bán và bên mua đồng ý mua hàng hóa với tiêu chuẩn, số lượng, giá cả theo phụ lục I đính kèm.

ARTICLE II : CONTRACT VALUE AND PAYMENT METHOD

ĐIỀU II : GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

1. Contract value:

Giá trị hợp đồng :

Total contract value before tax: **16.370.000.000 VND**

Tổng giá trị trước thuế :

Tax (VAT 10%): **1.637.000.000 VND**

Thuế GTGT 10% :

Total contract value after tax: **18.007.000.000 VND**

Tổng giá trị sau thuế:

(In words: Eighteen billion, seven million VND)

(Bằng chữ : Mười tám tỷ, bảy triệu VND)

2. Payment methods: by bank transfer, included three period.

Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản chia làm 03 đợt.

- First payment : 50% advance of the contract value immediately after the Buyer receives the Warranty Letter For Advance Payment of the Seller's bank. Warranty Letter For Advance Payment has valid in 110 days form date signing.

Đợt 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi bên mua nhận được Bảo Lãnh Thư Tạm Ứng của ngân hàng bên bán. Bảo Lãnh Thư Tạm Ứng có giá trị 110 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Second payment: 50% remaining of contract value shall be paid to the Seller within 30 days after completion of delivery, handover.

Đợt 2: Thanh toán 50% còn lại của giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành việc giao hàng, bàn giao sản phẩm.

Documents for 2nd payment:

- Invoice.

- Warranty Letter For Warranty Time with 5% total value of contract (Warranty Letter For Warranty Time has 12 months from date receiving full materials).

- Material receiving list signed by buyer.
- Inspection quality certificate of authorized testing center for all equipments.
- CO, CQ for imported ABB products (copy).
- All the layouts related to party A's electric system.

Chứng từ thanh toán cho đợt 2:

- Hóa đơn.
- Bảo Lãnh Bảo Hành của ngân hàng bên bán trị giá 5% giá trị hợp đồng (Bảo Lãnh Bảo Hành có giá trị 12 tháng kể từ ngày bên mua nhận được đầy đủ hàng).
- Phiếu nhận hàng có chữ ký của bên mua.
- Phiếu kiểm định chất lượng sản phẩm của trung tâm thí nghiệm có thẩm quyền cho tất cả các thiết bị.
- Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng cho các thiết bị nhập khẩu của ABB (bản sao).
- Các bản vẽ liên quan đến hệ thống điện bên A.

ARTICLE III : TIME, PLACE FOR EXECUTION OF CONTRACT

ĐIỀU III : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Delivery time: within 14 weeks from the date of signing contract and Party B get the first payment.

Thời gian giao hàng: 14 tuần sau khi ký hợp đồng và bên B nhận được tạm ứng đợt 1.

- Place of delivery: My Xuan B1-Conac industrial zone, My Xuan town, Tan Thanh district, BRVT province.

Địa điểm giao hàng: KCN Mỹ Xuân B1-Conac, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT

- Receivers:
 - Storekeeper: Mr. Nhuận 0909 991 760 or Mr. Hải 0908 573 324
 - Electric engineer: Mr. Tùng 0935 58 05 06

Người nhận hàng:

- Thủ kho: anh Nhuận 0909 991 760 hoặc anh Hải 0908 573 324
- Kỹ sư điện: anh Tùng 0935 58 05 06

ARTICLE IV : WARRANTY

ĐIỀU IV : BẢO HÀNH

1. Party B shall be responsible to warranty equipment provided by Party B within 12 months after Party A receive the products.

Bên B chịu trách nhiệm bảo hành thiết bị do Bên B cung cấp trong thời hạn 12 tháng kể từ khi bên A nhận hàng.

2. The warranty of Party B does not cover the following cases: Party A self-repair not follow manual of the manufacturer; by fire, lightning, natural disasters and other conditions not follow standard warranty manufacturer's. Where the incident mentioned above happens, Party A shall bear all costs related to repair and remedy.

Trách nhiệm bảo hành của Bên B không bao gồm các trường hợp sau: Bên A tự ý sửa chữa không tuân theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất; do hỏa hoạn, sét đánh, thiên tai và các điều kiện khác không theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất. Trường hợp xảy ra sự cố nêu trên, Bên A phải chịu toàn bộ chi phí liên quan cho việc sửa chữa, khắc phục.

ARTICLE V : RESPONSIBILITIES OF THE TWO PARTIES

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Party B

Bên B

1. Finish work on time, in accordance with the requirements, technical standards, approval design drawings, work schedule under this Contract.

Hoàn thành công việc đúng thời hạn và phù hợp với các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, tiến độ làm việc của hợp đồng này.

2. Make sure supply goods quality 100% new.

Đảm bảo chất lượng hàng hoá cung cấp mới 100%.

3. Perform other duties as prescribed by contract.

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng.

4. In case Party B fails to comply with the delivery time specified in this contract, Party B shall pay Party A is 0.01% fines value for each day of delay. Total fines not exceeding 10% of contract value.

Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng thời gian giao hàng quy định trong hợp đồng này, thì bên B trả cho bên A khoản tiền phạt là 0.01% giá trị cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không vượt quá 10% giá trị hợp đồng.

Party A

Bên A

1. Facilitating and supporting the party B in the course of the contract performance

Bên A tạo điều kiện và hỗ trợ bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng

2. Party A appoints staff to check products when party B handovers the products.

Bên A cử nhân viên kiểm tra hàng hóa khi Bên B bàn giao sản phẩm.

3. Payments to Party B under Article II of the contract. If Party A pay to Party B late, Party A shall pay to Party B 0.01% fines value for each day of delay. Total fines not exceeding 10% of contract value.

Thanh toán cho bên B theo điều II của hợp đồng. Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B thì bên A trả cho bên B khoản tiền phạt là 0.01% giá trị cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không vượt quá 10% giá trị hợp đồng.

ARTICLE VI : CASES OF FORCE MAJEURE

ĐIỀU VI: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

1. Force majeure events are events have objectivity and are beyond the control of the parties such as earthquakes, storms, floods, tornados, tsunamis, landslides, fires, war or threatened

occurrence of war and other disasters have not been fully measured, the change of policy or prohibit the competent agencies of Vietnam .

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

2. The party does not fulfill its obligations due to force majeure events will not be the basis for the other party terminating the contract. However, parties affected by unforeseen events are supposed to:

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải :

✓ Carry out reasonable preventive action and necessary alternative measures to minimize effects due to force majeure causes.

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

✓ Immediately notify the other party of unforeseen events occurring within 07 days immediately after the occurrence of unforeseen events. (Accompanied by a certificate from the competent agencies to accept or not accept the unforeseen happens.)

Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. (Kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận sự việc bất khả kháng xảy ra).

3. In the event of unforeseen events, the contract performance period will be extended equal to the time the force majeure events happen when the affected party can not perform their obligations under their contracts.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ARTICLE VII: AMENDMENTS OF CONTRACT

ĐIỀU VII: ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

In the process of implementation of economic contracts, both parties may agree on contract amendments. The agreement must be documented as an annex to the contract and signed by both parties and certification shall be valid implementation.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, hai bên có quyền thỏa thuận về sửa đổi bổ sung hợp đồng. Sự thỏa thuận đó phải được lập thành văn bản như một phụ lục của hợp đồng và được hai bên cùng ký xác nhận thì mới có giá trị thực hiện.

ARTICLE VIII : OTHER AGREEMENTS

ĐIỀU VIII: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

1. The two parties undertake to comply with the terms of the economic contract. If any disadvantage problems arise, the two sides informed each other in time to negotiate and discuss and solve together in a spirit of cooperation.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng kinh tế. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, hai bên kịp thời thông báo cho nhau để thương lượng và cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.

2. In cases two parties can not resolve, either party may submit the case to the economic court of Ho Chi Minh city, the decision of the court is the final decision binding on each party . All the expenses shall be borne by the losing side

Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được, một trong hai bên có quyền đưa vụ việc đến tòa án kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh kinh tế Việt Nam xét xử, phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng bắt buộc đối với mỗi bên. Chi phí Tòa án sẽ do bên vi phạm hợp đồng chịu.

3. After the two sides finish all their obligations in accordance with the terms of the contract, the contract shall automatically be liquidated.

Sau khi hai bên thực hiện hết các các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.

This contract is made in the 04 sets, 02 sets in each party have equal value and takes effect from the date signed until both parties fulfilled their obligations. If any difference between the English & Vietnamese version, the Vietnamese version is prevail..

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký kết cho đến khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình. Nếu có bất kỳ khác biệt nào về ngữ nghĩa giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Việt thì nghĩa tiếng Việt sẽ chiếm ưu thế.

BUYER REPRESENTATION

ĐẠI DIỆN BÊN MUA



SELLER REPRESENTATION

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Liên



7. HÌNH ẢNH MỘT SỐ DỰ ÁN



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ CUNG CẤP TỦ ĐIỆN MCC- MNS ABB





DỰ ÁN NUMBER ONE HÀ NAM CÔNG TY TÂN HIỆP PHÁT

CUNG CẤP LẮP ĐẶT ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ 35KV TBA 12MVA (4x3000KVA) 35(22)/0.4KV





DỰ ÁN NUMBER ONE HÀ NAM CÔNG TY TÂN HIỆP PHÁT

CUNG CẤP VÀ LẮP DẶT BUSWAY SCHNEIDER





DỰ ÁN NHÀ MÁY INTEL CUNG CẤP TỦ ĐIỆN MSB-ARTUK, MCC-MNS ABB





DỰ ÁN NHÀ MÁY INTEL CUNG CẤP TỬ ĐIỆN BIẾN TẦN ABB





ĐỰ ÁN TỬ ĐIỆN NHÔM TOÀN CẦU CUNG CẤP TỬ ĐIỆN MSB-5000A





DỰ ÁN TỬ ĐIỆN SITV-BÀ RỊA, VŨNG TÀU

CUNG CẤP TỬ ĐIỆN 6000A



HỒ SƠ NĂNG LỰC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN – TỰ ĐỘNG HÓA A&E